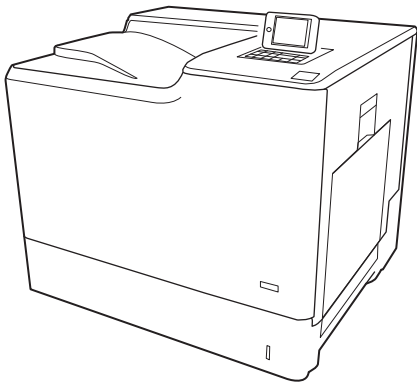


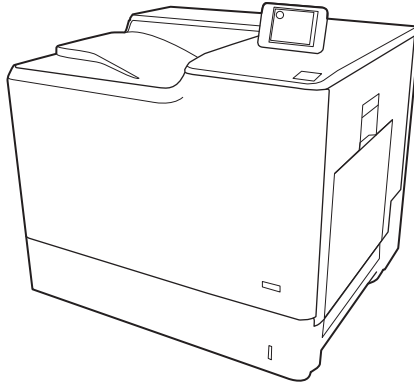


# Color LaserJet Enterprise M652, M653

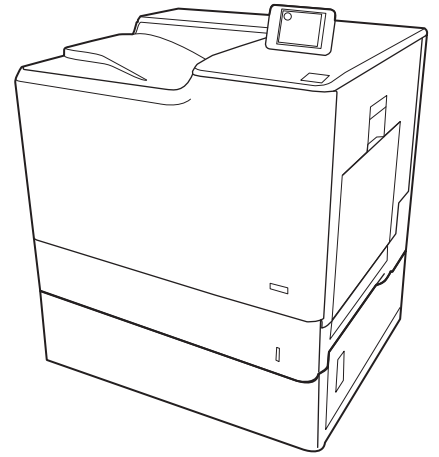
## Hướng dẫn Sử dụng



M652n  
M652dn



M653dn



M653x



[www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652)  
[www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653)





# Color LaserJet Enterprise M652, M653

Hướng dẫn sử dụng

## **Bản quyền và giấy phép**

© Copyright 2017 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 2, 1/2019

## **Công nhận nhãn hiệu**

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

OS X là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

AirPrint là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Google™ là nhãn hiệu của Google Inc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

# Mục lục

<b>1 Tổng quan máy in</b> .....	<b>1</b>
<b>Giao diện máy in</b> .....	<b>2</b>
Mặt trước của máy in .....	2
Mặt sau của máy in .....	3
Các cổng giao diện .....	4
Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển màn hình đồ họa màu kèm bàn phím, chỉ có ở kiểu M652) .....	4
Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu M653) .....	6
Cách sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng .....	8
<b>Thông số kỹ thuật của máy in</b> .....	<b>9</b>
Thông số kỹ thuật .....	9
Các hệ điều hành được hỗ trợ .....	11
Giải pháp in di động .....	13
Kích thước máy in .....	14
Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn .....	16
Phạm vi môi trường sử dụng .....	17
<b>Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm</b> .....	<b>18</b>
<b>2 Khay giấy</b> .....	<b>19</b>
Giới thiệu .....	20
<b>Nạp Khay 1</b> .....	<b>21</b>
Giới thiệu .....	21
Hướng giấy khay 1 .....	22
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác .....	24
Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in .....	24
<b>Nạp Khay 2 và các khay 550 tờ</b> .....	<b>25</b>
Giới thiệu .....	25
Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ .....	27
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác .....	28

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in .....	28
Nạp vào khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 tờ .....	29
Giới thiệu .....	29
Hướng giấy của khay tiếp giấy dung lượng lớn .....	31
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác .....	32
Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in .....	32
Nạp và in phong bì .....	34
Giới thiệu .....	34
In phong bì .....	34
Hướng Phong bì .....	34
Nạp và in nhãn .....	35
Giới thiệu .....	35
Tiếp nhãn theo cách thủ công .....	35
Hướng nhãn .....	36
<b>3 Mục in, phụ kiện và bộ phận .....</b>	<b>37</b>
Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận .....	38
Đặt hàng .....	38
Mực in và phụ kiện .....	38
Vật tư tiêu hao cần bảo trì/thời gian dài .....	39
Các bộ phận tự sửa chữa .....	40
Cấu hình các cài đặt nguồn cung cấp bảo vệ hộp mực in HP .....	41
Giới thiệu .....	41
Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực) .....	41
Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực) .....	41
Sử dụng bảng điều khiển máy in để tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực) .....	42
Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) để bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực) .....	42
Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) để tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực) .....	43
Xử lý các thông báo lỗi về Chính sách hộp mực trên bảng điều khiển .....	44
Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) .....	44
Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) .....	44
Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) .....	45

Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) .....	45
Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) để tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) .....	46
Xử lý các thông báo lỗi về Bảo vệ hộp mực trên bảng điều khiển .....	47
Thay thế hộp mực in .....	48
Thông tin về hộp mực in .....	48
Tháo và thay hộp mực .....	49
Thay bộ thu gom bột mực .....	52
<b>4 In .....</b>	<b>55</b>
Thao tác in (Windows) .....	56
Cách in (Windows) .....	56
In tự động trên hai mặt (Windows) .....	58
In thủ công trên cả hai mặt (Windows) .....	58
In nhiều trang trên một trang giấy (Windows) .....	59
Chọn loại giấy (Windows) .....	59
Tác vụ in bổ sung .....	60
Thao tác in (OS X) .....	61
Cách in (OS X) .....	61
Tự động in trên cả hai mặt (OS X) .....	61
In thủ công trên cả hai mặt (OS X) .....	61
In nhiều trang trên một tờ (OS X) .....	62
Chọn loại giấy (OS X) .....	62
Tác vụ in bổ sung .....	62
Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng .....	64
Giới thiệu .....	64
Tạo lệnh in đã lưu (Windows) .....	64
Tạo lệnh in đã lưu (OS X) .....	66
In lệnh in đã lưu .....	66
Xóa lệnh in đã lưu .....	67
Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in .....	67
In di động .....	68
Giới thiệu .....	68
In Wireless Direct Print và NFC .....	68
HP ePrint qua email .....	69
Phần mềm HP ePrint .....	70
AirPrint .....	71
In nhúng của Android .....	71
In từ cổng USB .....	72

Giới thiệu .....	72
Bật cổng USB để in .....	72
In tài liệu USB .....	73

## 5 Quản lý máy in ..... 75

Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS) .....	76
Giới thiệu .....	76
Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) .....	76
Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP .....	77
Tab Information (Thông Tin) .....	78
Tab General (Chung) .....	78
Tab Print (In) .....	79
Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố) .....	80
Tab Security (Bảo mật) .....	81
Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP) .....	81
Tab Networking (Hoạt động mạng) .....	81
Danh sách Other Links (Liên kết Khác) .....	83
Định cấu hình cài đặt mạng IP .....	84
Từ chối chia sẻ máy in .....	84
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng .....	84
Đổi tên máy in trên mạng .....	85
Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công .....	86
Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công .....	86
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết .....	87
Các tính năng bảo mật của máy in .....	89
Giới thiệu .....	89
Tuyên bố bảo mật .....	89
Bảo mật IP .....	89
Gán mật khẩu của quản trị viên .....	89
Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP .....	91
Khóa bộ định dạng .....	91
Các cài đặt bảo tồn năng lượng .....	92
Giới thiệu .....	92
Đặt các cài đặt chạy không .....	92
Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn .....	92
HP Web Jetadmin .....	94
Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở .....	95



<b>6 Giải quyết sự cố .....</b>	<b>97</b>
Hỗ trợ khách hàng .....	98
Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển .....	99
Khôi phục cài đặt gốc .....	100
Giới thiệu .....	100
Phương pháp một: Khôi phục cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in .....	100
Phương pháp hai: Khôi phục cài đặt gốc từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng) .....	100
Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in .....	102
Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết) .....	102
Đặt hàng mực in .....	102
Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai .....	103
Giới thiệu .....	103
Máy in không nạp giấy .....	103
Máy in nạp nhiều giấy .....	105
Xử lý kẹt giấy .....	109
Giới thiệu .....	109
Vị trí giấy kẹt .....	109
Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt .....	110
Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn? .....	110
13.E1 Kẹt giấy ở ngăn giấy đầu ra .....	110
13.A1 Kẹt giấy trong khay 1 .....	111
13.A2 Kẹt giấy trong khay 2 .....	113
13.A3, 13.A4, 13.A5 Kẹt giấy trong khay 3, khay 4, khay 5 .....	117
13.A Kẹt giấy trong khay 2000 tờ .....	122
13.B9, 13.B2, 13.FF Kẹt giấy trong cuộn sấy .....	126
13.B2 Kẹt giấy trong cửa bên phải .....	129
Cải thiện chất lượng in .....	130
Giới thiệu .....	130
In từ một chương trình phần mềm khác .....	130
Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in .....	130
Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows) .....	130
Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X) .....	130
Kiểm tra tình trạng hộp mực in .....	131
In một trang lau dọn .....	131
Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường .....	132
Kiểm tra môi trường in và giấy .....	132
Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP .....	132
Bước hai: Kiểm tra môi trường .....	132

Bước 3: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ .....	133
Thủ trình điều khiển in khác .....	133
Hiệu chỉnh máy in để canh màu .....	134
Bảng lỗi hình ảnh .....	136
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây .....	143
Giới thiệu .....	143
Kết nối vật lý kém .....	143
Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này .....	143
Máy tính không thể giao tiếp với máy in .....	144
Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này .....	144
Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích .....	144
Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai .....	144
Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai .....	144
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây .....	145
Giới thiệu .....	145
Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây .....	145
Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất .....	146
Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba .....	146
Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in .....	146
Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây .....	146
Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN .....	147
Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây .....	147
Mạng không dây không hoạt động .....	147
Giảm nhiễu trên mạng không dây .....	147
<b>Bảng chú dẫn .....</b>	<b>149</b>

---

# 1 Tổng quan máy in

- [Giao diện máy in](#)
- [Thông số kỹ thuật của máy in](#)
- [Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm](#)

## Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).

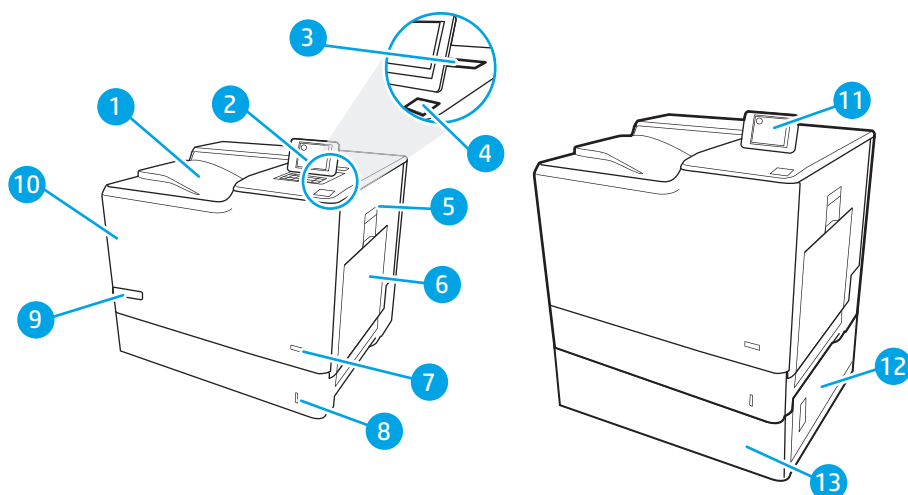
Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

## Giao diện máy in

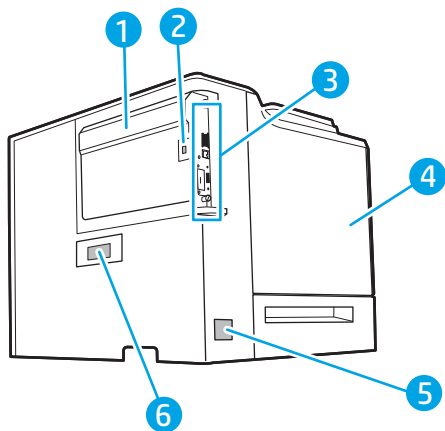
- [Mặt trước của máy in](#)
- [Mặt sau của máy in](#)
- [Các cổng giao diện](#)
- [Giao diện bảng điều khiển \(bảng điều khiển màn hình đồ họa màu kèm bàn phím, chỉ có ở kiểu M652\)](#)
- [Giao diện bảng điều khiển \(bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu M653\)](#)

### Mặt trước của máy in



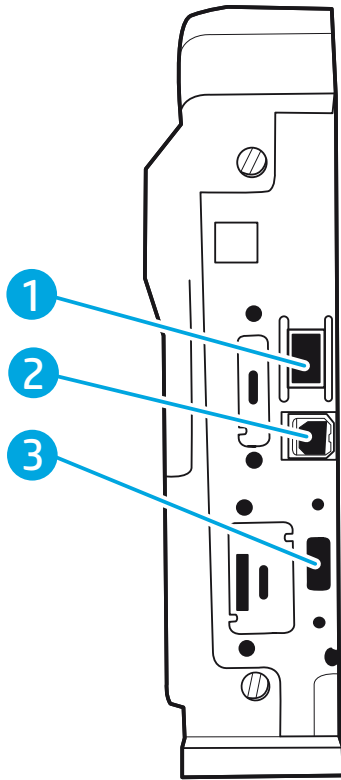
1	Ngăn giấy đầu ra
2	Bảng điều khiển với màn hình đồ họa màu và bàn phím (chỉ có ở kiểu M652)
3	Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba
4	Cổng Easy-access USB Cắm ổ flash USB để in mà không cần máy tính hoặc để nâng cấp chương trình cơ sở của máy in. <b>GHI CHÚ:</b> Người quản trị phải bật cổng này trước khi sử dụng.
5	Cửa bên phải (cửa vào cuộn sấy và để xử lý giấy kẹt)
6	Khay 1
7	Nút bật/tắt
8	Khay 2
9	Tên kiểu
10	Cửa trước (cửa vào hộp mực in)
11	Bảng điều khiển có màn hình cảm ứng màu (chỉ có ở kiểu M653)
12	Cửa bên phải phía dưới (cửa xử lý kẹt giấy)
13	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ, Khay 3 (đi kèm với kiểu M653x, tùy chọn đối với các kiểu khác)

## Mặt sau của máy in



1	Nắp bộ định dạng
2	Khe khóa an toàn dạng cáp
3	Bộ định dạng (chứa các cổng giao tiếp)
4	Cửa bên trái (cửa vào bộ thu gom mực in)
5	Kết nối nguồn
6	Nhãn số sê-ri và số sản phẩm

## Các cổng giao diện




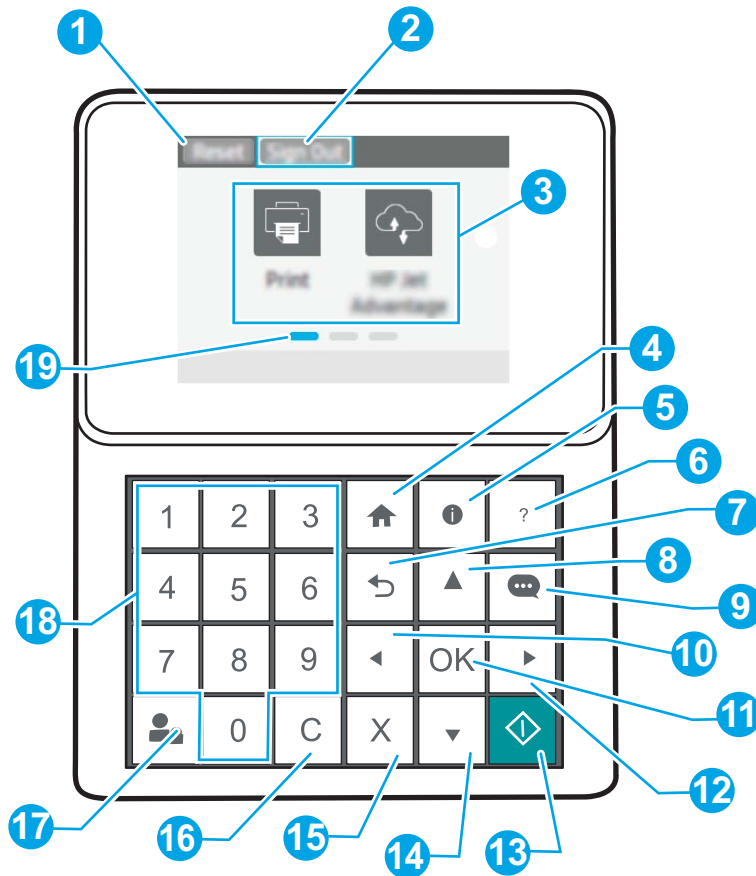
- |   |   |
|---|---|
| 1 | Cổng mạng Ethernet 10/100/1000 mạng cục bộ (LAN)                      |
| 2 | Cổng in USB 2.0 tốc độ cao  |
| 3 | Cổng USB để kết nối các thiết bị USB bên ngoài (cổng này có thể đóng) |


**GHI CHÚ:** Để in easy-access USB, dùng cổng USB gần bảng điều khiển.












## Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển màn hình đồ họa màu kèm bàn phím, chỉ có ở kiểu M652)

Dùng bảng điều khiển để lấy thông tin về máy in và trạng thái lệnh và để lập cấu hình máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về các tính năng của bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653) Chọn **Manuals** (Hướng dẫn) và chọn **General reference** (Tham khảo chung).



1	Nút <b>Reset</b> (Xác lập lại)	Chọn nút <b>Reset</b> (Xác lập lại) để xóa các thay đổi, giải thoát máy in khỏi tình trạng tạm dừng, xác lập lại trường đếm bản sao, hiển thị các lỗi bị ẩn và khôi phục các cài đặt mặc định (bao gồm ngôn ngữ và bố cục bàn phím).
2	Biểu tượng <b>Sign In</b> (Đăng nhập) hoặc <b>Sign Out</b> (Đăng xuất)	<p>Chọn nút <b>Sign In</b> (Đăng nhập) để truy cập các tính năng được bảo mật.</p> <p>Chọn nút <b>Sign Out</b> (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định.</p> <p><b>GHI CHÚ:</b> Biểu tượng này sẽ chỉ hiển thị nếu quản trị viên đã cấu hình máy in yêu cầu quyền để truy cập vào các tính năng.</p>
3	Khu vực <b>Applications</b> (Ứng dụng)	<p>Chọn một trong các biểu tượng để mở ứng dụng.</p> <p><b>GHI CHÚ:</b> Các ứng dụng có sẵn có thể thay đổi tùy theo máy in. Quản trị viên có thể cấu hình các ứng dụng nào được xuất hiện và thứ tự chúng xuất hiện ra sao.</p>
4	Nút Home 	Quay lại Màn hình chính


5	Nút Information  (Thông tin)	<p>Chọn nút thông tin để truy cập một số loại thông tin máy in. Chọn các mục trên màn hình để biết thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Display Language</b> (Ngôn ngữ hiển thị): Thay đổi cài đặt ngôn ngữ đối với phiên người dùng hiện tại.</li> <li>• <b>Wi-Fi Direct</b>: Xem thông tin về cách kết nối trực tiếp với máy in bằng cách sử dụng điện thoại, máy tính bảng hoặc thiết bị khác.</li> <li>• <b>Wireless</b> (Không dây): Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối không dây (dành cho kiểu M652, chỉ khi một phụ kiện không dây tùy chọn được lắp đặt).</li> <li>• <b>Ethernet</b>: Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối Ethernet.</li> <li>• <b>HP Web Services</b> (Dịch vụ web HP): Xem thông tin để kết nối và in đến máy in bằng cách sử dụng Dịch vụ web HP (ePrint).</li> </ul>
6	Nút Help  (Trợ giúp)	Cung cấp danh sách các chủ đề trợ giúp hoặc thông tin về một chủ đề khi sử dụng Màn hình chính, một ứng dụng, một tùy chọn hoặc một tính năng
7	Nút Back  (Quay lại)	Trở lên một mức trong dạng cây của menu hoặc trở lên một mục nhập số
8	Sử dụng nút mũi tên 	Điều hướng đến mục hoặc công cụ trước đó trong danh sách, hoặc tăng giá trị của các mục số
9	Nút Message Center  (Trung tâm thông báo)	Hiển thị Trung tâm thông báo
10	Nút mũi tên Trái 	Điều hướng đến mục, công cụ hoặc mức trước đó trong cây menu (nhưng không thoát ứng dụng) hoặc giảm giá trị của các mục số
11	Nút OK	Lưu giá trị đã chọn của một mục, kích hoạt nút hội tụ hoặc xóa điều kiện lỗi nếu điều kiện lỗi đó có thể xóa được
12	Nút mũi tên Phải 	Điều hướng đến mục, công cụ hoặc mức kế tiếp trong cây menu hoặc tăng giá trị của các mục số
13	Nút Start  (Bắt đầu)	Bắt đầu lệnh in
14	Nút mũi tên xuống 	Điều hướng đến một mục hoặc công cụ kế tiếp trong danh sách, hoặc giảm giá trị của các mục số
15	Nút Cancel  (Hủy)	Tạm dừng máy in và hiển thị thông báo xác nhận việc hủy lệnh in, nếu có một lệnh in đang hoạt động
16	Nút Clear  (Xóa)	Xóa mục nhập toàn bộ trong một trường nhập
17	Nút Sign In (Đăng nhập) hoặc Sign Out (Đăng xuất)	<p>Bấm nút <b>Sign In</b> (Đăng nhập) để truy cập các tính năng được bảo mật.</p> <p>Bấm nút <b>Sign Out</b> (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định.</p>
18	Bàn phím số	Nhập giá trị số
19	Chỉ báo trang màn hình chính	Cho biết số trang trên Màn hình chính hoặc trong một ứng dụng. Trang hiện tại sẽ được tô sáng. Sử dụng các nút mũi tên để di chuyển giữa các trang.


## Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu M653)

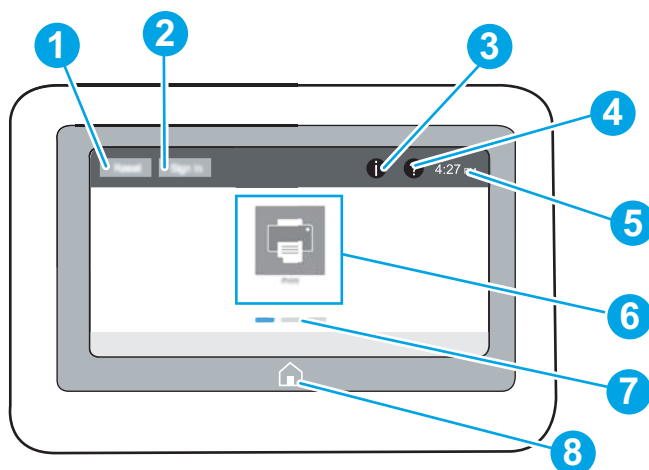
Màn hình chính cung cấp truy cập vào các tính năng máy in và cho biết trạng thái hiện thời của máy in.






Trở về Màn hình chính bất kỳ lúc nào bằng cách chạm vào nút Home (Màn hình chính) ở bên trái của bảng điều khiển máy in, hoặc chạm vào nút Home (Màn hình chính) ở góc trên bên trái của hầu hết màn hình.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về các tính năng của bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653). Chọn **Manuals** (Hướng dẫn) và chọn **General reference** (Tham khảo chung).

 **GHI CHÚ:** Các tính năng xuất hiện trên Màn hình chính có thể khác nhau, tùy thuộc vào cấu hình máy in.

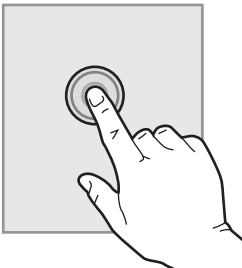
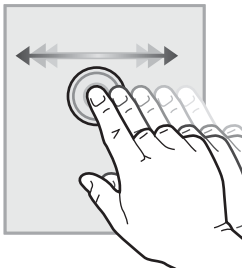
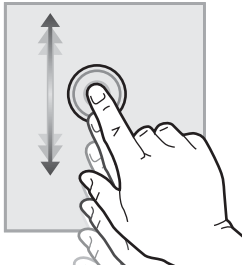


1	Nút <b>Reset</b> (Xác lập lại)	Chạm vào nút Reset (Xác lập lại) để xóa các thay đổi, giải thoát máy in khỏi tình trạng tạm dừng, xác lập lại trường đếm bản sao, hiển thị các lỗi bị ẩn và khôi phục các cài đặt mặc định (bao gồm ngôn ngữ và bố cục bàn phím).
2	Nút <b>Sign In</b> (Đăng nhập) hoặc <b>Sign Out</b> (Đăng xuất)	Chạm vào nút <b>Sign In</b> (Đăng nhập) để truy cập các tính năng được bảo mật. Chạm vào nút <b>Sign Out</b> (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định.
<b>GHI CHÚ:</b> Nút này sẽ chỉ hiển thị nếu quản trị viên đã cấu hình máy in yêu cầu quyền để truy cập vào các tính năng.		
3	Nút Information  (Thông tin)	Chạm vào nút thông tin để truy cập vào một màn hình cung cấp truy cập vào một số loại thông tin máy in. Chạm vào các nút ở cuối màn hình để biết thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Display Language</b> (Ngôn ngữ hiển thị): Thay đổi cài đặt ngôn ngữ đối với phiên người dùng hiện tại.</li> <li>• <b>Sleep Mode</b> (Chế độ nghỉ): Đặt máy in vào chế độ nghỉ.</li> <li>• <b>Wi-Fi Direct</b>: Xem thông tin về cách kết nối trực tiếp với máy in bằng cách sử dụng điện thoại, máy tính bảng hoặc thiết bị khác có Wi-Fi.</li> <li>• <b>Wireless</b> (Không dây): Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối không dây (chỉ các kiểu không dây).</li> <li>• <b>Ethernet</b>: Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối Ethernet.</li> <li>• <b>HP Web Services</b> (Dịch vụ web HP): Xem thông tin để kết nối và in đến máy in bằng cách sử dụng Dịch vụ web HP (ePrint).</li> </ul>
4	Nút Help  (Trợ giúp)	Chạm vào nút Trợ giúp để mở hệ thống trợ giúp nhúng.
5	Current time (Thời gian hiện tại)	Hiển thị thời gian hiện tại.


6	Khu vực Applications (Ứng dụng)	Chạm vào biểu tượng bất kỳ để mở ứng dụng. Vuốt màn hình sang hai bên để truy cập vào nhiều ứng dụng hơn.  <b>GHI CHÚ:</b> Các ứng dụng có sẵn có thể thay đổi tùy theo máy in. Quản trị viên có thể cấu hình các ứng dụng nào được xuất hiện và thứ tự chúng xuất hiện ra sao.
7	Chỉ báo trang màn hình chính	Cho biết số trang trên Màn hình chính hoặc trong một ứng dụng. Trang hiện tại sẽ được tô sáng. Vuốt màn hình sang hai bên để cuộn giữa các trang.
8	Nút Home 	Chạm vào nút Home (Màn hình chính) để trở về Màn hình chính.

## Cách sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng

Dùng các thao tác sau để sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng của máy in.

Thao tác	Mô tả	Ví dụ
<b>Chạm vào</b>  	Chạm vào một mục trên màn hình để chọn mục đó hoặc mở menu đó. Ngoài ra, khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.	Chạm vào biểu tượng <a href="#">Settings</a> (Cài đặt) để mở ứng dụng <a href="#">Settings</a> (Cài đặt).
<b>Vuốt</b>  	Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay của bạn theo chiều ngang để cuộn màn hình sang hai bên.	Vuốt cho đến khi ứng dụng <a href="#">Settings</a> (Cài đặt) hiển thị.
<b>Cuộn</b>  	Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay của bạn theo chiều dọc để cuộn lên và xuống màn hình. Khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.	Cuộn qua ứng dụng <a href="#">Settings</a> (Cài đặt).

# Thông số kỹ thuật của máy in

 **QUAN TRỌNG:** Các thông số kỹ thuật sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản, nhưng có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, xem [www.hp.com/support/colorljm652](http://www.hp.com/support/colorljm652) or [www.hp.com/support/colorljm653](http://www.hp.com/support/colorljm653).

- [Thông số kỹ thuật](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Giải pháp in di động](#)
- [Kích thước máy in](#)
- [Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn](#)
- [Phạm vi môi trường sử dụng](#)

## Thông số kỹ thuật

Tên kiểu	M652n	M652dn	M653dn	M653x	
Số sản phẩm	J7Z98A	J7Z99A	J8A04A	J8A05A	
Quản lý giấy in	Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	✓	✓	✓	
	Khay 2 (dung lượng 550 tờ)	✓	✓	✓	
	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	✓
	<b>GHI CHÚ:</b> Các kiểu máy M652n, M652dn và M653dn chấp nhận tối đa hai khay nạp giấy 1 x 550 tờ tùy chọn. Khay 3 đi kèm với kiểu M653x, có thể chấp nhận một khay nạp giấy 1 x 550 tờ bổ sung.				
	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ có chân đế	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Khay nạp giấy 3 x 550 tờ có chân đế	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Khay nạp giấy dung lượng lớn (HCI)	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
In hai mặt tự động	Không được hỗ trợ	✓	✓	✓	
Kết nối	Kết nối LAN Ethernet 10/100/1000 với IPv4 và IPv6	✓	✓	✓	
	USB 2.0 Tốc độ Cao	✓	✓	✓	
	Cổng easy-access USB để in không cần máy tính và nâng cấp chương trình cơ sở	✓	✓	✓	✓

Tên kiểu	M652n	M652dn	M653dn	M653x
Số sản phẩm	J7Z98A	J7Z99A	J8A04A	J8A05A
	Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba	✓	✓	✓
	Cổng USB bên trong của HP	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/ Không dây để in từ các thiết bị di động <b>GHI CHÚ:</b> Để sử dụng trong Ổ tích hợp phần cứng. Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/ Không dây cần phụ kiện các cổng USB bên trong của HP. J8030A cũng có thể được kết nối qua cổng USB chủ phía sau. Trong trường hợp đó, HP không được sử dụng.	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Chức năng HP Wi-Fi Direct tích hợp để in từ các thiết bị di động	Không có sẵn	Không có sẵn	Không có sẵn
	Phụ kiện HP Jetdirect 2900nw Print Server để kết nối không dây	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
<b>Bộ nhớ</b>	Bộ nhớ cơ bản 1 GB <b>GHI CHÚ:</b> Bộ nhớ cơ bản có thể mở rộng đến 2 GB bằng cách thêm mô-đun bộ nhớ DIMM.	✓	✓	✓
<b>Bộ nhớ dung lượng lớn</b>	Ổ cứng 500 GB đạt chứng nhận FIPS140	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
<b>Security (Bảo mật)</b>	Mô-đun nền tảng HP Trusted để mã hóa mọi dữ liệu đi qua máy in	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
<b>Màn hình và đầu vào của bảng điều khiển</b>	Màn hình đồ họa màu có bàn phím gồm 10 phím	✓	✓	Không được hỗ trợ
	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng màu	Không được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	✓
<b>In</b>	In 50 trang mỗi phút (ppm) trên giấy Letter và 47 ppm trên giấy A4	✓	✓	Không được hỗ trợ
	In 60 trang mỗi phút (ppm) trên giấy Letter và 56 ppm trên giấy A4	Không được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	✓

Tên kiểu	M652n	M652dn	M653dn	M653x
Số sản phẩm	J7Z98A	J7Z99A	J8A04A	J8A05A
In Easy-access USB (không yêu cầu máy tính)	✓	✓	✓	✓
Lưu các lệnh in vào bộ nhớ máy in để in sau hoặc in riêng	✓	✓	✓	✓

## Các hệ điều hành được hỗ trợ

Thông tin sau đây áp dụng cho các trình điều khiển in máy in chuyên biệt Windows PCL 6 và trình điều khiển in HP cho OS X và cho bộ cài đặt phần mềm.

**Windows:** Bộ cài đặt phần mềm HP cài đặt trình điều khiển in "HP PCL.6" phiên bản 3, trình điều khiển in "HP PCL 6" phiên bản 3, hoặc trình điều khiển in "HP PCL-6" phiên bản 4, tùy thuộc vào hệ điều hành Windows, cùng với phần mềm tùy chọn khi sử dụng bộ cài đặt phần mềm. Tải xuống trình điều khiển in "HP PCL.6" phiên bản 3, trình điều khiển in "HP PCL 6" phiên bản 3 và trình điều khiển in "HP PCL-6" phiên bản 4 từ trang web hỗ trợ máy in dành cho máy in này: [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).

**OS X:** Máy in này hỗ trợ máy tính Mac. Tải xuống HP Easy Start từ [123.hp.com/LaserJet](http://123.hp.com/LaserJet) hoặc từ trang Printer Support (Hỗ trợ máy in), sau đó sử dụng HP Easy Start để cài đặt trình điều khiển in HP. HP Easy Start không có trong Bộ cài đặt phần mềm HP.

1. Truy cập [123.hp.com/LaserJet](http://123.hp.com/LaserJet).
2. Thực hiện theo các bước được cung cấp để tải xuống phần mềm máy in.

**Linux:** Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho Linux, hãy truy cập [www.hp.com/go/linuxprinting](http://www.hp.com/go/linuxprinting).

**UNIX:** Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho UNIX®, hãy truy cập [www.hp.com/go/unixmodelscripts](http://www.hp.com/go/unixmodelscripts).

**Bảng 1-1** Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ


Hệ điều hành	Trình điều khiển in (cho Windows, hoặc bộ cài đặt trên web cho OS X)	Lưu ý
Windows® XP SP3, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL.6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows XP vào tháng 4/2009. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể dành cho hệ điều hành XP đã ngừng này. Một số tính năng của trình điều khiển in không được hỗ trợ.
Windows Vista®, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL.6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows Vista vào tháng 4/2012. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể dành cho hệ điều hành Vista đã ngừng này. Một số tính năng của trình điều khiển in không được hỗ trợ.


**Bảng 1-1 Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ (còn tiếp)**

<b>Hệ điều hành</b>	<b>Trình điều khiển in (cho Windows, hoặc bộ cài đặt trên web cho OS X)</b>	<b>Lưu ý</b>
Windows Server 2003 SP2, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows Server 2003 vào tháng 7/2010. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể cho hệ điều hành Server 2003 đã ngừng này. Một số tính năng của trình điều khiển in không được hỗ trợ.
Windows 7, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	
Windows 8, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	Hỗ trợ Windows 8 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 8.1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" V4 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm.	Hỗ trợ Windows 8.1 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 10, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" V4 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm.	
Windows Server 2008 SP2, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL.6" có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows Server 2008 vào tháng 1/2015. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể cho hệ điều hành Server 2008 đã ngừng này. Một số tính năng của trình điều khiển in không được hỗ trợ.
Windows Server 2008 SP2, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows Server 2008 vào tháng 1/2015. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể cho hệ điều hành Server 2008 đã ngừng này.
Windows Server 2008 R2, SP 1, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	
Windows Server 2012, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	

**Bảng 1-1** Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ (còn tiếp)

Hệ điều hành	Trình điều khiển in (cho Windows, hoặc bộ cài đặt trên web cho OS X)	Lưu ý
Windows Server 2012 R2, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	
OS X 10.10 Yosemite, OS X 10.11 El Capitan, OS X 10.12 Sierra	Trình điều khiển in HP có sẵn để tải xuống từ <a href="http://123.hp.com/LaserJet">123.hp.com/LaserJet</a> . Phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X không có trong Bộ cài đặt phần mềm HP.	Đối với OS X, tải xuống bộ cài đặt từ <a href="http://123.hp.com/LaserJet">123.hp.com/LaserJet</a> . <ol style="list-style-type: none"><li>1. Truy cập <a href="http://123.hp.com/LaserJet">123.hp.com/LaserJet</a>.</li><li>2. Thực hiện theo các bước được cung cấp để tải xuống phần mềm máy in.</li></ol>

 **GHI CHÚ:** Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ hiện nay, hãy truy cập [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653) để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in.


 **GHI CHÚ:** Để biết chi tiết về hệ điều hành máy khách và máy chủ và về thông tin hỗ trợ trình điều khiển HP UPD cho máy in này, hãy truy cập [www.hp.com/go/upd](http://www.hp.com/go/upd). Dưới phần **Additional information** (Thông tin bổ sung), hãy nhấp vào liên kết.

**Bảng 1-2** Các yêu cầu hệ thống tối thiểu

Windows	OS X
<ul style="list-style-type: none"><li>• Ổ CD-ROM, ổ DVD, hoặc kết nối Internet</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kết nối Internet</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• Kết nối USB 1.1 hoặc 2.0 chuyên biệt hoặc một kết nối mạng</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• 1 GB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• 400 MB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng</li></ul>	
<ul style="list-style-type: none"><li>• RAM 1 GB (32-bit) hoặc RAM 2 GB (64-bit)</li></ul>	

## Giải pháp in di động

HP cung cấp nhiều giải pháp di động và ePrint để cho phép in dễ dàng tới một máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập [www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting](http://www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting).

 **GHI CHÚ:** Cập nhật chương trình cơ sở của máy in để đảm bảo tất cả các chức năng in di động và ePrint đều được hỗ trợ.

- Wi-Fi Direct (chỉ dành cho kiểu máy không dây)
- HP ePrint qua email (Dịch vụ web HP phải được bật và máy in phải được đăng ký HP Connected)
- Ứng dụng HP ePrint (Có sẵn cho Android, iOS và Blackberry)
- Ứng dụng Từ xa Đa năng của HP cho thiết bị iOS và Android

- Phần mềm HP ePrint
- Google Cloud Print
- AirPrint
- In Android

## Kích thước máy in

**Bảng 1-3** Kích thước dành cho các kiểu n và dn

	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
Chiều cao	Kiểu M652n và M652dn: 482 mm	Kiểu M652n và M652dn: 482 mm
	Kiểu M653dn: 510 mm	Kiểu M653dn: 510 mm
Chiều sâu	458 mm	770 mm
Chiều rộng	510 mm	963 mm
Trọng lượng	26,8 kg	

**Bảng 1-4** Kích thước dành cho kiểu x

	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
Chiều cao	510 mm	510 mm
Chiều sâu	458 mm	770 mm
Chiều rộng	510 mm	963 mm
Trọng lượng	33,1 kg	

**Bảng 1-5** Kích thước cho khay nạp giấy 1 x 550 tờ

Chiều cao	130 mm
Chiều sâu	Khay đóng: 458 mm
	Khay mở: 770 mm
Chiều rộng	Cửa đóng: 510 mm
	Cửa mở: 510 mm
Trọng lượng	6,3 kg

**Bảng 1-6** Kích thước cho máy in có một khay nạp giấy 1 x 550 tờ

	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
Chiều cao	Kiểu M652n và M652dn: 612 mm	Kiểu M652n và M652dn: 612 mm
	Kiểu M653dn: 640 mm	Kiểu M653dn: 640 mm
	Kiểu M653x: 770 mm	Kiểu M653x: 770 mm



**Bảng 1-6** Kích thước cho máy in có một khay nạp giấy 1 x 550 tờ (còn tiếp)

	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
Chiều sâu	458 mm	770 mm
Chiều rộng	510 mm	963 mm
Trọng lượng	33,1 kg	

**Bảng 1-7** Kích thước cho khay nạp giấy 1 x 550 tờ có chân đế

Chiều cao	450 mm
Chiều sâu	Khay đóng: 657 mm Khay mở: 948 mm
Chiều rộng	Cửa đóng: 657 mm Cửa mở: 992 mm
Trọng lượng	18,6 kg

**Bảng 1-8** Kích thước cho máy in và khay nạp giấy 1 x 550 tờ giấy có chân đế

	Máy in và phụ kiện đóng hoàn toàn	Máy in và phụ kiện mở hoàn toàn
Chiều cao	Kiểu M652n và M652dn: 932 mm Kiểu M653dn: 960 mm	Kiểu M652n và M652dn: 932 mm Kiểu M653dn: 960 mm
Chiều sâu	657 mm	948 mm
Chiều rộng	657 mm	992 mm
Trọng lượng	45,4 kg	

**Bảng 1-9** Kích thước cho khay nạp giấy 3 x 550 tờ có chân đế

Chiều cao	450 mm
Chiều sâu	Khay đóng: 657 mm Khay mở: 984 mm
Chiều rộng	Cửa đóng: 657 mm Cửa mở: 992 mm
Trọng lượng	22,7 kg

**Bảng 1-10** Kích thước cho máy in và khay nạp giấy 3 x 550 tờ giấy có chân đế

	Máy in và phụ kiện đóng hoàn toàn	Máy in và phụ kiện mở hoàn toàn
Chiều cao	Kiểu M652n và M652dn: 932 mm Kiểu M653dn: 960 mm	Kiểu M652n và M652dn: 932 mm Kiểu M653dn: 960 mm
Chiều sâu	657 mm	984 mm
Chiều rộng	657 mm	992 mm
Trọng lượng	49,5 kg	

**Bảng 1-11** Kích thước cho Khay nạp giấy dung lượng lớn (HCl) có chân đế

Chiều cao	450 mm
Chiều sâu	Khay đóng: 657 mm Khay mở: 967 mm
Chiều rộng	Cửa đóng: 657 mm Cửa mở: 992 mm
Trọng lượng	25,2 kg

**Bảng 1-12** Kích thước cho máy in và Khay nạp giấy dung lượng lớn (HCl) có chân đế

	Máy in và phụ kiện đóng hoàn toàn	Máy in và phụ kiện mở hoàn toàn
Chiều cao	Kiểu M652n và M652dn: 932 mm Kiểu M653dn: 960 mm	Kiểu M652n và M652dn: 932 mm Kiểu M653dn: 960 mm
Chiều sâu	657 mm	967 mm
Chiều rộng	657 mm	992 mm
Trọng lượng	52 kg	

## Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn

Xem [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653) để biết thông tin mới nhất.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Các yêu cầu về điện năng dựa trên quốc gia/khu vực mà máy in được bán. Không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ gây hư hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của máy in.

## Phạm vi môi trường sử dụng

**Bảng 1-13** Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	15° đến 27°C	10° đến 30°C
Độ ẩm tương đối	30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH

# Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm

Để biết các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Hướng dẫn Cài đặt Phần cứng đi kèm với máy in. Đối với các hướng dẫn bổ sung, hãy tới mục trợ giúp HP trên web.

Hãy truy cập [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653) để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in. Tìm hỗ trợ sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

---

## 2 Khay giấy

- [Giới thiệu](#)
- [Nạp Khay 1](#)
- [Nạp Khay 2 và các khay 550 tờ](#)
- [Nạp vào khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 tờ](#)
- [Nạp và in phong bì](#)
- [Nạp và in nhãn](#)

### Để biết thêm thông tin:


Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

## Giới thiệu

---

 **THẬN TRỌNG:** Không in nhiều khay giấy một lần.

Không dùng khay giấy làm bậc lên xuống.

Để tay ra ngoài khay giấy khi đóng.

Phải đóng tất cả các khay khi di chuyển máy in.

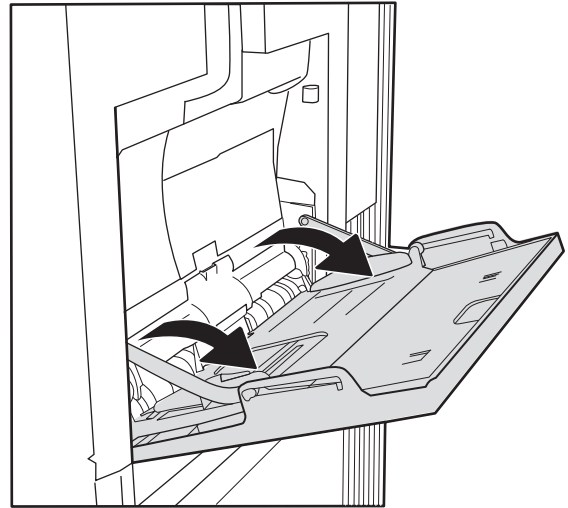
---

# Nạp khay 1

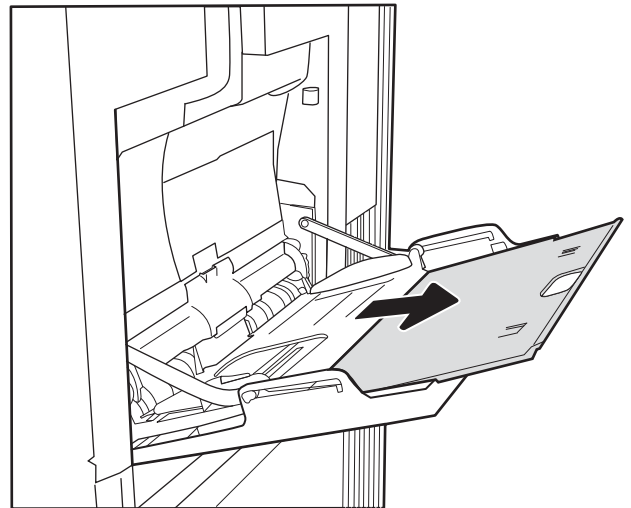
## Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 1. Khay này chứa được tối đa 100 tờ 75 g/m<sup>2</sup> hoặc 10 phong bì.

1. Mở khay 1.



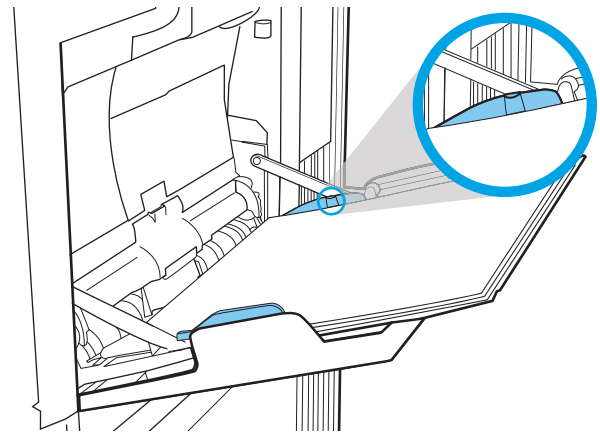
2. Kéo phần mở rộng của khay ra để đỡ giấy.



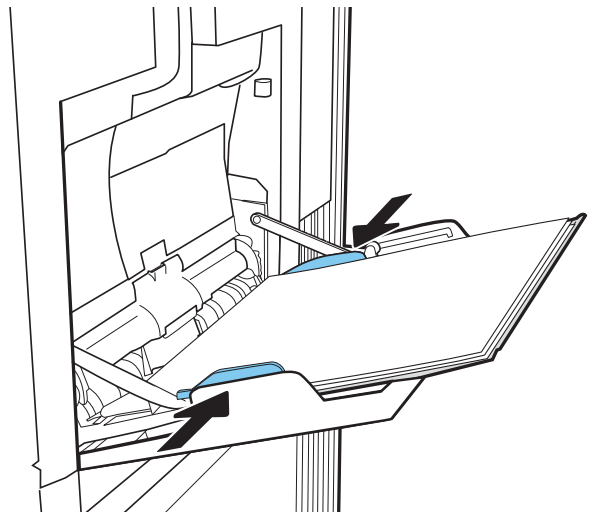
3. Sử dụng chốt điều chỉnh màu xanh để kéo dài các thanh dẫn giấy đến kích thước chính xác rồi nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Bảng 2-1 Hướng giấy khay 1 thuộc trang 22](#).

Đảm bảo chắc chắn giấy nằm dưới đường vạch dấu trên thanh dẫn giấy.

**GHI CHÚ:** Chiều cao tập giấy tối đa là 10 mm hoặc tương đương 100 tờ giấy 75 g/m<sup>2</sup>.



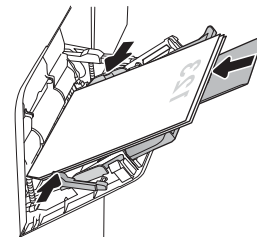
4. Sử dụng chốt điều chỉnh màu xanh, điều chỉnh các thanh dẫn bên sao cho chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong tập giấy.



## Hướng giấy khay 1

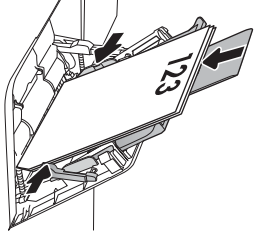
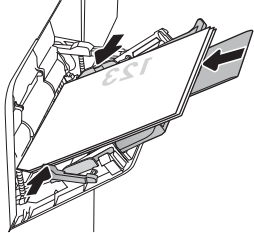
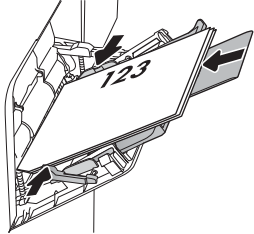
**Bảng 2-1** Hướng giấy khay 1

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	Đọc	In 1 mặt	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), L (90 x 130 mm), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng xuống Đưa mép dưới cùng vào máy in

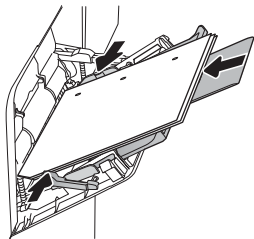
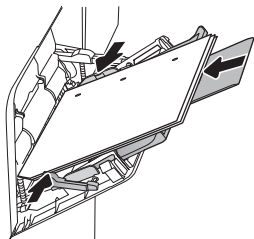




**Bảng 2-1 Hướng giấy khay 1 (còn tiếp)**

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
		In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	<p>Mặt hướng lên</p> <p>Đưa mép dưới cùng vào máy in</p> 
	Ngang	In 1 mặt	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), L (90 x 130 mm), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	<p>Mặt hướng xuống</p> <p>Cạnh trên hướng về phía sau máy in</p> 
		In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	<p>Mặt hướng lên</p> <p>Cạnh trên hướng về phía sau máy in</p> 

**Bảng 2-1 Hướng giấy khay 1 (còn tiếp)**

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
Dập lỗ trước	Đọc và ngang	In 1 mặt	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), L (90 x 130 mm), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Các lỗ hướng về phía sau máy in 
		In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Các lỗ hướng về phía sau máy in 

## Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của máy in.


## Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
  - **Manage Trays** (Quản lý khay)
  - **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn **Enabled** (Đã bật) và chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.

# Nạp khay 2 và các khay 550 tờ

## Giới thiệu

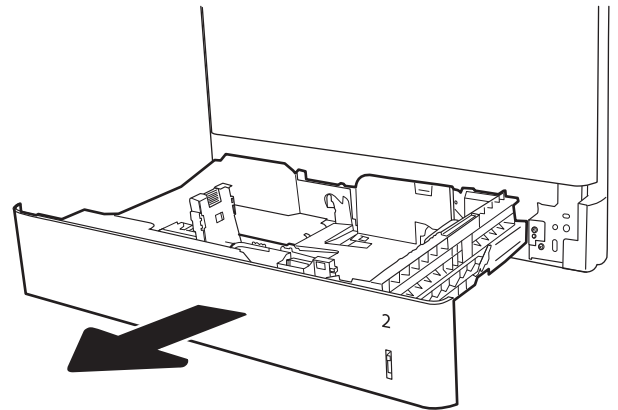
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ tùy chọn. Các khay này chứa được tối đa 550 tờ 75 g/m<sup>2</sup>.

 **GHI CHÚ:** Quy trình nạp giấy vào các khay 550 tờ cũng giống như nạp giấy vào khay 2. Ở đây chỉ hiển thị khay 2.

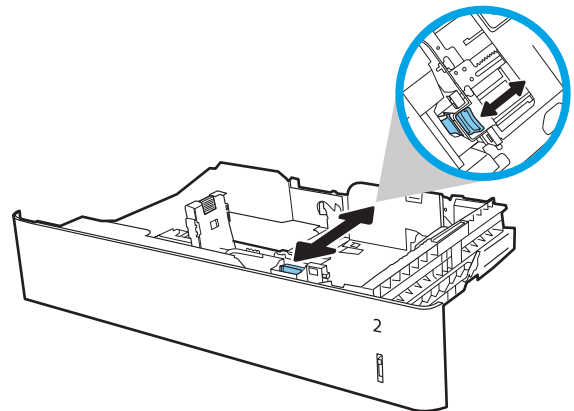
 **THẬN TRỌNG:** Không in nhiều khay giấy một lần.

1. Mở khay ra.

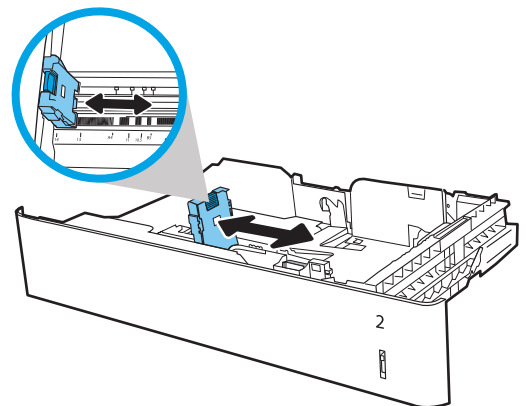
**GHI CHÚ:** Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.



2. Trước khi nạp giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc bằng cách siết chặt các chốt điều chỉnh màu xanh và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.



3. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều ngang bằng cách siết chặt các chốt và trượt thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.

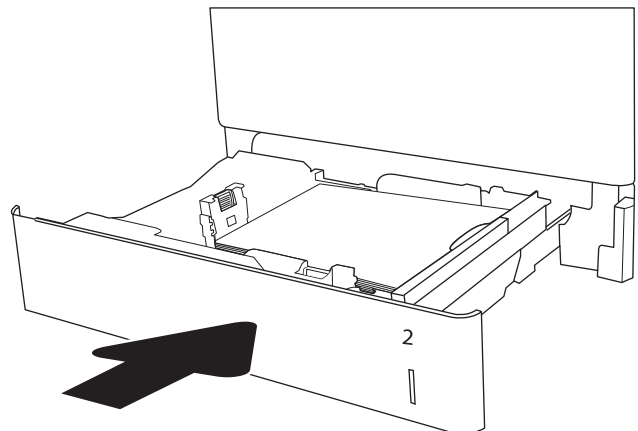
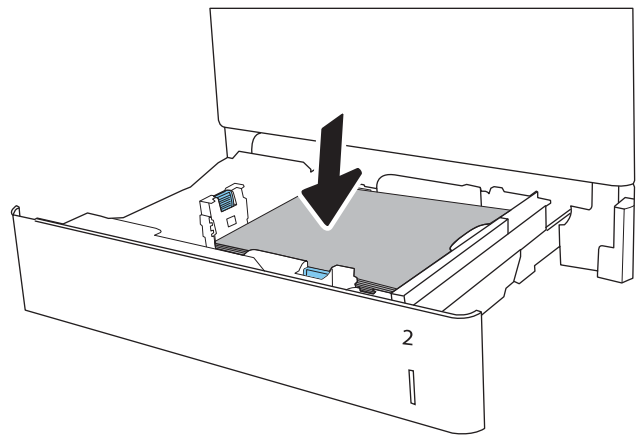


4. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào tập giấy, nhưng không làm cong tập giấy. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Bảng 2-2 Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ](#) thuộc trang 27.

**GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

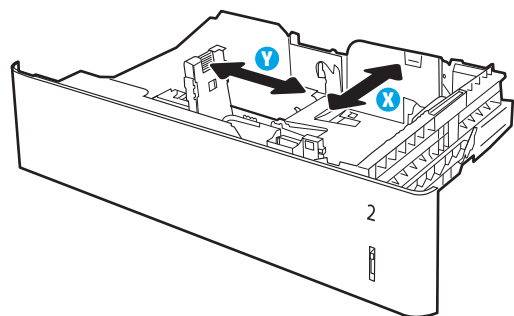
**GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy về đúng khổ giấy và không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.

5. Đóng khay giấy.



6. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
7. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.

Đối với giấy có kích thước tùy chỉnh, xác định các kích thước X và Y cho giấy khi có nhắc nhở xuất hiện trên bảng điều khiển của máy in.

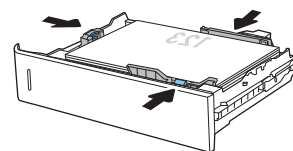
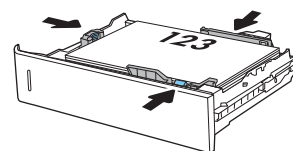
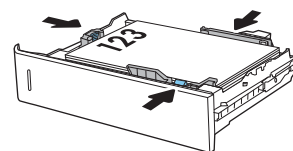


8. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm nút **OK**.

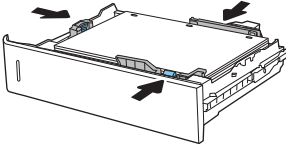
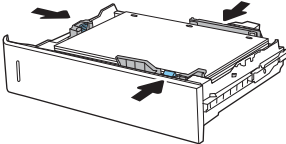
## Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ

**Bảng 2-2** Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	Đọc	In 1 mặt	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), L (90 x 130 mm), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng lên Cạnh trên ở bên trái của khay
	Ngang	In 1 mặt	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), L (90 x 130 mm), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về phía sau khay
		In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về phía sau khay



**Bảng 2-2 Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ (còn tiếp)**

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
Dập lỗ trước	Đọc hoặc ngang	In 1 mặt	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), L (90 x 130 mm), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Các lỗ hướng về phía sau khay 
		In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Các lỗ hướng về phía sau khay 

## Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của máy in.

## Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
  - **Manage Trays** (Quản lý khay)
  - **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn **Enabled** (Đã bật) và chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.

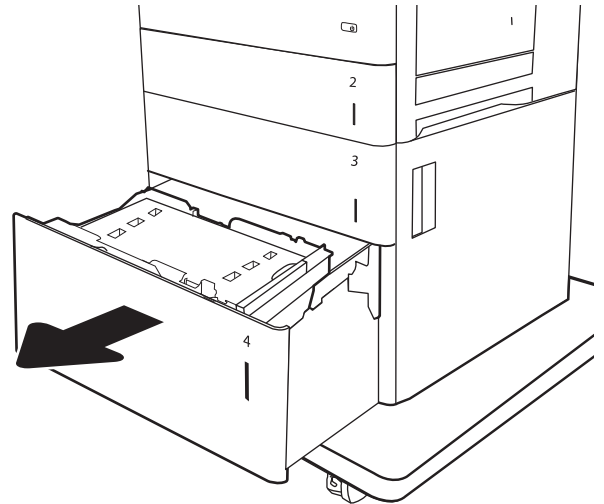
# Nạp vào khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 tờ

## Giới thiệu

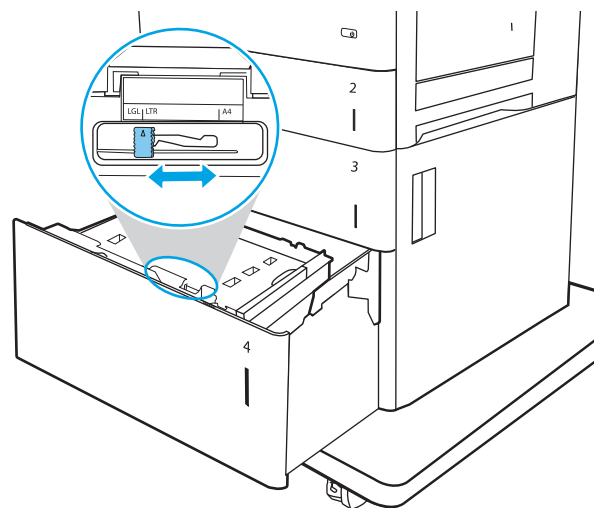
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào Khay tiếp giấy dung lượng lớn. Khay này chứa được tối đa 2.000 tờ giấy 75 g/m<sup>2</sup>.

1. Mở khay ra.

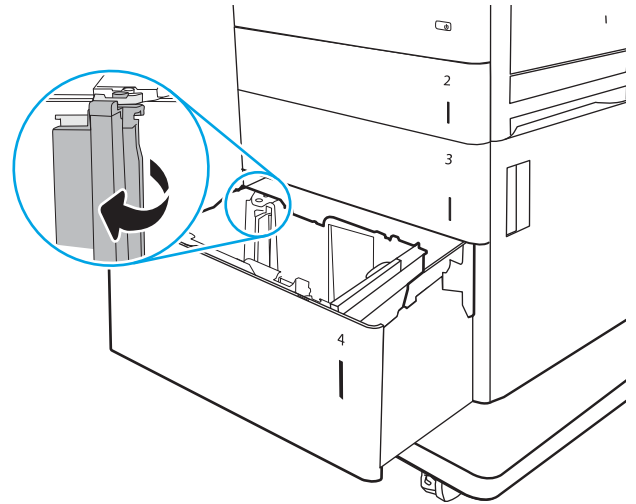
**GHI CHÚ:** Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.



2. Trước khi nạp giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc bằng cách siết chặt chốt điều chỉnh màu xanh và trượt thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.

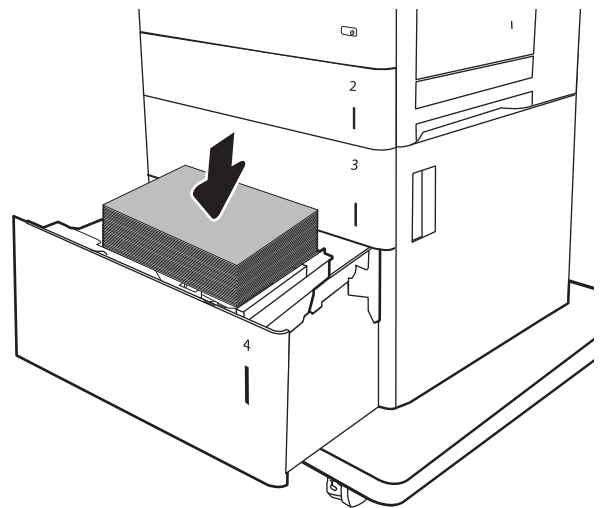


3. Xoay tay gạt dừng giấy vào đúng vị trí cho giấy đang được sử dụng.

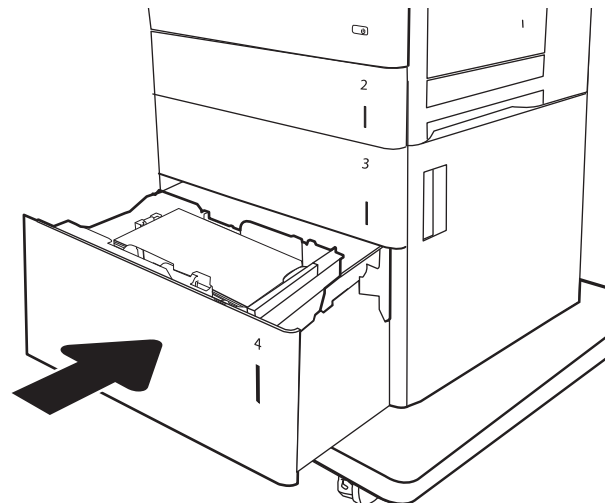


4. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào tập giấy, nhưng không làm cong tập giấy. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Bảng 2-3 Hướng giấy của khay tiếp giấy dung lượng lớn thuộc trang 31](#).

**GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy về đúng khổ giấy và không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.



5. Đóng khay giấy.



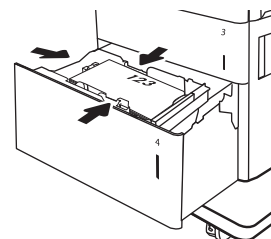
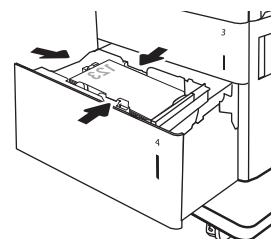
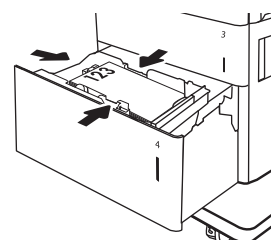


6. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
7. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.

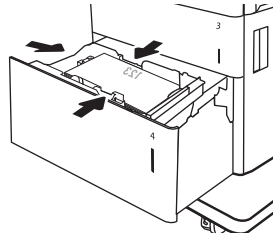
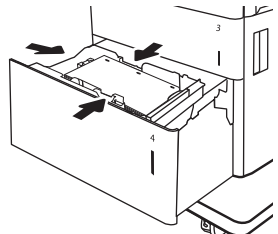
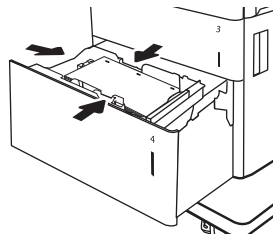
## Hướng giấy của khay tiếp giấy dung lượng lớn

**Bảng 2-3** Hướng giấy của khay tiếp giấy dung lượng lớn

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	Đọc	In 1 mặt	Letter, Legal, A4	Mặt hướng lên Cạnh trên ở bên trái của khay
		In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	Letter, Legal, A4	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở bên trái của khay
	Ngang	In 1 mặt	Letter, Legal, A4	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về phía sau khay



**Bảng 2-3** Hướng giấy của khay tiếp giấy dung lượng lớn (còn tiếp)

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
		In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	Letter, Legal, A4	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về phía sau khay 
Dập lỗ trước	Doc hoặc ngang	In 1 mặt	Letter, Legal, A4	Các lỗ hướng về phía sau khay 
		In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	Letter, Legal, A4	Các lỗ hướng về phía sau khay 

## Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của máy in.

### Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:

- [Copy/Print](#) (Sao chép/In) hoặc [Print](#) (In)
  - [Manage Trays](#) (Quản lý khay)
  - [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn [Enabled](#) (Đã bật) và chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#).

# Nạp và in phong bì


## Giới thiệu


Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp phong bì. Chỉ dùng khay 1 để in trên phong bì. Khay 1 chứa tối đa là 10 phong bì.

Để in phong bì bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp phong bì vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in.

## In phong bì

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các phong bì.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Envelope** (Phong bì).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

## Hướng Phong bì

Khay	Kích thước phong bì	Cách nạp
Khay 1	Phong bì #9, Phong bì #10, Phong bì Quân chủ, Phong bì B5, Phong bì C5, Phong bì C6, Phong bì DL	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía trước máy in



# Nạp và in nhãn

## Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp nhãn.


Để in trên tờ nhãn, sử dụng khay 2 hoặc một trong các khay 550 tờ. Khay 1 không hỗ trợ nhãn.


Để in nhãn bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp nhãn vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in. Khi sử dụng tiếp giấy thủ công, máy in sẽ chờ để in lệnh in cho đến khi máy phát hiện khay đã được mở.

## Tiếp nhãn theo cách thủ công

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

---
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các tờ nhãn.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Labels** (Nhãn).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).

---

 **GHI CHÚ:** Khi sử dụng tiếp giấy thủ công, máy in sẽ in từ khay được đánh số thấp nhất, được cấu hình cho kích thước giấy đúng, vì vậy bạn không cần xác định khay cụ thể. Ví dụ, nếu Khay 2 được cấu hình cho nhãn, máy in sẽ in từ Khay 2. Nếu Khay 3 được cài đặt và cấu hình cho nhãn, nhưng Khay 2 không được cấu hình cho nhãn, máy in sẽ in từ Khay 3.

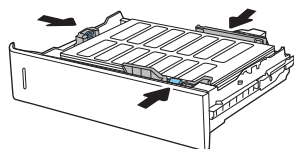
---
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

## Hướng nhãn

---

Khay	Cách nạp nhãn
Khay 2 và các khay 550 tờ	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về bên phải máy in

---



---

## 3 Mực in, phụ kiện và bộ phận

- [Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận](#)
- [Cấu hình các cài đặt nguồn cung cấp bảo vệ hộp mực in HP](#)
- [Thay thế hộp mực in](#)
- [Thay bộ thu gom bột mực](#)

### Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

# Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận

## Đặt hàng

Đặt hàng mực in và giấy	<a href="http://www.hp.com/go/suresupply">www.hp.com/go/suresupply</a>
Đặt hàng các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	<a href="http://www.hp.com/buy/parts">www.hp.com/buy/parts</a>
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

## Mực in và phụ kiện

Mục	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
<b>Supplies (Mực in)</b>			
Hộp mực HP 655A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có hiệu suất in chuẩn	655A	CF450A
Hộp mực HP 656X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có hiệu suất in cao	656X	CF460X
Hộp mực in HP 655A Cyan Original LaserJet	Hộp mực in màu xanh lá mạ thay thế có hiệu suất in chuẩn	655A	CF451A
Hộp mực in HP 656X High Yield Cyan Original LaserJet	Hộp mực in màu xanh lá mạ thay thế có hiệu suất in cao	656X	CF461X
Hộp mực in HP 656X Yellow Original LaserJet	Hộp mực in màu vàng thay thế có hiệu suất in chuẩn	655A	CF452A
Hộp mực in HP 656X High Yield Yellow Original LaserJet	Hộp mực in màu vàng thay thế có hiệu suất in cao	656X	CF462X
Hộp mực in HP 656X Magenta Original LaserJet	Hộp mực in màu đỏ tươi thay thế có hiệu suất in chuẩn	655A	CF453A
Hộp mực in HP 656X High Yield Magenta Original LaserJet	Hộp mực in màu đỏ tươi thay thế có hiệu suất in cao	656X	CF463X
<b>Phụ kiện</b>			
Khay giấy 550 tờ HP Color LaserJet	Khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn	Không áp dụng	P1B09A
	<b>GHI CHÚ:</b> Máy in hỗ trợ tối đa hai khay nạp giấy 1 x 550 tờ trừ khi có các thiết bị đầu vào khác.		
Khay giấy 550 tờ HP Color LaserJet có chân đế	Khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn có chân đế	Không áp dụng	P1B10A
Khay giấy 3 x 550 tờ HP Color LaserJet có chân đế	Khay nạp giấy 3 x 550 tờ tùy chọn có chân đế để đỡ máy in	Không áp dụng	P1B11A



Mục	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Khay nạp giấy dung lượng lớn HP Color LaserJet có chân đế	Khay nạp giấy 2.000 tờ và khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn có chân đế để đỡ máy in	Không áp dụng	P1B12A
Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Phụ kiện máy chủ in không dây USB	Không áp dụng	J8031A
Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/ Không dây	Phụ kiện Wi-Fi direct để “chạm” khi in từ các thiết bị di động	Không áp dụng	J8030A
<p><b>GHI CHÚ:</b> Để sử dụng trong Ổ tích hợp phần cứng. Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Không dây cần phụ kiện các cổng USB bên trong của HP (B2L28A). J8031A cũng có thể được kết nối qua cổng USB chủ phía sau. trong trường hợp đó, HIP không được sử dụng.</p>			
Mô-đun Nền tảng Tin cậy HP Trusted	Tự động mã hóa tất cả dữ liệu đi qua máy in	Không áp dụng	F5S62A
Cổng USB bên trong của HP	Hai cổng USB tùy chọn để kết nối thiết bị của bên thứ ba	Không áp dụng	B5L28A
Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP	Ổ cứng 500 GB đạt chứng nhận FIPS140 tùy chọn	Không áp dụng	B5L29A
HP 1GB DDR3 x32 144-Pin 800MHz SODIMM	DIMM tùy chọn để mở rộng bộ nhớ	Không áp dụng	E5K48A

## Vật tư tiêu hao cần bảo trì/thời gian dài

Bộ dụng cụ bảo trì/LCC	Số bộ phận	Tuổi thọ ước tính <sup>1</sup>
Bộ bảo trì HP LaserJet 110V	P1B91A	150.000 trang*
Bộ bảo trì HP LaserJet 220V	P1B92A	150.000 trang*
Bộ băng chuyển hình ảnh HP LaserJet	P1B93A	150.000 trang*
Bộ thu gom bột mực HP LaserJet	P1B94A	100.000 trang*
Bộ con lăn MP	P1B96A	150.000 trang*

<sup>1</sup> Các thông số kỹ thuật về thời gian sử dụng của HP Maintenance/Long Life Consumables (LLC) được ước tính dựa trên các điều kiện thử nghiệm thời gian sử dụng LLC liệt kê dưới đây. Thời gian sử dụng/sản lượng riêng thực tế trong suốt quá trình sử dụng bình thường sẽ khác nhau tùy theo cách sử dụng, môi trường, giấy và các yếu tố khác. Thời gian sử dụng ước tính không phải là sự đảm bảo mang tính ngụ ý hay có lý do xác đáng.

### \*Điều kiện thử nghiệm thời gian sử dụng LLC

- Phạm vi in: Được phân phối 5% đồng đều trên trang
- Môi trường: 17° đến 25°C; độ ẩm tương đối 30%-70% (RH)
- Kích cỡ vật liệu in: Letter/A4
- Trọng lượng vật liệu in: Giấy thường 75 g/m<sup>2</sup>

- Kích cỡ lệnh in: 4 trang
- Cạnh ngắn tiếp giấy (A3) (ví dụ: giấy khổ Legal)

Các yếu tố có thể làm giảm thời gian sử dụng từ điều kiện trên:

- Vật liệu in có độ rộng ngắn hơn Letter/A4 (nhiệt giảm xuống bằng chuyển động quay nhiều hơn)
- Giấy nặng hơn 75 g/m<sup>2</sup> (vật liệu in nặng hơn tạo ra áp lực cao hơn lên các thành phần máy in)
- In các lệnh in nhỏ hơn 4 trang (lệnh in nhỏ hơn nghĩa là xoay vòng nhiệt và chuyển động quay nhiều hơn)

## Các bộ phận tự sửa chữa

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng (CSR) được trang bị ở nhiều máy in HP LaserJet để giảm thời gian bảo dưỡng. Bạn có thể tìm thêm thông tin về chương trình CSR và các lợi ích của chương trình tại [www.hp.com/go/csr-support](http://www.hp.com/go/csr-support) và [www.hp.com/go/csr-faq](http://www.hp.com/go/csr-faq).

Có thể đặt mua các phụ kiện thay thế chính hiệu HP tại [www.hp.com/buy/parts](http://www.hp.com/buy/parts) hoặc liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền. Khi đặt hàng, cần lưu ý một số thông tin sau: số bộ phận, số sê-ri (nhìn ở phía sau của máy in), số sản phẩm, hoặc tên máy in.

- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Bắt buộc** sẽ do khách hàng lắp đặt trừ khi bạn sẵn sàng trả tiền cho nhân viên dịch vụ của HP để thực hiện việc sửa chữa. Đối với những bộ phận này, hỗ trợ tại chỗ hoặc trả lại kho không được cung cấp theo bảo hành máy in HP.
- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Tùy chọn** có thể do nhân viên dịch vụ của HP lắp đặt theo yêu cầu của bạn mà không phải trả thêm phí trong thời gian bảo hành máy in.

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Khay nạp giấy 1 x 550 tờ	Khay giấy 1 x 550 tờ thay thế	Bắt buộc	P1B09-67901
Ổ cứng bảo mật	Ổ cứng thay thế	Bắt buộc	B5L29-67903
1GB 90-Pin DDR3 x32 800 MHz SODIMM	Thay thế bộ nhớ DIMM	Bắt buộc	E5K48-67902
Mô-đun Nền tảng Tin cậy	Mô-đun nền tảng tin cậy thay thế	Bắt buộc	F5S62-61001
Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Phụ kiện máy chủ in không dây USB thay thế	Bắt buộc	J8031-61001
Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/ Không dây	Phụ kiện Wireless Direct Print thay thế để "chạm" khi in từ các thiết bị di động	Bắt buộc	J8030-61001
Bộ bảng điều khiển (kiểu M653)	Bảng điều khiển thay thế	Bắt buộc	5851-7252
Bộ bảng điều khiển (kiểu M652)	Bảng điều khiển thay thế	Bắt buộc	5851-7253

# Cấu hình các cài đặt nguồn cung cấp bảo vệ hộp mực in HP

- [Giới thiệu](#)
- [Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Policy \(Chính sách hộp mực\)](#)
- [Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Protection \(Bảo vệ hộp mực\)](#)

## Giới thiệu

Sử dụng Chính sách hộp mực và Bảo vệ hộp mực của HP để kiểm soát hộp mực nào được cài đặt trong máy in và bảo vệ các hộp mực đã được lắp đặt khỏi hành vi trộm cắp. Các tính năng này khả dụng với phiên bản HP FutureSmart 3 và các phiên bản mới hơn.

- **Cartridge Policy (Chính sách hộp mực):** Tính năng này sẽ bảo vệ máy in khỏi các hộp mực in giả bằng cách chỉ cho phép hộp mực HP chính hãng được sử dụng với máy in. Việc sử dụng hộp mực HP chính hãng sẽ đảm bảo chất lượng in tốt nhất có thể. Khi ai đó lắp đặt một hộp mực không phải là hộp mực HP chính hãng, bảng điều khiển máy in sẽ hiển thị một thông báo rằng đây là hộp mực không được phép sử dụng và bảng điều khiển sẽ cung cấp thông tin giải thích cách tiến hành như thế nào.
- **Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực):** Tính năng này sẽ kết hợp vĩnh viễn các hộp mực in với một máy in cụ thể hoặc một dải máy in, để chúng không thể được dùng trong các máy in khác. Việc bảo vệ hộp mực sẽ bảo vệ vốn đầu tư của bạn. Khi tính năng này được bật, nếu ai đó cố gắng chuyển hộp mực được bảo vệ ra khỏi máy tính gốc vào một máy in không được phép thì máy in đó sẽ không in bằng hộp mực được bảo vệ. Bảng điều khiển máy in sẽ hiển thị một thông báo rằng hộp mực đã được bảo vệ và bảng điều khiển sẽ cung cấp thông tin giải thích cách tiến hành như thế nào.

---

**⚠ THẬN TRỌNG:** Sau khi bật tính năng bảo vệ hộp mực cho máy in, tất cả các hộp mực được lắp vào máy in sau đó đều sẽ tự động được bảo vệ *vĩnh viễn*. Để tránh bảo vệ một hộp mực mới, hãy tắt tính năng *trước khi* lắp hộp mực mới.


Việc tắt tính năng này sẽ không tắt khả năng bảo vệ đối với các hộp mực hiện đang được lắp đặt.

---

Cả hai tính năng này đều tắt theo mặc định. Thực hiện theo quy trình sau để bật hoặc tắt chúng.

## Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)

---


 **GHI CHÚ:** Bật hoặc tắt tính năng này có thể yêu cầu nhập mật khẩu quản trị viên.

---

## Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - [Manage Supplies](#) (Quản lý nguồn cung cấp)
  - [Cartridge Policy](#) (Chính sách hộp mực)
3. Chọn [Authorized HP](#) (Được HP ủy quyền).

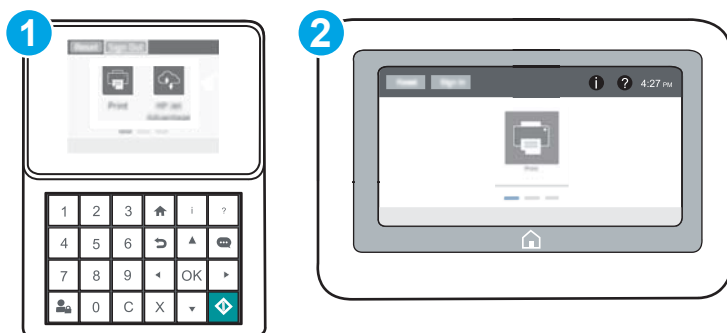
## Sử dụng bảng điều khiển máy in để tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)

 **GHI CHÚ:** Bật hoặc tắt tính năng này có thể yêu cầu nhập mật khẩu quản trị viên.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **Manage Supplies** (Quản lý nguồn cung cấp)
  - **Cartridge Policy** (Chính sách hộp mực)
3. Chọn **Off** (Tắt).


## Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) để bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)


 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.




1. Bảng điều khiển bàn phím
2. Bảng điều khiển màn hình cảm ứng

### 1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **i** và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **i** rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.


- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

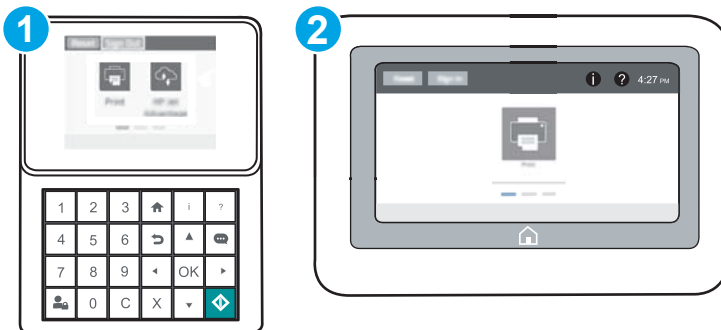
 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

 <https://10.10.XXXXX/>

2. Mở tab **Print** (In).
3. Từ ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Manage Supplies** (Quản lý nguồn cung cấp).
4. Trong khu vực Supply Settings (Cài đặt mực in), chọn **Authorized HP** (Được HP ủy quyền) từ danh sách thả xuống **Cartridge Policy** (Chính sách hộp mực).
5. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.



## Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) để tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)



 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.




1. Bảng điều khiển bàn phím
2. Bảng điều khiển màn hình cảm ứng


### 1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.


 <https://10.10.XX.XXX/>

2. Mở tab **Print** (In).
3. Từ ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Manage Supplies** (Quản lý nguồn cung cấp).
4. Trong khu vực Supply Settings (Cài đặt mực in), chọn **Off** (Tắt) từ danh sách thả xuống **Cartridge Policy** (Chính sách hộp mực).
5. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

## Xử lý các thông báo lỗi về Chính sách hộp mực trên bảng điều khiển

Thông báo lỗi	Mô tả	Hành động đề xuất
10.0X.30 Unauthorized <Color> Cartridge (10.0X.30 Hộp mực <màu> không được phép)	Quản trị viên đã cấu hình máy in này để chỉ sử dụng các nguồn cung cấp HP chính hãng vẫn nằm trong bảo hành. Phải thay thế hộp mực để tiếp tục in.	Thay hộp mực bằng một hộp mực in HP chính hãng.  Nếu bạn tin rằng bạn đã mua nguồn cung cấp HP chính hãng, hãy truy cập vào <a href="http://www.hp.com/go/anticounterfeit">www.hp.com/go/anticounterfeit</a> để xác định xem hộp mực in có phải là hộp mực HP chính hãng không, cũng như tìm hiểu phải làm gì nếu đó không phải là hộp mực HP chính hãng.

## Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)

 **GHI CHÚ:** Bật hoặc tắt tính năng này có thể yêu cầu nhập mật khẩu quản trị viên.

### Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **Manage Supplies** (Quản lý nguồn cung cấp)
  - **Cartridge Protection** (Bảo vệ hộp mực)
3. Chọn **Protect Cartridges** (Bảo vệ hộp mực).
4. Khi máy in nhắc bạn xác nhận, hãy chọn **Continue** (Tiếp tục) để bật tính năng này.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Sau khi bật tính năng bảo vệ hộp mực cho máy in, tất cả các hộp mực được lắp vào máy in sau đó đều sẽ tự động được bảo vệ *vinh viễn*. Để tránh bảo vệ một hộp mực mới, hãy tắt tính năng *trước khi* lắp hộp mực mới.

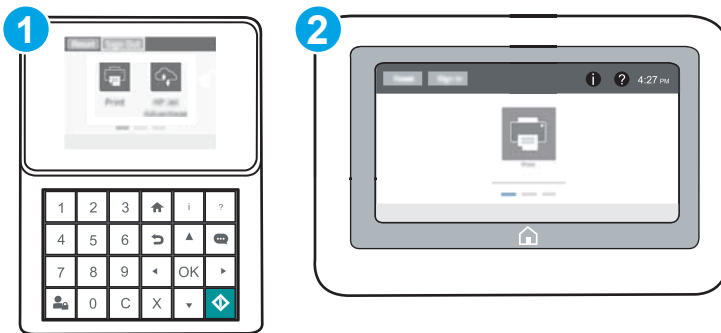
Việc tắt tính năng này sẽ không tắt khả năng bảo vệ đối với các hộp mực hiện đang được lắp đặt.

## Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)



1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **Manage Supplies** (Quản lý nguồn cung cấp)
  - **Cartridge Protection** (Bảo vệ hộp mực)
3. Chọn **Off** (Tắt).

## Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)


**📝 GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.

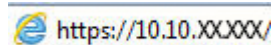


1. Bảng điều khiển bàn phím
2. Bảng điều khiển màn hình cảm ứng


1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:
  - a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **i** và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.  
**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **i** rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.


 <https://10.10.XXXXX/>

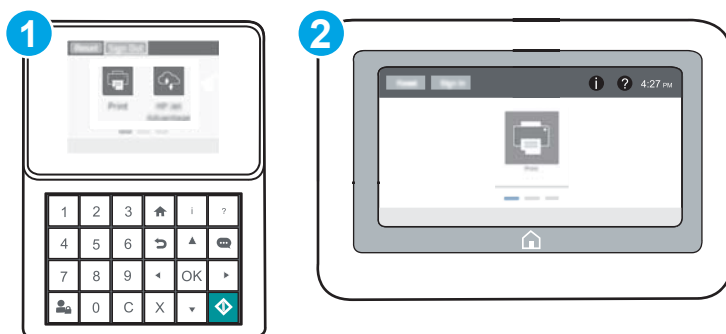
2. Mở tab **Print** (In).
3. Từ ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Manage Supplies** (Quản lý nguồn cung cấp).
4. Trong khu vực Supply Settings (Cài đặt mực in), chọn **Protect cartridges** (Bảo vệ hộp mực) từ danh sách thả xuống **Cartridge Protection** (Bảo vệ hộp mực).
5. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

 **THẬN TRỌNG:** Sau khi bật tính năng bảo vệ hộp mực cho máy in, tất cả các hộp mực được lắp vào máy in sau đó đều sẽ tự động được bảo vệ *vinh viễn*. Để tránh bảo vệ một hộp mực mới, hãy tắt tính năng *trước khi* lắp hộp mực mới.

Việc tắt tính năng này sẽ không tắt khả năng bảo vệ đối với các hộp mực hiện đang được lắp đặt.

## Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) để tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)



 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.





1. Bảng điều khiển bàn phím
2. Bảng điều khiển màn hình cảm ứng


1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:




- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

 <https://10.10.XXXXX/>

2. Mở tab **Print (In)**.
3. Từ ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Manage Supplies** (Quản lý nguồn cung cấp).
4. Trong khu vực Supply Settings (Cài đặt mực in), chọn **Off (Tắt)** từ danh sách thả xuống **Cartridge Protection** (Bảo vệ hộp mực).
5. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

## Xử lý các thông báo lỗi về Bảo vệ hộp mực trên bảng điều khiển

Thông báo lỗi	Mô tả	Hành động đề xuất
10.0X.57 Protected <Color> Cartridge (10.0X.57 Hộp mực <màu> được bảo vệ)	Hộp mực chỉ có thể được sử dụng trong máy in hoặc dải máy in đã bảo vệ nó lúc ban đầu bằng tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) của HP.  Tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) cho phép quản trị viên hạn chế các hộp mực để chỉ làm việc trong một máy in hoặc một dải máy in. Phải thay thế hộp mực để tiếp tục in.	Thay hộp mực bằng một hộp mực in mới.

# Thay thế hộp mực in


## Thông tin về hộp mực in

Máy in này sẽ cho biết khi nào mức mực in trong hộp mực còn ít và gần hết. Thời gian sử dụng thực tế của hộp mực in có thể thay đổi. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.


Để mua hộp mực hoặc kiểm tra hộp mực có phù hợp với máy in không, hãy truy cập mục HP SureSupply tại [www.hp.com/go/suresupply](http://www.hp.com/go/suresupply). Cuộn xuống cuối trang và xác nhận xem quốc gia/khu vực có đúng không.

Máy in sử dụng bốn màu và có một hộp mực in khác nhau cho mỗi màu: vàng (Y), đỏ tươi (M), xanh lá mạ (C) và đen (K). Hộp mực in nằm bên trong cửa trước.

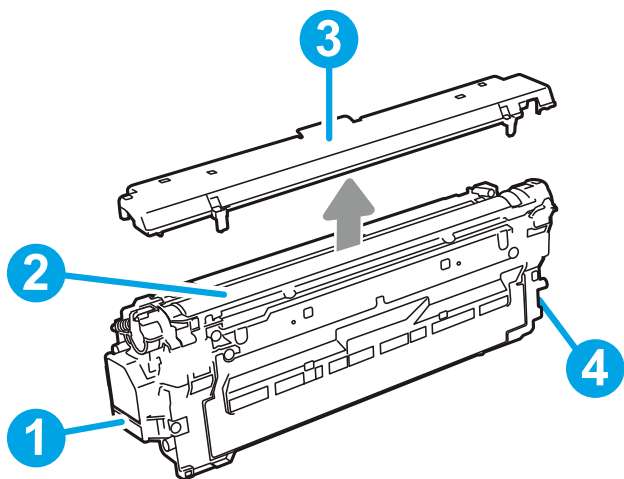
Mực	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực HP 655A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có hiệu suất in chuẩn	655A	CF450A
Hộp mực HP 656X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có hiệu suất in cao	656X	CF460X
Hộp mực in HP 655A Cyan Original LaserJet Toner	Hộp mực màu xanh lá mạ thay thế có hiệu suất in chuẩn	655A	CF451A
Hộp mực in HP 656X High Yield Cyan Original LaserJet	Hộp mực in màu xanh lá mạ thay thế có hiệu suất in cao	656X	CF461X
Hộp mực in HP 655A Yellow Original LaserJet	Hộp mực in màu vàng thay thế có hiệu suất in chuẩn	655A	CF452A
Hộp mực in HP 656X High Yield Yellow Original LaserJet	Hộp mực in màu vàng thay thế có hiệu suất in cao	656X	CF462X
Hộp mực in HP 655A Magenta Original LaserJet	Hộp mực in màu đỏ tươi thay thế có hiệu suất in chuẩn	655A	CF453A
Hộp mực in HP 656X High Yield Magenta Original LaserJet	Hộp mực in màu đỏ tươi thay thế có hiệu suất in cao	656X	CF463X

 **GHI CHÚ:** Hộp mực hiệu suất in cao (high-yield) có nhiều bột mực hơn hộp mực chuẩn để tăng hiệu suất in trên trang. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [www.hp.com/go/learnaboutsupplies](http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies).

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Che đậy trống hình màu xanh lá cây nếu phải tháo hộp mực in ra khỏi máy in trong một thời gian dài.

Hình minh họa dưới đây hiển thị các bộ phận của hộp mực in.



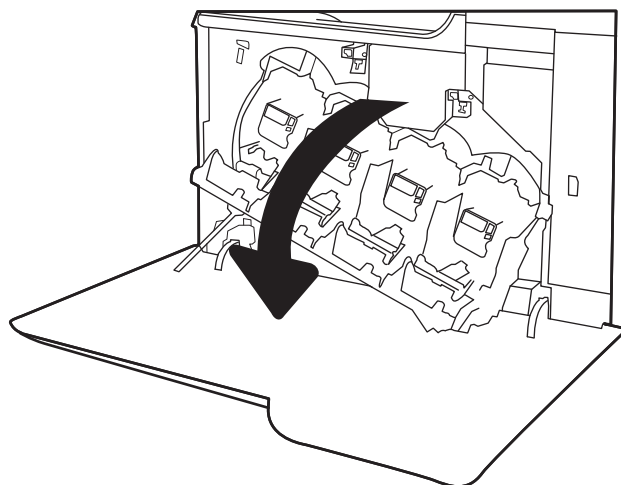
1	Tay cầm
2	Trống hình
3	Tấm bảo vệ
4	Chip bộ nhớ

**⚠ THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

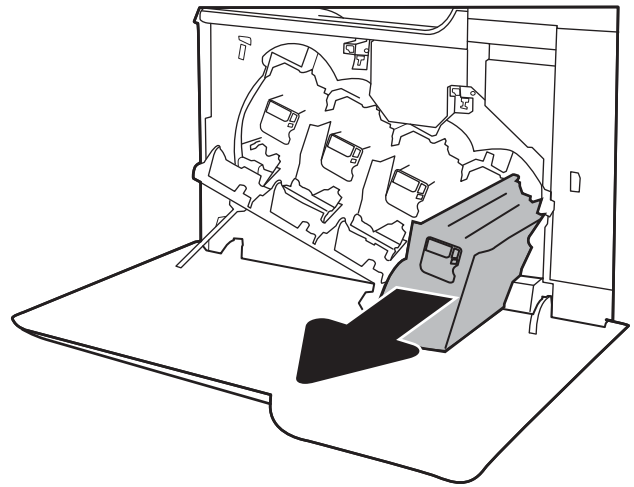
**📝 GHI CHÚ:** Thông tin về việc tái chế hộp mực in đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực in.

## Tháo và thay hộp mực

1. Mở cửa trước.

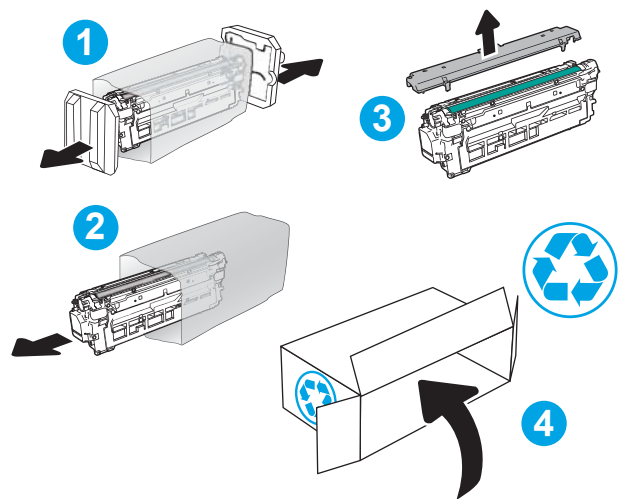


2. Nắm lấy tay cầm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.

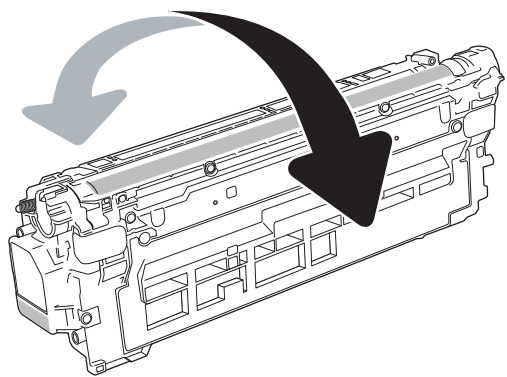


3. Tháo hộp mực in mới ra khỏi bao bì bằng cách tháo nắp nhựa ở hai đầu, lấy hộp mực ra khỏi túi nhựa, rồi tháo tấm bảo vệ màu cam. Cất giữ tất cả vỏ hộp mực để tái chế hộp mực đã qua sử dụng.

**GHI CHÚ:** Không chạm tay vào trống hình màu xanh lá cây. Dầu vân tay trên trống hình có thể gây ra lỗi in.

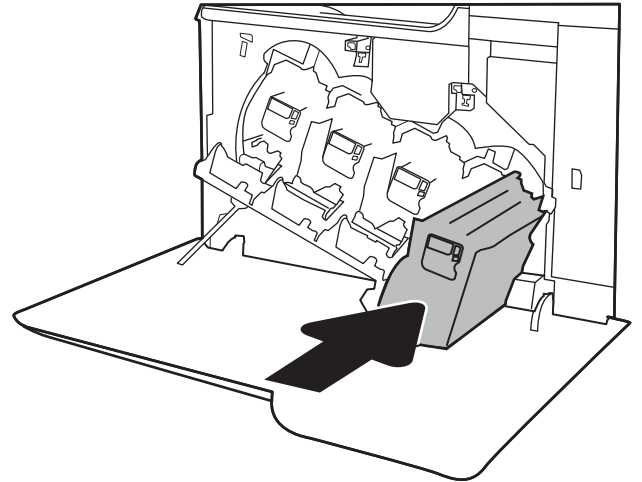


4. Giữ hai đầu của hộp mực và lắc nhẹ 5-6 lần.

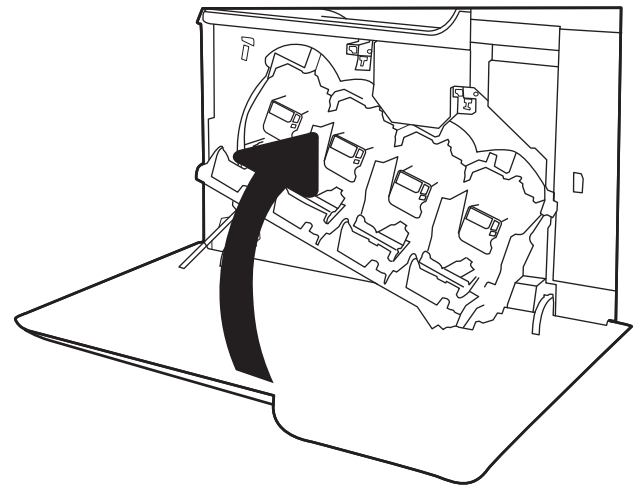


- Đỡ phía dưới hộp mực in bằng một tay đồng thời cầm tay cầm hộp mực bằng tay còn lại. Đặt thẳng hàng hộp mực in với rãnh trên giá, sau đó lắp hộp mực in vào trong máy in.

**GHI CHÚ:** Không chạm tay vào trống hình màu xanh lá cây. Dấu vân tay trên trống hình có thể gây ra lỗi in.



- Đóng nắp trước.



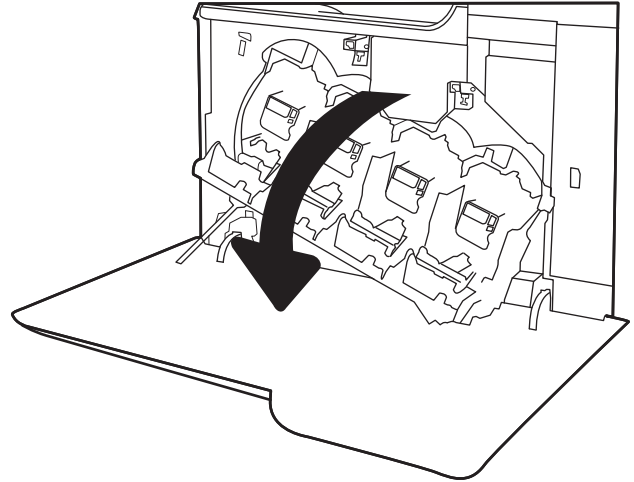
# Thay bộ thu gom bột mực

Thay bộ thu gom bột mực khi bằng điều khiển nhắc bạn.

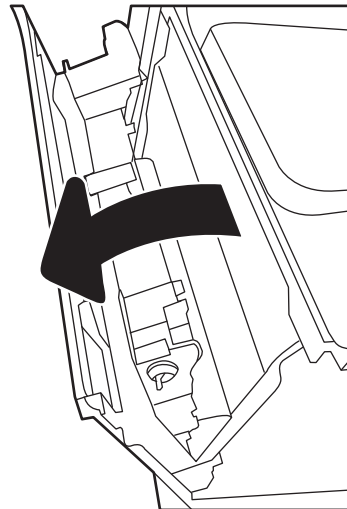
**GHI CHÚ:** Bộ thu gom bột mực được thiết kế để sử dụng một lần. Không tìm cách dọn sạch bộ thu gom bột mực này và sử dụng lại. Làm như vậy có thể dẫn tới việc bột mực bị đổ vào trong máy in và làm giảm chất lượng in. Sau khi sử dụng, hãy gửi bộ thu gom bột mực trả lại cho chương trình tái chế của Đối tác Toàn cầu của HP.

**THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

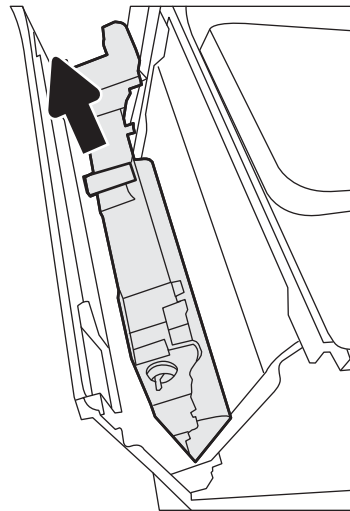
1. Mở cửa trước.



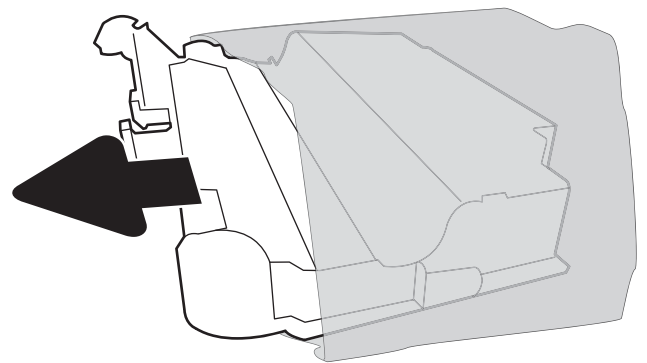
2. Mở cửa bên trái.



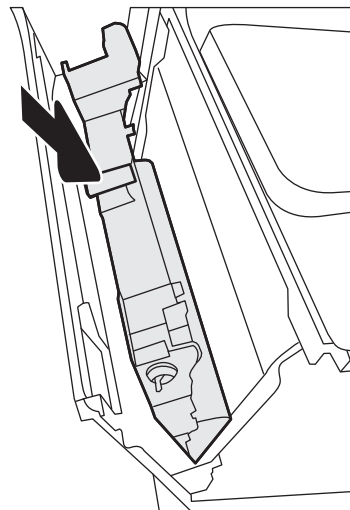
3. Nắm lấy phần đầu của bộ thu gom bột mực và tháo nó ra khỏi máy in.



4. Lấy bộ thu gom bột mực mới ra khỏi bao bì.



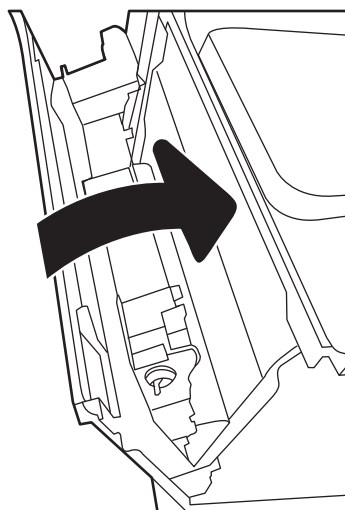
5. Lắp bộ mới vào máy in. Đảm bảo bộ thu gom bột mực được lắp chặt vào đúng vị trí.



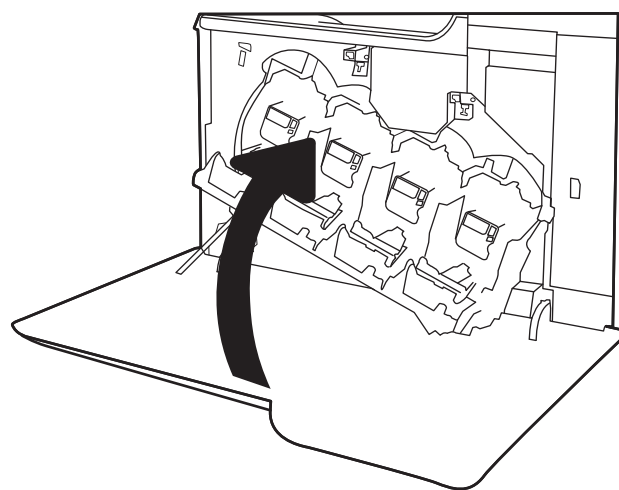
6. Đóng cửa bên trái.

**GHI CHÚ:** Nếu bộ thu gom bột mực không được lắp đúng cách thì cửa bên trái không đóng hoàn toàn.

Để tái chế bộ thu gom bột mực đã qua sử dụng, hãy làm theo các hướng dẫn đi kèm với bộ thu gom bột mực mới.



7. Đóng nắp trước.





---

# 4 In

- [Thao tác in \(Windows\)](#)
- [Thao tác in \(OS X\)](#)
- [Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng](#)
- [In di động](#)
- [In từ cổng USB](#)

## Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:


- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


# Thao tác in (Windows)


## Cách in (Windows)


Quy trình sau đây mô tả quá trình in cơ bản cho Windows.

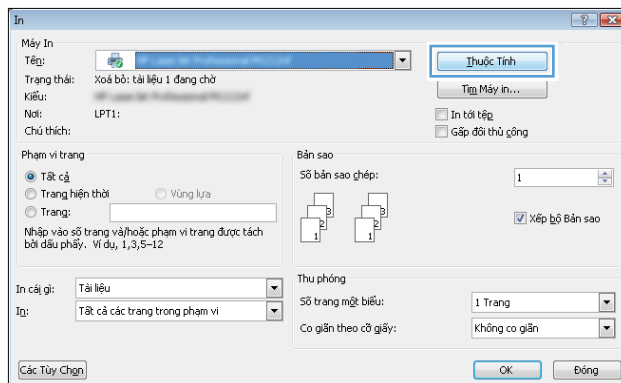
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in. Để thay đổi cài đặt, nhấp vào **Properties (Thuộc tính)** hoặc nút **Preferences (Tùy chọn)** để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

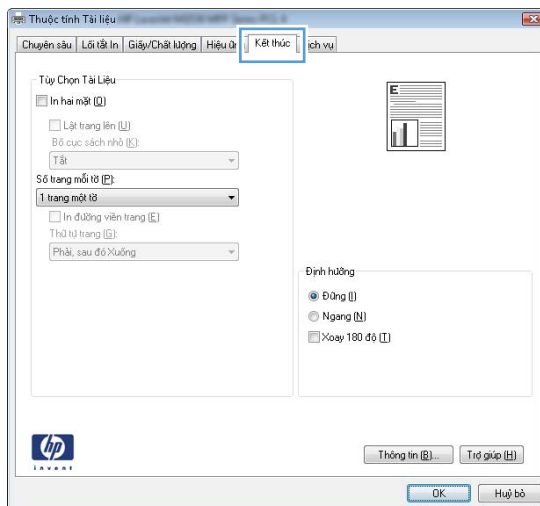
 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices (Thiết bị)**, chọn **Print (In)** và chọn máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy bấm nút Trợ giúp (?) trong trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển in có thể khác với những gì được thể hiện ở đây, nhưng các bước thì không thay đổi.



3. Nhấp vào tab trong trình điều khiển in để cấu hình các tùy chọn sẵn có. Ví dụ, đặt hướng giấy trong tab **Finishing (Kết thúc)**, đặt nguồn giấy, loại giấy, cỡ giấy và cài đặt chất lượng trên tab **Paper/Quality (Giấy/Chất lượng)**.




4. Nhấp vào nút **OK** để trở lại hộp thoại **Print (In)**. Chọn số lượng các bản sao để in từ màn hình này.
5. Nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh.


## In tự động trên hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in có lắp đặt khay in hai mặt tự động. Nếu máy in không có lắp đặt khay in hai mặt tự động, hoặc in trên các loại giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ, bạn có thể in cả hai mặt theo cách thủ công.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

---


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print on both sides** (In trên cả hai mặt). Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh in.


## In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


---


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print on both sides (manually)** (In hai mặt (thủ công)) và nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **Print (In)** để in mặt đầu tiên của lệnh.
6. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào Khay 1.
7. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

## In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.


---


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn số lượng trang trên một trang giấy từ danh sách thả xuống **Pages per sheet** (Nhiều trang trên một tờ).
5. Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Hướng). Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
6. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **Print** (In) để in lệnh in.

## Chọn loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

---

3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn tùy chọn **More...** (Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng, sau đó nhấp **OK**.
8. Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **Print** (In) để in lệnh in.

Nếu khay cần được cấu hình, một thông báo cấu hình khay sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.

9. Nạp giấy có loại và kích thước xác định vào khay, và sau đó đóng khay lại.
10. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.
11. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm nút **OK**.

## Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu


# Thao tác in (OS X)

## Cách in (OS X)

Quy trình sau mô tả quá trình in cơ bản dành cho OS X.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi chọn các menu khác để điều chỉnh cài đặt in.

---


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


---

4. Nhấp vào nút **In**.

## Tự động in trên cả hai mặt (OS X)

---


 **GHI CHÚ:** Thông tin này áp dụng cho những máy in có phụ kiện in hai mặt tự động.

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

---

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).

---


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

---

4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách thả xuống **Two-Sided** (Hai Mặt).
5. Nhấp vào nút **In**.

## In thủ công trên cả hai mặt (OS X)


---

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

---

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Manual Duplex** (In hai mặt thủ công).

---

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

---

4. Nhấp vào hộp **Manual Duplex** (Hai mặt Thủ công) và chọn một tùy chọn đóng sách.
5. Nhấp vào nút **In**.
6. Đến máy in và lấy hết giấy trắng trong Khay 1 ra.

7. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng xuống dưới.
8. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

## In nhiều trang trên một tờ (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).



**GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Từ danh sách **Pages per Sheet** (Nhiều trang trên một Tờ) thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Borders** (Đường viền), chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **In**.

## Chọn loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



**GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn từ các tùy chọn **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



**GHI CHÚ:** Danh sách này bao gồm toàn bộ các tùy chọn khả dụng. Một số tùy chọn không khả dụng trên tất cả các máy in.

- **Media Type** (Loại phương tiện): Chọn tùy chọn cho loại giấy cho lệnh in.
  - **Print Quality** (Chất lượng in): Chọn mức độ phân giải cho lệnh in.
  - **Edge-To-Edge Printing** (In cạnh đối cạnh): Chọn tùy chọn này để in gần các cạnh giấy.
  - **EconoMode** (Chế độ tiết kiệm): Chọn tùy chọn này để bảo tồn bột mực khi in bản nháp của tài liệu.
5. Nhấp vào nút **In**.

## Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập [www.hp.com/support/colorijM652](http://www.hp.com/support/colorijM652) or [www.hp.com/support/colorijM653](http://www.hp.com/support/colorijM653).

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:



- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

# Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng


## Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các quy trình tạo và in tài liệu được lưu trữ trên máy in. Các lệnh này có thể được in sau đó hoặc in riêng.


- [Tạo lệnh in đã lưu \(Windows\)](#)
- [Tạo lệnh in đã lưu \(OS X\)](#)
- [In lệnh in đã lưu](#)
- [Xóa lệnh in đã lưu](#)
- [Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in](#)


## Tạo lệnh in đã lưu (Windows)

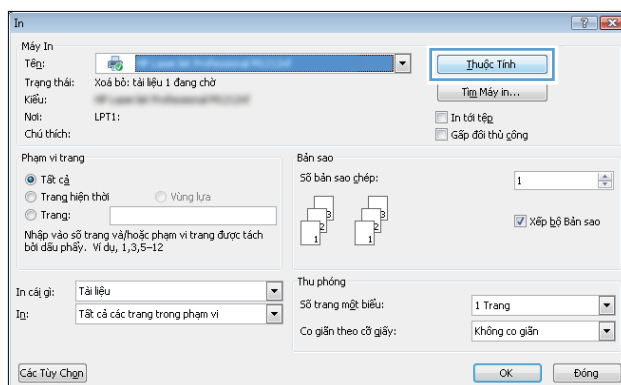
Lưu trữ lệnh in trên máy in để in riêng hoặc tạm hoãn.

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển in có thể khác với những gì được thể hiện ở đây, nhưng các bước thì không thay đổi.

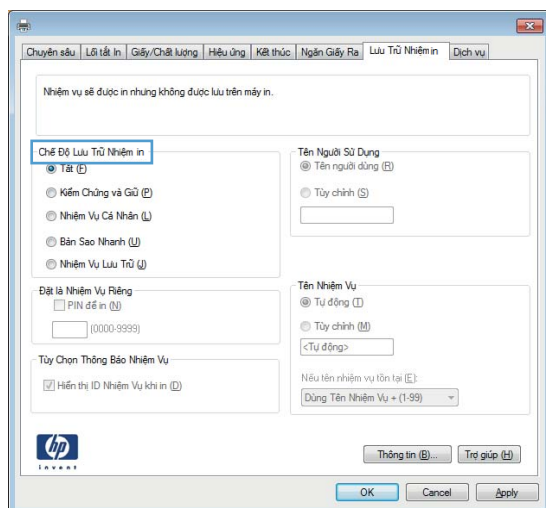
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, sau đó chọn **Properties (Thuộc tính)** hoặc **Preferences (Tùy chọn)** (tên thay đổi tùy theo các chương trình phần mềm khác nhau).

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices (Thiết bị)**, chọn **Print (In)** và chọn máy in.



3. Nhấp vào tab **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).



4. Chọn một tùy chọn **Job Storage Mode** (Chế độ Lưu trữ Lệnh in).

- **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
- **Personal Job** (Lệnh in cá nhân): Lệnh in không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho Lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, bạn phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu mã hóa lệnh in, bạn phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.
- **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để bạn có thể in lại sau.
- **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho Lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mã PIN được yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu bạn mã hóa lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển.

5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng nếu một lệnh in đã lưu khác đã có tên đó:

- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
- **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.

6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy bấm vào nút **Print** (In) để in lệnh in.

7. Để biết thông tin về cách in lệnh in, hãy xem chủ đề dành cho "In lệnh in đã lưu."

## Tạo lệnh in đã lưu (OS X)

Lưu trữ lệnh in trên máy in để in riêng hoặc tạm hoãn.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách menu thả xuống, sau đó nhấp vào menu **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).
4. Trong danh sách thả xuống **Mode** (Chế độ), hãy chọn loại lệnh in đã lưu.
  - **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
  - **Personal Job** (Lệnh in cá nhân): Lệnh in không in cho đến khi có ai đó yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), hãy cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.
  - **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để có thể in lại sau.
  - **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), người in lệnh phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển.
5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng khi đã có một lệnh in đã lưu khác có tên đó.

- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
  - **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
6. Nếu đã chọn tùy chọn **Stored Job** (Lệnh in đã lưu) hoặc tùy chọn **Personal Job** (Lệnh in cá nhân) trong bước 3, bạn có thể bảo vệ lệnh in này bằng mã PIN. Nhập số gồm 4 chữ số vào trường **Use PIN to Print** (Sử dụng mã PIN để in). Khi người khác tìm cách in lệnh in này, máy in sẽ nhắc người đó nhập mã PIN này.
  7. Bấm vào nút **Print** (In) để in.

## In lệnh in đã lưu

Sử dụng quy trình sau để in lệnh in đã lưu trong bộ nhớ máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Print** (In).
2. Chọn **Print from Job Storage** (In từ Lưu trữ lệnh in)
3. Chọn **Choose** (Lựa chọn) và chọn tên thư mục nơi lệnh được lưu.
4. Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.


- Để điều chỉnh số bản sao, chọn trường số lượng bản sao ở góc dưới bên trái của màn hình. Dùng bàn phím để nhập số lượng bản sao cần in.
- Chọn **Print (In)** để in lệnh in.

## Xóa lệnh in đã lưu

Khi một lệnh mới được lưu đến bộ nhớ máy in, máy in sẽ ghi đè bất kỳ lệnh in nào trước đó có cùng tên lệnh in và người dùng. Nếu lệnh in không được lưu với cùng tên lệnh in và người dùng, và máy in cần có thêm bộ nhớ, máy in có thể sẽ xóa các lệnh in đã lưu khác. Việc xóa bắt đầu từ lệnh in cũ nhất. Để thay đổi số lượng lệnh mà máy in có thể lưu trữ, hãy hoàn tất quy trình sau:

- Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
- Mở các menu sau:
  - Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print (In)**
  - Manage Stored Jobs** (Quản lý lệnh in đã lưu)
  - Temporary Job Storage Limit** (Giới hạn lưu trữ lệnh in tạm thời)
- Sử dụng bàn phím để nhập số lượng lệnh mà máy in lưu trữ.
- Chọn **Done** (Xong) để lưu cài đặt.

Sử dụng quy trình sau để xóa lệnh đã lưu trong bộ nhớ máy in.

- Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Print (In)**.
- Chọn **Print from Job Storage** (In từ Lưu trữ lệnh in).
- Chọn **Choose** (Lựa chọn) và chọn tên thư mục nơi lệnh được lưu.
- Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.
- Chọn biểu tượng Trash  (Thùng rác) để xóa lệnh.


## Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in

Lệnh in được gửi từ trình điều khiển trên máy khách (ví dụ như máy tính cá nhân) có thể gửi thông tin cho phép nhận dạng cá nhân đến Thiết bị in ấn và xử lý hình ảnh của HP. Thông tin này có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong phạm vi tên người dùng và tên máy khách khởi phát lệnh mà có thể được sử dụng cho mục đích kế toán lệnh in, do Quản trị viên của thiết bị in xác định. Thông tin này cũng có thể được lưu trữ cùng với lệnh trên thiết bị lưu trữ lớn (ví dụ như ổ đĩa) của thiết bị in khi sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in.

# In di động

## Giới thiệu

HP cung cấp nhiều giải pháp di động và ePrint để cho phép in dễ dàng tới một máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập [www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting](http://www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting).

 **GHI CHÚ:** Cập nhật chương trình cơ sở của máy in để đảm bảo tất cả các chức năng in di động và ePrint đều được hỗ trợ.

- [In Wireless Direct Print và NFC](#)
- [HP ePrint qua email](#)
- [Phần mềm HP ePrint](#)
- [AirPrint](#)
- [In nhúng của Android](#)

## In Wireless Direct Print và NFC

HP cung cấp chức năng in Wireless Direct Print và NFC (Giao tiếp cận trường) dành cho máy in có Phụ kiện NFC/Không dây HP Jetdirect 3000w được hỗ trợ. Phụ kiện này có sẵn dưới dạng tùy chọn dành cho máy in HP LaserJet có ổ tích hợp phần cứng (HIP).

In Wireless Direct Print và NFC cho phép các thiết bị có chức năng Wi-Fi (di động) thực hiện một kết nối mạng không dây trực tiếp với máy in mà không dùng bộ định tuyến không dây.

Đối với chức năng in walk-up di động này, máy in không cần phải được kết nối với mạng để hoạt động.



Sử dụng Wireless Direct Print để in không dây từ các thiết bị sau:

- iPhone, iPad hoặc iPod touch sử dụng ứng dụng Apple AirPrint hoặc HP ePrint
- Thiết bị di động Android dùng giải pháp in nhúng của Android hoặc ứng dụng HP ePrint
- Thiết bị Mac và PC dùng Phần mềm HP ePrint

Để biết thêm thông tin về in không dây, hãy đến [www.hp.com/go/wirelessprinting](http://www.hp.com/go/wirelessprinting).

Bạn có thể bật hoặc tắt chức năng NFC và Wireless Direct Print từ bảng điều khiển của máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - [Hoạt động mạng](#)
  - [Wireless Direct](#)
  - [Tình trạng](#)
3. Chọn **On** (Bật) và chọn **OK** để kích hoạt chức năng in không dây.

**GHI CHÚ:** Trong môi trường có nhiều hơn một kiểu của cùng một máy in được lắp đặt, có thể sẽ hữu ích nếu cung cấp cho mỗi máy in một Tên Wireless Direct duy nhất để nhận diện máy in dễ dàng hơn trong thao tác in HP Wireless Direct. Có sẵn các tên Mạng không dây như Không dây, WiFi Direct, v.v. trên màn hình Information (Thông tin) bằng cách chọn biểu tượng Information ⓘ và chọn biểu tượng Network  (Mạng) hoặc biểu tượng Wireless  (Không dây).

Hoàn tất quy trình sau để thay đổi tên Wireless Direct của máy in:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **Hoạt động mạng**
  - **Wireless Direct**
  - **Wireless Direct Name (Tên Wireless Direct)**
3. Sử dụng bàn phím để thay đổi tên trong trường văn bản **Wireless Direct Name** (Tên Wireless Direct). Chọn **OK** (Chế độ tiết kiệm).

## HP ePrint qua email

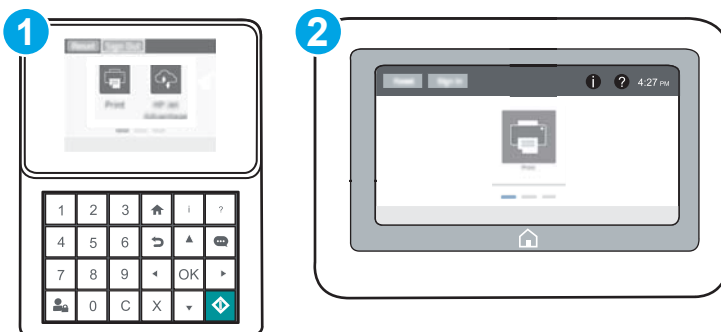
Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của máy in từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.

Để dùng HP ePrint, máy in phải đáp ứng các yêu cầu này:

- Máy in phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet.
- Máy in phải bật HP Web Services (Dịch vụ Web của HP) và máy in phải được đăng ký với trang web HP Connected.



Thực hiện theo các bước sau để bật Dịch vụ Web HP và đăng ký với HP được Kết nối:



**GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



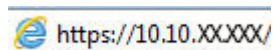
- 1 Bảng điều khiển bàn phím
- 2 Bảng điều khiển màn hình cảm ứng


1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



-  **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Nhấp vào tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP).

3. Chọn tùy chọn để bật Dịch vụ web.

 **GHI CHÚ:** Việc bật các Dịch vụ Web có thể mất vài phút.

4. Hãy truy cập [www.hpconnected.com](http://www.hpconnected.com) để tạo tài khoản HP ePrint và hoàn thành quy trình cài đặt.

## Phần mềm HP ePrint

Phần mềm HP ePrint giúp bạn in dễ dàng từ máy tính để bàn Windows hoặc Mac hoặc máy xách tay tới bất kỳ máy in nào hỗ trợ HP ePrint. Phần mềm này giúp bạn dễ dàng tìm kiếm các máy in hỗ trợ HP ePrint được đăng ký với tài khoản HP Connected. Bạn có thể xác định máy in HP mục tiêu trong văn phòng hoặc các vị trí ở khắp nơi trên trái đất này.


- **Windows:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy mở tùy chọn **Print** (In) từ trong ứng dụng của bạn, rồi chọn **HP ePrint** từ danh sách máy in đã cài đặt. Nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) để cấu hình tùy chọn in.
- **OS X:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy chọn **File** (Tập), **Print** (In), sau đó chọn mũi tên bên cạnh **PDF** (phía dưới cùng bên trái của màn hình trình điều khiển). Chọn **HP ePrint**.


Đối với Windows, phần mềm HP ePrint cũng hỗ trợ in TCP/IP tới các máy in mạng cục bộ có trên mạng (LAN hoặc WAN) tới các sản phẩm hỗ trợ UPD PostScript®.

Cả Windows và OS X đều hỗ trợ in IPP tới các sản phẩm nối mạng LAN hoặc WAN có hỗ trợ ePCL.

Cả Windows và OS X cũng hỗ trợ in các tài liệu PDF tới các vị trí in công cộng và in bằng HP ePrint qua email thông qua nền tảng điện toán đám mây.

Hãy truy cập [www.hp.com/go/eprintsoftware](http://www.hp.com/go/eprintsoftware) để có các trình điều khiển và thông tin.

 **GHI CHÚ:** Đối với Windows, tên của trình điều khiển in Phần mềm HP ePrint là HP ePrint + JetAdvantage.

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint là tiện ích dòng công việc PDF cho OS X và về mặt kỹ thuật thì không phải là trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint không hỗ trợ in USB.




## AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS và từ các máy tính Mac chạy OS X 10.7 Lion và mới hơn. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới máy in từ iPad, iPhone (3GS trở lên), hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở đi) trong các ứng dụng di động sau:

- Thư
- Ảnh
- Safari
- iBooks
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba

Để dùng AirPrint, máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Apple. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng AirPrint và các máy in HP nào tương thích với AirPrint, hãy truy cập [www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting](http://www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting).

---

 **GHI CHÚ:** Trước khi sử dụng AirPrint với kết nối USB, hãy kiểm tra số phiên bản. Phiên bản AirPrint 1.3 và cũ hơn không hỗ trợ kết nối USB.

---


## In nhúng của Android

Giải pháp in tích hợp của HP dành cho Android và Kindle cho phép các thiết bị di động tự động tìm và in tới máy in HP có trên mạng hoặc trong phạm vi phủ sóng không dây dành cho in Wi-Fi Direct.

Máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Android.

Giải pháp in được tích hợp vào nhiều phiên bản của hệ điều hành.

---

 **GHI CHÚ:** Nếu chức năng in hiện không khả dụng trên thiết bị của bạn, hãy đến [Google Play > Android apps](https://play.google.com/store/apps/details?id=com.hp.printservice.plugin) (Google Play > Ứng dụng Android) và cài đặt HP Print Service Plugin.

---

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng tính năng in nhúng Android và loại thiết bị Android nào được hỗ trợ, hãy truy cập [www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting](http://www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting).

# In từ cổng USB

## Giới thiệu

Máy in này có tính năng in easy-access USB để bạn có thể nhanh chóng in các tệp mà không cần gửi chúng từ máy tính. Máy in chấp nhận các ổ flash USB chuẩn trong cổng USB gần bảng điều khiển. Máy in hỗ trợ những loại tệp sau:

- .pdf
- .prn
- .pcl
- .ps
- .cht


## Bật cổng USB để in

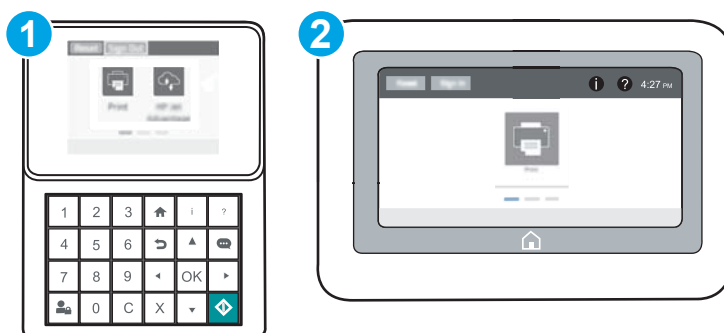
Cổng USB bị tắt theo mặc định. Trước khi sử dụng tính năng này, hãy bật cổng USB. Dùng một trong các phương thức sau đây để bật cổng:

### Phương pháp một: Bật cổng USB từ các menu trên bảng điều khiển máy in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **USB Settings** (Cài đặt USB)
  - **Print From USB Drive Settings** (Cài đặt in từ ổ đĩa USB)
  - **Enable Print From USB Drive** (Bật in từ ổ đĩa USB)
3. Chọn tùy chọn **Enabled** (Bật).



### Phương pháp hai: Bật cổng USB từ máy chủ Máy chủ Web Nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)



 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



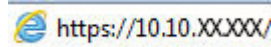
1	Bảng điều khiển bàn phím
2	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng


## 1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:

- Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.




-  **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.


- Mở tab **Copy/Print** (Sao chép/In).
- Ở bên trái màn hình, nhấp **Retrieve from USB Setup** (Cài đặt truy xuất từ USB).
- Chọn hộp chọn **Enable Retrieve from USB** (Bật truy xuất từ USB).
- Bấm **Apply** (Áp dụng).


## In tài liệu USB

- Lắp ổ flash USB vào cổng easy-access USB.

 **GHI CHÚ:** Cổng có thể đã được đậy lại. Đối với một số máy in, nắp lật mở. Đối với các máy in khác, kéo nắp thẳng ra ngoài để tháo nắp.

- Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Print** (In).
- Chọn **Print from USB Drive** (In từ ổ đĩa USB).
- Chọn **Choose** (Lựa chọn) và chọn tên tài liệu cần in. Chọn **Select** (Chọn).

 **GHI CHÚ:** Tài liệu có thể nằm trong một thư mục. Bạn có thể mở thư mục khi cần.

- Để điều chỉnh số bản sao, chạm trường số lượng bản sao ở góc dưới bên trái của màn hình. Dùng bàn phím để nhập số lượng bản sao cần in.
- Bấm nút Start  (Bắt đầu) hoặc chạm vào **Print** (In) để in tài liệu.



---

## 5 Quản lý máy in

- [Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Định cấu hình cài đặt mạng IP](#)
- [Các tính năng bảo mật của máy in](#)
- [Các cài đặt bảo tồn năng lượng](#)
- [HP Web Jetadmin](#)
- [Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở](#)

### Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

# Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)

- [Giới thiệu](#)
- [Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP](#)


## Giới thiệu

Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP để quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ bảng điều khiển của máy in.


- Xem thông tin tình trạng máy in
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi cấu hình menu của bảng điều khiển máy in
- Xem và in các trang nội bộ
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và máy in
- Xem và thay đổi cấu hình mạng

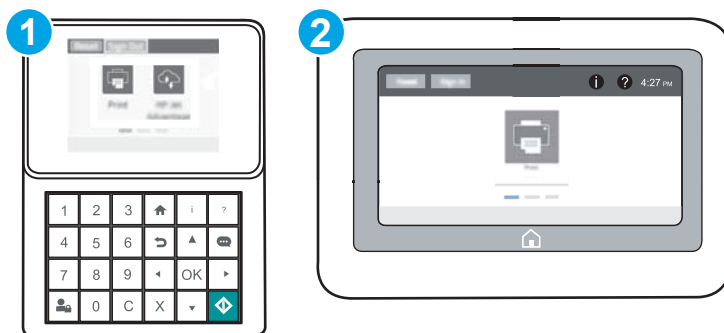
Máy chủ web nhúng của HP hoạt động khi máy in được kết nối với mạng dựa trên IP. Máy chủ web nhúng của HP không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX. Không cần phải có truy cập internet để mở và sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

Khi máy in được nối mạng, Máy chủ web nhúng của HP sẽ tự động sẵn sàng.



 **GHI CHÚ:** Máy chủ web nhúng HP không thể truy cập được bên ngoài tường lửa của mạng.



## Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.

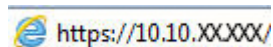



- 1 Bảng điều khiển bàn phím
- 2 Bảng điều khiển màn hình cảm ứng

1. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

Để sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP, trình duyệt phải đáp ứng các yêu cầu sau:

#### Windows® 7

- Internet Explorer (phiên bản 8.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

#### Windows® 8 trở lên

- Internet Explorer (phiên bản 9.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

#### OS X

- Safari (phiên bản 5.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)

#### Linux

- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

### Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP

- [Tab Information \(Thông Tin\)](#)
- [Tab General \(Chung\)](#)
- [Tab Print \(In\)](#)
- [Tab Troubleshooting \(Xử lý sự cố\)](#)
- [Tab Security \(Bảo mật\)](#)
- [Tab HP Web Services \(Dịch vụ Web HP\)](#)

- [Tab Networking \(Hoạt động mạng\)](#)
- [Danh sách Other Links \(Liên kết Khác\)](#)

## Tab Information (Thông Tin)

**Bảng 5-1 Tab Information (Thông tin) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Device Status (Trạng thái thiết bị)</b>	Hiển thị trạng thái của máy in và hiển thị ước tính lượng nguồn cung cấp HP còn lại. Trang này còn hiển thị loại và kích thước giấy được đặt cho mỗi khay. Để thay đổi cài đặt mặc định, hãy nhấp vào liên kết <b>Change Settings</b> (Thay đổi Cài đặt).
<b>Job Log (Nhật ký lệnh in)</b>	Hiển thị tổng hợp tất cả các lệnh in mà máy in đã xử lý.
<b>Configuration Page (Trang cấu hình)</b>	Hiển thị thông tin tìm thấy trên trang cấu hình.
<b>Supplies Status Page (Trang trạng thái nguồn cung cấp)</b>	Hiển thị trạng thái của nguồn cung cấp cho máy in.
<b>Event Log Page (Trang nhật ký sự kiện)</b>	Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của máy in. Sử dụng liên kết <b>HP Instant Support</b> (Hỗ trợ Tức thời của HP) (trong vùng <b>Other Links</b> (Liên kết Khác) trên tất cả các trang của Máy chủ Web Nhúng của HP) để kết nối với tập hợp các trang web động giúp giải quyết sự cố. Các trang này còn hiển thị các dịch vụ bổ sung khả dụng cho máy in.
<b>Số lượng trang đã dùng</b>	Hiển thị tóm tắt số trang máy in đã in, được nhóm theo kích thước, loại và đường dẫn in giấy.
<b>Device Information (Thông tin thiết bị)</b>	Hiển thị thông tin về tên mạng, địa chỉ và kiểu máy in. Để tùy chỉnh các mục nhập này, hãy nhấp vào menu <b>Device Information</b> (Thông tin Thiết bị) trên tab <b>General</b> (Chung).
<b>Control Panel (Ảnh chụp nhanh bảng điều khiển)</b>	Hiển thị hình ảnh của màn hình hiện tại trên màn hình của bảng điều khiển.
<b>In</b>	Tải lên tệp sẵn sàng in từ máy tính để in. Máy in sử dụng các cài đặt in mặc định để in tệp.
<b>Printable Reports and Pages (Các trang và báo cáo có thể in)</b>	Liệt kê các báo cáo và trang nội bộ cho máy in. Chọn một hoặc nhiều mục sẽ in hoặc xem.
<b>Open Source Licenses (Giấy phép nguồn mở)</b>	Hiển thị một bản tóm tắt các giấy phép dành cho các chương trình phần mềm nguồn mở có thể sử dụng được với máy in.

## Tab General (Chung)

**Bảng 5-2 Tab General (Chung) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Alerts (Cảnh báo)</b>	Cài đặt cảnh báo qua email cho các sự kiện của máy in và các nguồn cung cấp khác nhau.
<b>Control Panel Administration Menu (Menu quản trị của bảng điều khiển)</b>	Hiển thị cấu trúc menu của menu <b>Administration</b> (Quản trị) trên bảng điều khiển. <b>GHI CHÚ:</b> Bạn có thể lập cấu hình các cài đặt trên màn hình này, nhưng Máy chủ Web Nhúng của HP cung cấp nhiều tùy chọn cấu hình nâng cao hơn so với các tùy chọn có sẵn thông qua menu <b>Administration</b> (Quản trị).
<b>General Settings (Cài đặt chung)</b>	Cấu hình cách máy in phục hồi từ kẹt giấy và liệu các lệnh sao chép đã được bắt đầu ở bảng điều khiển máy in có chiếm quyền ưu tiên so với lệnh in không.



**Bảng 5-2 Tab General (Chung) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)**

Menu	Mô tả
<b>AutoSend (Tự động gửi)</b>	Lập cấu hình máy in để gửi các email tự động về cấu hình máy in và các nguồn cung cấp đến những địa chỉ email cụ thể.
<b>Edit Other Links (Sửa đổi các liên kết khác)</b>	Thêm hoặc tùy chỉnh một liên kết đến một trang web khác. Liên kết này hiển thị ở vùng chân trang trên tất cả các trang Máy chủ web nhúng của HP.
<b>Ordering Information (Thông tin đặt mua hàng)</b>	Nhập thông tin về đặt hàng hộp mực in thay thế. Thông tin này sẽ hiển thị trên trang trạng thái nguồn cung cấp.
<b>Device Information (Thông tin thiết bị)</b>	Đặt tên máy in và gán một mã số tài sản cho máy in này. Nhập tên của người liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về máy in.
<b>Ngôn ngữ</b>	Đặt ngôn ngữ sẽ hiển thị thông tin về Máy chủ web nhúng của HP.
<b>Date/Time Settings (Cài đặt ngày/giờ)</b>	Đặt ngày giờ hoặc đồng bộ hóa với máy chủ thời gian mạng.
<b>Cài đặt Năng lượng</b>	Đặt hoặc chỉnh sửa thời gian hoạt động, thời gian nghỉ và trì hoãn nghỉ cho máy in. Đặt lịch trình khác nhau cho từng ngày trong tuần và cho các ngày nghỉ.  Đặt những tương tác nào với máy in sẽ khiến cho máy in trở lại hoạt động từ chế độ nghỉ.
<b>Backup and Restore (Sao lưu và lưu trữ)</b>	Tạo tệp sao lưu chứa dữ liệu về máy in và người dùng. Nếu cần, hãy sử dụng tệp này để khôi phục dữ liệu cho máy in.
<b>Reset Factory Settings (Xác lập lại cài đặt gốc)</b>	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.
<b>Solution Installer (Trình cài đặt giải pháp)</b>	Cài đặt các gói phần mềm của bên thứ ba để mở rộng hoặc thay đổi chức năng của máy in.
<b>Nâng cấp Chương trình cơ sở</b>	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.
<b>Quota and Statistics Services (Dịch vụ Hạn ngạch và Thống kê)</b>	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ thống kê lệnh in của bên thứ ba.

## Tab Print (In)

**Bảng 5-3 Tab Print (In) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Print from USB drive settings (Cài đặt in từ ổ đĩa USB)</b>	Bật hoặc tắt menu <a href="#">Print from USB Drive</a> (In từ Ổ đĩa USB) trên bảng điều khiển.
<b>Manage Stored Jobs (Quản lý lệnh in đã lưu)</b>	Bật hoặc tắt khả năng lưu trữ lệnh in trong bộ nhớ máy in.  Lập cấu hình tùy chọn lưu trữ lệnh in.
<b>Default Print Options (Tùy chọn in mặc định)</b>	Lập cấu hình các tùy chọn mặc định cho lệnh in.
<b>Adjust Paper Types (Điều chỉnh loại giấy)</b>	Ghi đè cài đặt chế độ mặc định gốc nếu có vấn đề về chất lượng in xảy ra khi sử dụng một loại giấy cụ thể.
<b>Restrict Color (Giới hạn màu)</b>	Cho phép hoặc giới hạn in màu.
(Chỉ các máy in màu)	Xác định quyền cho những người sử dụng riêng lẻ hoặc những lệnh in được gửi từ những chương trình phần mềm cụ thể.
<b>PCL and PostScript Settings (Cài đặt PCL và PostScript)</b>	Điều chỉnh các cài đặt PCL và PostScript cho tất cả các lệnh in.

**Bảng 5-3 Tab Print (In) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)**

Menu	Mô tả
<b>Print Quality (Chất lượng in)</b>	Cấu hình cài đặt chất lượng in, bao gồm các cài đặt sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài đặt chất lượng in chung</li> <li>• Cài đặt màu mặc định</li> <li>• Cài đặt đăng ký hình ảnh mặc định</li> <li>• Tự cảm biến</li> <li>• Loại giấy mặc định</li> <li>• Cài đặt tối ưu hóa mặc định</li> </ul>
<b>Manage Supplies (Quản lý nguồn cung cấp)</b>	Lập cấu hình cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết.
<b>Manage Trays (Quản lý khay)</b>	Lập cấu hình cài đặt cho các khay giấy.

## Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)

**Bảng 5-4 Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Xử lý sự cố Chung</b>	Chọn từ nhiều loại báo cáo và kiểm tra khác nhau để giúp giải quyết các vấn đề với máy in.
<b>Online Help (Trợ giúp trực tuyến)</b>	Liên kết đến trợ giúp trực tuyến nền tảng HP để hỗ trợ khắc phục các sự cố in.
<b>Retrieve Diagnostic Data (Truy lục dữ liệu chẩn đoán)</b>	Xuất thông tin máy in vào một tệp có thể hữu ích cho việc phân tích vấn đề chi tiết.
<b>Calibration/Cleaning (Cân chỉnh/Lau dọn)</b>	Bật tính năng tự động lau dọn, tạo và in trang lau dọn và chọn một tùy chọn để cân chỉnh máy in ngay lập tức.  (Chỉ các máy in màu)
<b>Nâng cấp Chương trình cơ sở</b>	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.
<b>Restore Factory Settings (Khôi phục cài đặt gốc)</b>	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.

## Tab Security (Bảo mật)

**Bảng 5-5 Tab Security (Bảo mật) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>General Security (Bảo mật chung)</b>	Cài đặt cho bảo mật chung, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>Lập cấu hình mật khẩu quản trị viên để hạn chế quyền truy cập vào một số tính năng nhất định trên máy in.</li><li>Đặt mật khẩu PjL để xử lý các lệnh PjL.</li><li>Đặt bảo mật truy cập hệ thống tệp và nâng cấp chương trình cơ sở.</li><li>Bật hoặc tắt cổng USB chủ trên bảng điều khiển hoặc cổng kết nối USB trên bộ định dạng để in trực tiếp từ máy tính.</li><li>Xem trạng thái của tất cả cài đặt bảo mật.</li></ul>
<b>Account Policy (Chính sách tài khoản)</b>	Bật các cài đặt tài khoản quản trị viên.
<b>Access Control (Kiểm soát truy cập)</b>	Lập cấu hình truy cập vào các chức năng của máy in cho các cá nhân hoặc nhóm cụ thể và chọn phương pháp các cá nhân sử dụng để đăng nhập vào máy in.
<b>Protect Stored Data (Bảo vệ dữ liệu đã lưu)</b>	Lập cấu hình và quản lý ổ đĩa cứng bên trong cho máy in. Lập cấu hình các cài đặt lệnh in được lưu trữ trên ổ đĩa cứng của máy in.
<b>Certificate Management (Quản lý chứng nhận)</b>	Cài đặt và quản lý các chứng nhận bảo mật đối với quyền truy cập vào máy in và mạng.
<b>Bảo mật Dịch vụ Web</b>	Cho phép các tài nguyên trên máy in này được truy cập bởi các trang web từ các tên miền khác nhau. Nếu không có trang web nào được thêm vào danh sách, khi đó tất cả mọi trang web đều được tin cậy.
<b>Tự Kiểm tra</b>	Kiểm tra và đảm bảo rằng các chức năng bảo mật đang hoạt động theo các thông số hệ thống dự kiến.

## Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP)

Sử dụng tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP) để lập cấu hình và bật Dịch vụ Web HP cho máy in này. Cần phải bật Dịch vụ Web HP để sử dụng tính năng HP ePrint.

**Bảng 5-6 Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP) trên Máy chủ web nhúng HP**

Menu	Mô tả
<b>Cài đặt Dịch vụ Web</b>	Kết nối máy in này với HP Connected trên web bằng cách bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP).
<b>Web Proxy</b>	Lập cấu hình máy chủ proxy nếu có vấn đề với việc bật Dịch vụ Web HP hoặc kết nối máy in với Internet.
<b>HP JetAdvantage</b>	Truy cập các giải pháp mở rộng khả năng của máy in

## Tab Networking (Hoạt động mạng)

Sử dụng tab **Networking** (Mạng) để lập cấu hình và bảo mật cài đặt mạng cho máy in khi được kết nối với mạng dựa trên IP. Tab này không hiển thị nếu máy in được kết nối với các loại mạng khác.


**Bảng 5-7 Tab Networking (Mạng) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Configuration (Cấu hình)</b>	
<b>Wireless Direct</b>	Lập cấu hình các cài đặt Wireless Direct dành cho máy in bao gồm in Wireless Direct nhúng hoặc có lắp đặt phụ kiện không dây.  <b>GHI CHÚ:</b> Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
<b>TCP/IP Settings (Cài đặt IPV6)</b>	Lập cấu hình cài đặt TCP/IP cho các mạng IPv4 và IPv6.  <b>GHI CHÚ:</b> Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
<b>Network Settings (Cài đặt mạng)</b>	Lập cấu hình cài đặt IPX/SPX, AppleTalk, DLC/LLC và SNMP, tùy thuộc vào kiểu máy chủ in.
<b>Cài đặt Khác</b>	Lập cấu hình giao thức in chung và các dịch vụ được hỗ trợ bởi máy chủ in. Tùy chọn có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in, nhưng có thể bao gồm cập nhật chương trình cơ sở, hàng đợi LPD, cài đặt USB, thông tin hỗ trợ và tốc độ làm mới.
<b>AirPrint</b>	Bật, cài đặt hoặc tắt in qua mạng từ các máy in được hỗ trợ của Apple.
<b>Chọn Ngôn ngữ</b>	Thay đổi ngôn ngữ được hiển thị bởi Máy chủ Web Nhúng của HP. Trang này hiển thị nếu các trang web hỗ trợ nhiều ngôn ngữ. Tùy chọn, chọn những ngôn ngữ được hỗ trợ thông qua cài đặt tùy chọn ngôn ngữ trong trình duyệt.
<b>Google Cloud Print</b>	
<b>Setup (Cài đặt)</b>	Thiết lập tùy chọn Google Cloud Print.
<b>Web Proxy</b>	Cấu hình các cài đặt proxy.
<b>Security (Bảo mật)</b>	
<b>Cài đặt</b>	Xem và khôi phục cài đặt bảo mật hiện tại về các giá trị mặc định ban đầu.  Lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật.  <b>GHI CHÚ:</b> Không sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật để lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng các ứng dụng quản lý mạng, chẳng hạn như HP Web Jetadmin.
<b>Ủy quyền</b>	Kiểm soát việc quản lý cấu hình và sử dụng máy in này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>• Đặt hoặc thay đổi mật khẩu người quản trị để kiểm soát truy cập vào các thông số cấu hình.</li><li>• Yêu cầu, cài đặt và quản lý chứng chỉ kỹ thuật số trên máy chủ in HP Jetdirect.</li><li>• Hạn chế truy cập máy chủ vào máy in này thông qua một Danh sách Kiểm soát Truy cập (ACL) (với các máy chủ in được chọn chỉ trên mạng IPv4).</li></ul>
<b>Secure Communication (Liên lạc bảo mật)</b>	Cấu hình các cài đặt an toàn.

**Bảng 5-7 Tab Networking (Mạng) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)**

Menu	Mô tả
<b>Mgmt. Protocols (Quản lý giao thức)</b>	Lập cấu hình và quản lý các giao thức bảo mật cho máy in này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>• Đặt mức quản lý bảo mật cho Máy chủ Web Nhúng của HP và kiểm soát lưu lượng qua HTTP và HTTPS.</li><li>• Lập cấu hình hoạt động SNMP (Giao thức Quản lý Mạng Đơn giản). Bật hoặc tắt các tác nhân SNMP v1/v2c hoặc SNMP v3 trên máy chủ in.</li><li>• Kiểm soát truy cập thông qua các giao thức có thể không được bảo mật, chẳng hạn như giao thức in, dịch vụ in, giao thức phát hiện, dịch vụ phân giải tên và các giao thức quản lý cấu hình.</li></ul>
<b>Xác thực 802.1X</b>	Lập cấu hình cài đặt xác thực 802.1X trên máy chủ in Jetdirect theo yêu cầu để xác thực ứng dụng khách trên mạng và đặt lại cài đặt xác thực 802.1X về các giá trị mặc định ban đầu.  <b>THẬN TRỌNG:</b> Khi thay đổi cài đặt xác thực 802.1X; máy in có thể bị ngắt kết nối. Để kết nối lại, có thể cần đặt lại máy chủ in về trạng thái mặc định ban đầu và cài đặt lại máy in.
<b>IPsec/Firewall</b>	Xem hoặc lập cấu hình chính sách Tường lửa hoặc chính sách IPsec/Tường lửa.
<b>Tác nhân Thông báo</b>	Bật hoặc tắt Tác nhân Thông báo Thiết bị HP, đặt máy chủ cấu hình và lập cấu hình xác thực lẫn nhau sử dụng chứng chỉ.
<b>Diagnostics (Chẩn đoán)</b>	
<b>Thống kê Mạng</b>	Hiển thị thống kê mạng được thu thập và lưu trữ trên máy chủ in HP Jetdirect.
<b>Thông tin Giao thức</b>	Xem danh sách cài đặt cấu hình mạng trên máy chủ in HP Jetdirect cho mỗi giao thức.
<b>Configuration Page (Trang cấu hình)</b>	Xem trang cấu hình HP Jetdirect, trong đó có tình trạng và thông tin cấu hình.

## Danh sách Other Links (Liên kết Khác)

 **GHI CHÚ:** Lập cấu hình những liên kết nào sẽ hiển thị ở chân trang của Máy chủ web nhúng HP bằng cách sử dụng menu **Edit Other Links** (Chỉnh sửa Liên kết Khác) trên tab **General** (Chung). Các mục sau là liên kết mặc định.

**Bảng 5-8 Danh sách Other Links (Liên kết Khác) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Product Support (Hỗ trợ sản phẩm)</b>	Kết nối với trang web hỗ trợ dành cho máy in để tìm kiếm trợ giúp về các chủ đề khác nhau.
<b>Shop for Supplies (Mua Nguồn cung cấp)</b>	Kết nối với trang web HP SureSupply để biết thông tin về cách mua các nguồn cung cấp HP chính hãng, chẳng hạn như hộp mực và giấy.
<b>HP Instant Support (Hỗ trợ tức thời của HP)</b>	Kết nối với trang web của HP để tìm các giải pháp cho các vấn đề của máy in.

# Định cấu hình cài đặt mạng IP


- [Từ chối chia sẻ máy in](#)
- [Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng](#)
- [Đổi tên máy in trên mạng](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết](#)

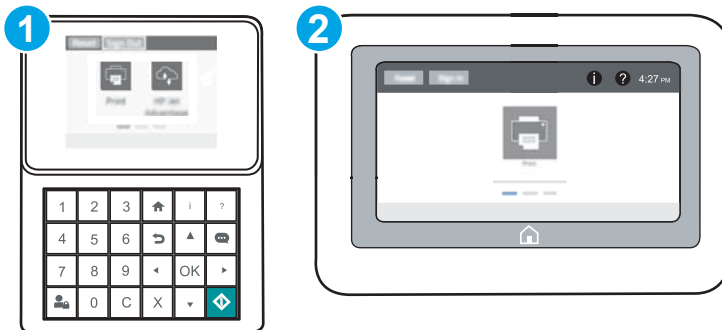
## Từ chối chia sẻ máy in

HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Vào Microsoft tại [www.microsoft.com](http://www.microsoft.com).

## Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng


Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.


 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



- 1 Bảng điều khiển bàn phím
- 2 Bảng điều khiển màn hình cảm ứng


### 1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **i** và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **i** rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.




 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

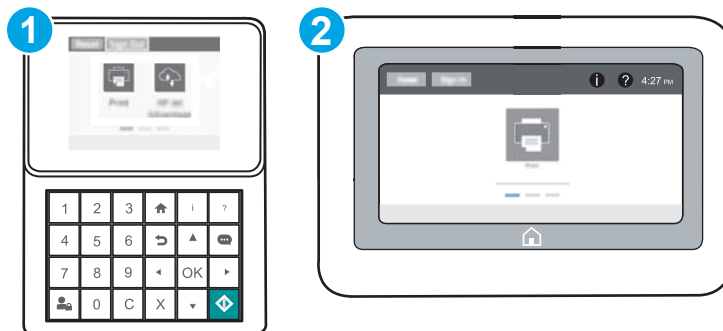
2. Nhấp tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.

## Đổi tên máy in trên mạng

Để đổi tên máy in trên mạng để có thể xác định duy nhất máy in, hãy sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.



1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:



 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



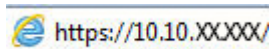
1 Bảng điều khiển bàn phím


2 Bảng điều khiển màn hình cảm ứng

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.


**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Mở tab **General** (Chung).
3. Trên trang **Device Information** (Thông tin Thiết bị), tên máy in mặc định nằm trong trường **Device Name** (Tên Thiết bị). Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất máy in này.

 **GHI CHÚ:** Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.

4. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

## Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Sử dụng các menu **Settings** (Cài đặt) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng cấp dưới và cổng mặc định theo cách thủ công.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **Hoạt động mạng**
  - **Ethernet**
  - **TCP/IP**
  - **Cài đặt IPV 4**
  - **Config Method (Phương pháp cấu hình)**
3. Chọn tùy chọn **Manual** (Thủ công), sau đó chọn nút **Save** (Lưu).
4. Mở menu **Manual Settings** (Cài đặt Thủ công).
5. Chọn tùy chọn **IP Address** (Địa chỉ IP), **Subnet Mask** (Mặt nạ mạng Phụ), hoặc **Default Gateway** (Cổng Mặc định).
6. Sử dụng bàn phím số để nhập các số chính xác cho trường, sau đó bấm hoặc chạm vào nút **OK**.

Lặp lại quá trình này cho mỗi trường, sau đó chọn **Save** (Lưu).

## Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công


Sử dụng các menu **Settings** (Cài đặt) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv6 theo cách thủ công.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Để cho phép cấu hình thủ công, hãy mở các menu sau:





- [Hoạt động mạng](#)
  - [Ethernet](#)
  - [TCP/IP](#)
  - [IPV6 Settings \(Cài đặt IPV6\)](#)
3. Chọn [Enable](#) (Kích hoạt) và chọn [On](#) (Bật).
  4. Để lập cấu hình địa chỉ, hãy mở menu [Address](#) (Địa chỉ), sau đó chạm vào trường này để mở bàn phím số.
  5. Sử dụng bàn phím số để nhập các số chính xác cho trường, sau đó bấm hoặc chạm vào nút [OK](#).
  6. Chọn [Save](#) (Lưu).

## Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để máy in ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn máy in không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Để thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của máy in.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt của máy in phải khớp với cài đặt cho thiết bị mạng (hub mạng, thiết bị chuyển mạch, cổng nối, bộ định tuyến, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, máy in sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi máy in chạy không (nhàn rỗi).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - [Hoạt động mạng](#)
  - [Ethernet](#)
  - [Tốc độ Liên kết](#)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
  - [Auto](#) (Tự động): Máy chủ in tự động cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
  - [10T Half](#) (10T một nửa): Truyền bán song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
  - [10T Full](#) (10T đầy đủ): Truyền song công, 10 Mbps
  - [10T Auto](#) (10TX tự động): Truyền song công tự động, 10 Mbps
  - [100TX Half](#) (100TX một nửa): Truyền bán song công, 100 Mbps
  - [100TX Full](#) (100TX đầy đủ): Truyền song công, 100 Mbps

- **100TX Auto** (100TX tự động): Truyền song công tự động, 100 Mbps
  - **1000T Full** (10T đầy đủ): Truyền song công, 1000 Mbps
4. Chọn **Save** (Lưu). Máy in sẽ tắt, sau đó bật lại.

# Các tính năng bảo mật của máy in

## Giới thiệu

Máy in bao gồm một số tính năng bảo mật để giới hạn ai có quyền truy cập để lập cấu hình các cài đặt, để bảo mật dữ liệu và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.

- [Tuyên bố bảo mật](#)
- [Bảo mật IP](#)
- [Gán mật khẩu của quản trị viên](#)
- [Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP](#)
- [Khóa bộ định dạng](#)

## Tuyên bố bảo mật

Máy in hỗ trợ các chuẩn bảo mật và các giao thức được khuyến nghị sử dụng. Những chuẩn và giao thức này giúp bạn giữ an toàn cho máy in, bảo vệ những thông tin then chốt trên mạng của bạn và đơn giản hóa cách thức giám sát và duy trì máy in.

## Bảo mật IP


Bảo mật IP (IPsec) là tập hợp các giao thức kiểm soát lưu lượng truy cập mạng dựa trên IP vào và ra máy in. IPsec cho phép xác nhận giá trị từ máy chủ này đến máy chủ khác, tính nguyên vẹn của dữ liệu và sự mã hóa các kênh giao tiếp mạng.

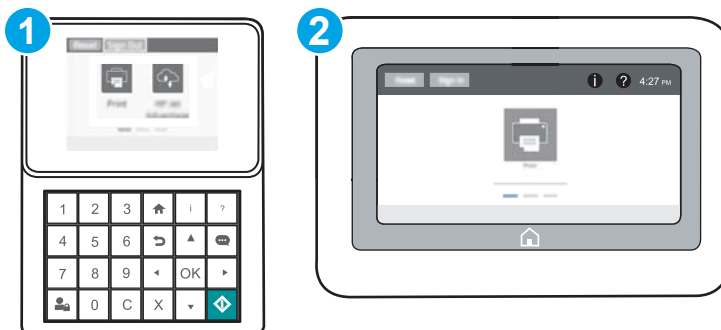
Đối với những máy in được kết nối mạng và có máy chủ in HP Jetdirect, bạn có thể cấu hình IPsec bằng cách sử dụng tab **Networking** (Hoạt động mạng) trong Máy chủ web nhúng của HP.

## Gán mật khẩu của quản trị viên


Gán một mật khẩu của quản trị viên để truy cập vào máy in và Máy chủ web nhúng của HP để người dùng không được phép không thể thay đổi cài đặt của máy in.


1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.





1	Bảng điều khiển bàn phím
2	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **i** và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.


**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **i** rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.


 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt Web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

- Nhấp tab **Security** (Bảo mật).
- Mở menu **General Security** (Bảo mật Chung).
- Trong vùng có nhãn **Set the Local Administrator Password** (Đặt mật khẩu người quản trị cục bộ), nhập tên để liên kết với mật khẩu trong trường **Username** (Tên người dùng).
- Nhập mật khẩu vào trường **New Password** (Mật khẩu Mới), sau đó nhập lại mật khẩu này vào trường **Verify Password** (Xác nhận Mật khẩu).


 **GHI CHÚ:** Để thay đổi mật khẩu hiện tại, trước tiên bạn phải nhập mật khẩu hiện tại vào trường **Old Password** (Mật khẩu Cũ).

- Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).

 **GHI CHÚ:** Ghi lại mật khẩu và để ở nơi an toàn. Không thể khôi phục mật khẩu quản trị viên. Nếu làm mất hoặc đã quên mật khẩu quản trị viên, hãy liên hệ với Bộ phận hỗ trợ của HP tại [support.hp.com](http://support.hp.com) để được hỗ trợ cần thiết để đặt lại máy in hoàn toàn.

Một số tính năng trên bảng điều khiển máy in có thể được bảo mật để những người không được phép không thể sử dụng chúng. Khi một tính năng được bảo mật, máy in sẽ nhắc bạn đăng nhập trước khi bạn có thể sử dụng nó. Bạn cũng có thể đăng nhập mà không cần chờ nhắc bằng cách chọn **Sign In** (Đăng nhập) từ bảng điều khiển của máy in.



Thông thường, thông tin đăng nhập vào máy in giống với thông tin đăng nhập vào mạng. Tham khảo ý kiến của người quản trị mạng cho máy in này nếu bạn có câu hỏi về thông tin đăng nhập để sử dụng.

- Bảng điều khiển bàn phím:** Bấm nút Sign In  (Đăng nhập)

**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Sign In** (Đăng nhập).

- Làm theo lời nhắc để nhập thông tin đăng nhập.

---

 **GHI CHÚ:** Để duy trì bảo mật cho máy in, hãy bấm hoặc chạm vào nút Sign Out  (Đăng xuất) khi sử dụng xong máy in.

---

## Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP

Ổ cứng này cung cấp tính năng mã hóa bằng phần cứng để bạn có thể lưu dữ liệu nhạy cảm một cách an toàn mà không ảnh hưởng tới hiệu suất của máy in. Ổ cứng này sử dụng Chuẩn mã hóa nâng cao (AES) mới nhất và có tính năng tiết kiệm thời gian linh hoạt và chức năng mạnh mẽ.

Sử dụng menu **Security** (Bảo mật) trong Máy chủ web nhúng của HP để cấu hình đĩa.

## Khóa bộ định dạng

Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe trên bộ định dạng. Khóa bộ định dạng ngăn không cho ai đó tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.

# Các cài đặt bảo tồn năng lượng

## Giới thiệu

- [Đặt các cài đặt chạy không](#)
- [Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn](#)

## Đặt các cài đặt chạy không

Theo mặc định, máy in duy trì trạng thái ấm giữa các lệnh in để tối ưu hóa tốc độ và in trang đầu tiên nhanh hơn. Để tiết kiệm năng lượng, hãy thiết lập máy in ở trạng thái làm mát giữa các lệnh in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - [General Settings](#) (Cài đặt chung)
  - [Cài đặt Năng lượng](#)
  - [Idle Settings](#) (Cài đặt chạy không)
3. Điều chỉnh thanh trượt sang phải để tiết kiệm năng lượng. Chạm vào [Done](#) (Xong) để lưu cài đặt.

## Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn

Cài đặt nghỉ ảnh hưởng đến lượng điện năng mà máy in sử dụng, thời gian hoạt động trở lại/nghỉ, thời gian máy in chuyển sang chế độ nghỉ và thời gian để hoạt động trở lại sau chế độ nghỉ.

Để lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn khi đang ở chế độ nghỉ, nhập thời gian cho cả hai cài đặt [Sleep after Inactivity](#) (Chế độ nghỉ sau khi không hoạt động) và [Auto Off after sleep](#) (Tự động tắt sau khi nghỉ).


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - [General Settings](#) (Cài đặt chung)
  - [Cài đặt Năng lượng](#)
  - [Sleep Settings](#) (Cài đặt nghỉ)
3. Chọn [Sleep after Inactivity](#) (Chế độ nghỉ sau khi không hoạt động) để xác định số phút mà máy in không hoạt động trước khi máy in chuyển sang chế độ nghỉ. Nhập khoảng thời gian thích hợp.



**GHI CHÚ:** Thời gian mặc định cho chế độ nghỉ là 0 phút. Số không (0) cho biết rằng máy in sẽ chuyển sang chế độ nghỉ trong ít hơn 1 phút.

4. Chọn [Auto Off after sleep](#) (Tự động tắt sau khi nghỉ) để đặt máy in vào chế độ tiết kiệm điện nhiều hơn sau một khoảng thời gian nghỉ. Nhập khoảng thời gian thích hợp.

---

 **GHI CHÚ:** Theo mặc định, máy in sẽ hoạt động trở lại sau Tự động tắt do có một hoạt động bất kỳ ngoài USB hoặc Wi-Fi, nhưng bạn có thể thiết lập máy in chỉ hoạt động trở lại sau khi nút nguồn được nhấn.

---

5. Chọn **Done** (Xong) để lưu cài đặt.

## HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nối mạng, bao gồm máy in, máy in đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra định kỳ để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập [www.hp.com/go/webjetadmin](http://www.hp.com/go/webjetadmin) để biết thêm thông tin.



## Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở

HP thường xuyên cập nhật các tính năng có trong chương trình cơ sở của máy in. Để tận dụng các tính năng mới nhất, hãy cập nhật chương trình cơ sở của máy in. Tải xuống tệp cập nhật chương trình cơ sở gần đây nhất từ web:

Hãy truy cập [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653). Nhấp vào **Drivers & Software (Trình điều khiển & Phần mềm)**.



---

## 6 Giải quyết sự cố

- [Hỗ trợ khách hàng](#)
- [Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển](#)
- [Khôi phục cài đặt gốc](#)
- [Thông báo “Cartridge is low” \(Hộp mực in ở mức thấp\) hoặc “Cartridge is very low” \(Hộp mực in gần hết\) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in](#)
- [Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)
- [Bảng lỗi hình ảnh](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây](#)

### Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).


Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

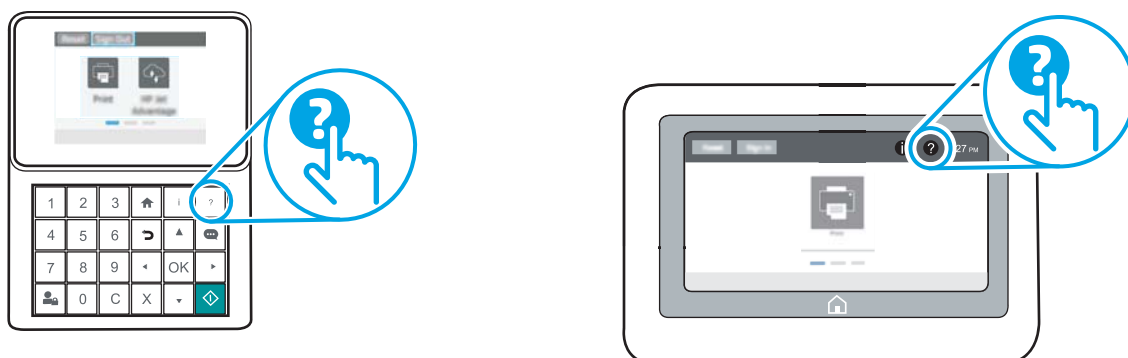
- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

# Hỗ trợ khách hàng

Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn	Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp máy in hoặc xem tại <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a> .
Chuẩn bị sẵn sàng tên máy in, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố	
Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm	<a href="http://www.hp.com/support/colorjM652">www.hp.com/support/colorjM652</a> or <a href="http://www.hp.com/support/colorjM653">www.hp.com/support/colorjM653</a>
Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì	<a href="http://www.hp.com/go/carepack">www.hp.com/go/carepack</a>
Đăng ký máy in	<a href="http://www.register.hp.com">www.register.hp.com</a>

## Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển

Máy in có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, hãy chạm vào nút  Trợ giúp ở góc trên bên phải màn hình.



Đối với một số màn hình, phần Trợ giúp mở ra một menu chung để bạn có thể tìm kiếm các chủ đề cụ thể. Bạn có thể duyệt qua cấu trúc menu bằng cách chạm vào các nút trong menu.


Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ cho bạn biết các quy trình cụ thể, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.

Nếu máy in báo lỗi hoặc đưa ra cảnh báo, hãy chạm vào nút  Trợ giúp để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.

# Khôi phục cài đặt gốc

## Giới thiệu

Dùng một trong các phương thức sau để khôi phục máy in về các cài đặt gốc từ nhà máy.

 **GHI CHÚ:** Việc khôi phục cài đặt gốc sẽ thiết lập hầu hết các cài đặt của máy in về mặc định gốc của chúng. Tuy nhiên, có một số cài đặt không được thay đổi, ví dụ như ngôn ngữ, ngày tháng, thời gian và một số cài đặt cấu hình mạng.


## Phương pháp một: Khôi phục cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **General (Tổng quan)**
  - **Reset Factory Settings (Xác lập lại cài đặt gốc)**


3. Chọn **Reset** (Xác lập lại).

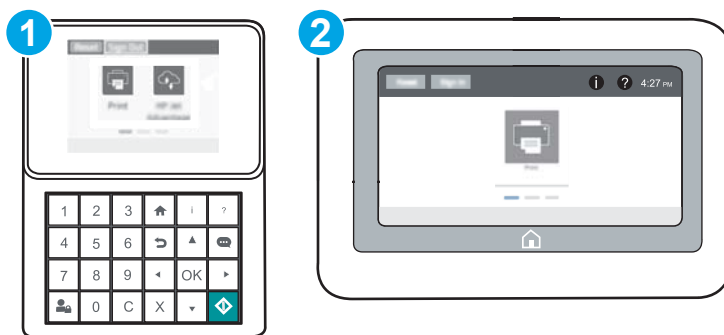
Một thông báo xác nhận sẽ cho biết việc hoàn thành chức năng xác lập lại có thể gây ra thất thoát dữ liệu.

4. Chọn **Reset** (Xác lập lại) để hoàn thành quá trình.

 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.



## Phương pháp hai: Khôi phục cài đặt gốc từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)



 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



1. Bảng điều khiển bàn phím
2. Bảng điều khiển màn hình cảm ứng


1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.


**Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút  rồi chọn biểu tượng Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Mở tab **General** (Chung).
3. Ở bên trái màn hình, nhấp **Reset Factory Settings** (Xác lập lại cài đặt gốc).
4. Bấm vào nút **Reset** (Xác lập lại).

 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

# Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in

**Cartridge is low** (Hộp mực in ở mức thấp): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này.

**Cartridge is very low** (Hộp mực in gần hết): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in gần hết. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP hết hạn gần cuối thời gian có thể sử dụng hộp mực. Kiểm tra Trang trạng thái nguồn cung cấp hoặc Máy chủ web nhúng (EWS) để xem tình trạng.

## Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)

Bạn có thể thay đổi cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết. Bạn không phải thiết lập lại các cài đặt này khi bạn cài đặt một hộp mực in mới.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - **Manage Supplies** (Quản lý nguồn cung cấp)
  - **Very Low Behavior** (Xử lý khi mực gần hết)
  - **Black Cartridge** (Hộp mực đen) hoặc **Color Cartridge** (Hộp mực màu)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
  - Chọn tùy chọn **Stop** (Dừng) để đặt máy in dừng in khi hộp mực ở ngưỡng **Very Low** (Gần hết).
  - Chọn tùy chọn **Prompt to continue** (Nhắc để tiếp tục) để đặt máy in dừng in khi hộp mực tiến đến ngưỡng **Very Low** (Gần hết). Bạn có thể xác nhận lời nhắc hoặc thay thế hộp mực để tiếp tục in.
  - Chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) để đặt máy in cảnh báo bạn rằng hộp mực gần hết và tiếp tục in ngoài mức cài đặt **Very Low** (Gần hết) mà không cần tương tác. Điều này có thể dẫn tới chất lượng in không tốt.

## Đặt hàng mực in

Đặt hàng mực in và giấy	<a href="http://www.hp.com/go/suresupply">www.hp.com/go/suresupply</a>
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.



# Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai

## Giới thiệu

Các giải pháp sau đây có thể giúp giải quyết sự cố nếu máy in không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc. Một trong hai trường hợp này có thể gây kẹt giấy.


- [Máy in không nạp giấy](#)
- [Máy in nạp nhiều giấy](#)

## Máy in không nạp giấy

Nếu máy in không nạp giấy từ khay, hãy thử các giải pháp sau.

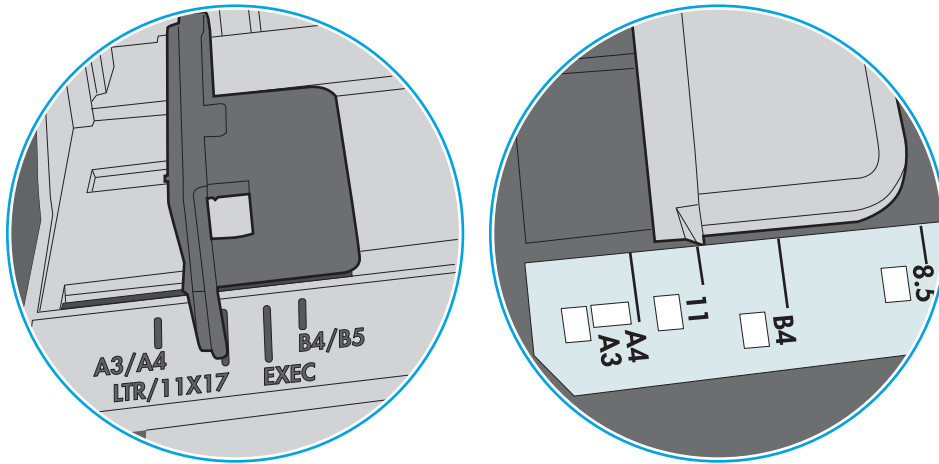
1. Mở máy in và gỡ hết giấy bị kẹt ra. Kiểm tra xem có mảnh vụn giấy rách nào còn kẹt lại bên trong máy in không.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của máy in.

4. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

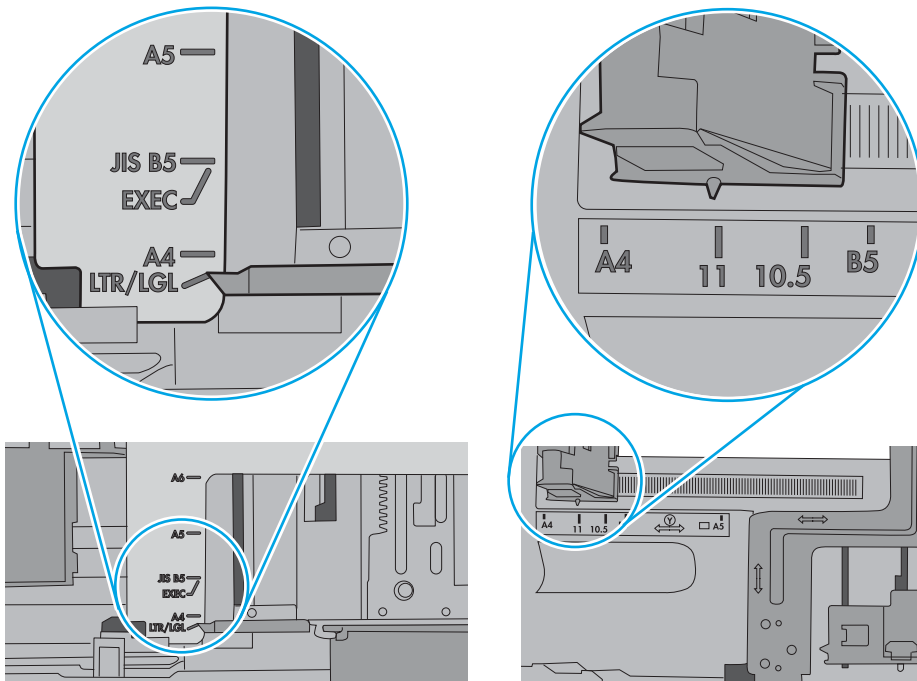
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

**Hình 6-1** Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



**Hình 6-2** Dấu kích thước cho khay băng từ

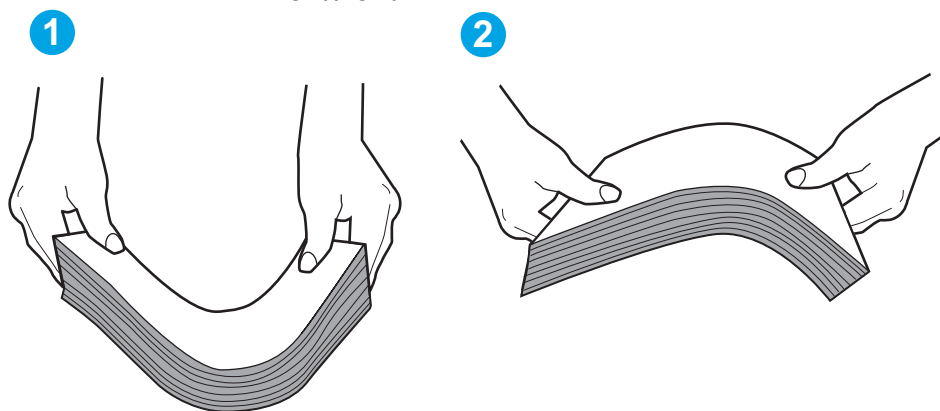


5. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-3 Cách uốn cong tập giấy

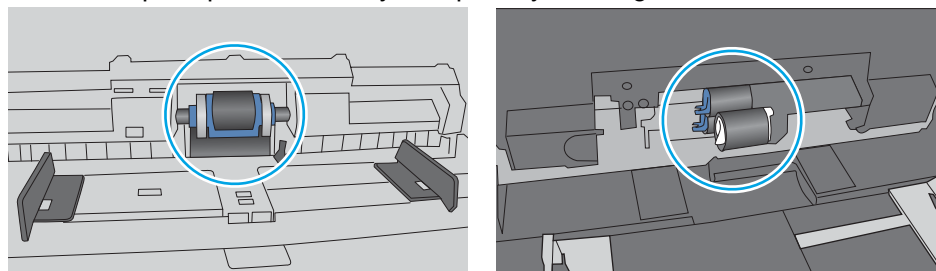


6. Kiểm tra bảng điều khiển máy in để xem máy có đang hiển thị lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.
7. Trục lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch trục lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm. Sử dụng nước cất, nếu có.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Không phun nước trực tiếp lên máy in. Thay vào đó, hãy phun nước trên vải hoặc nhúng miếng vải vào nước và vắt hết nước ra trước khi lau sạch trục lăn.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về vị trí trục lăn cho nhiều máy in khác nhau.


Hình 6-4 Vị trí trục lăn cho Khay 1 hoặc khay đa năng



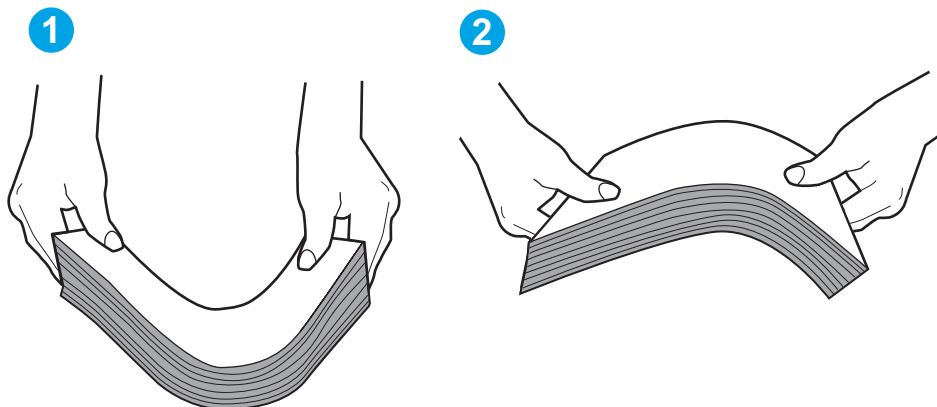
## Máy in nạp nhiều giấy

Nếu máy in nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau.

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra.* Đưa tập giấy vào lại khay.

 **GHI CHÚ:** Xòe giấy ra để đưa ra tĩnh điện. Thay vì xòe giấy ra, hãy uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

**Hình 6-5** Cách uốn cong tập giấy



2. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
3. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

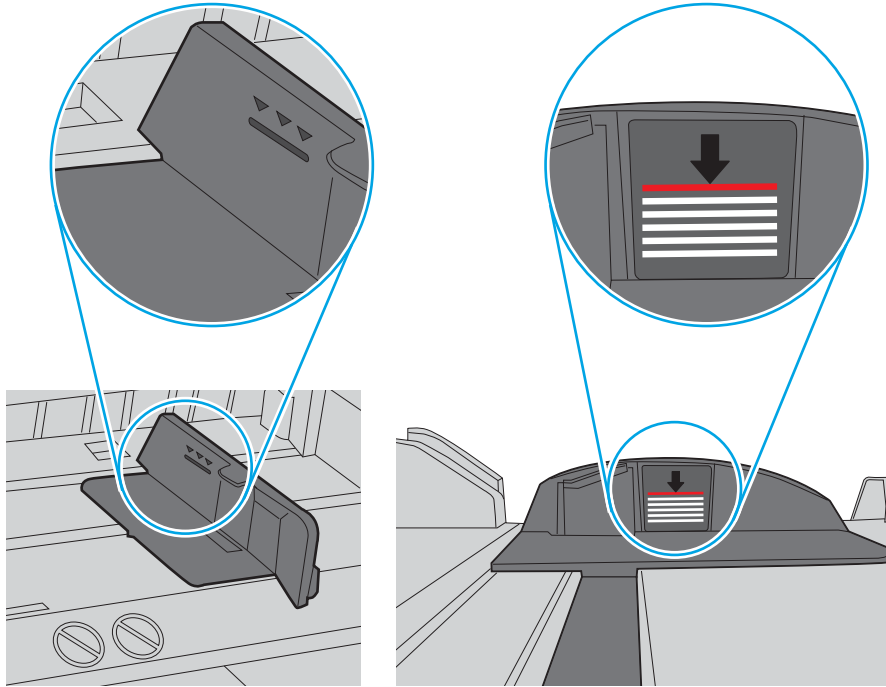
Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy như được mô tả ở trên.

4. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gập hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.

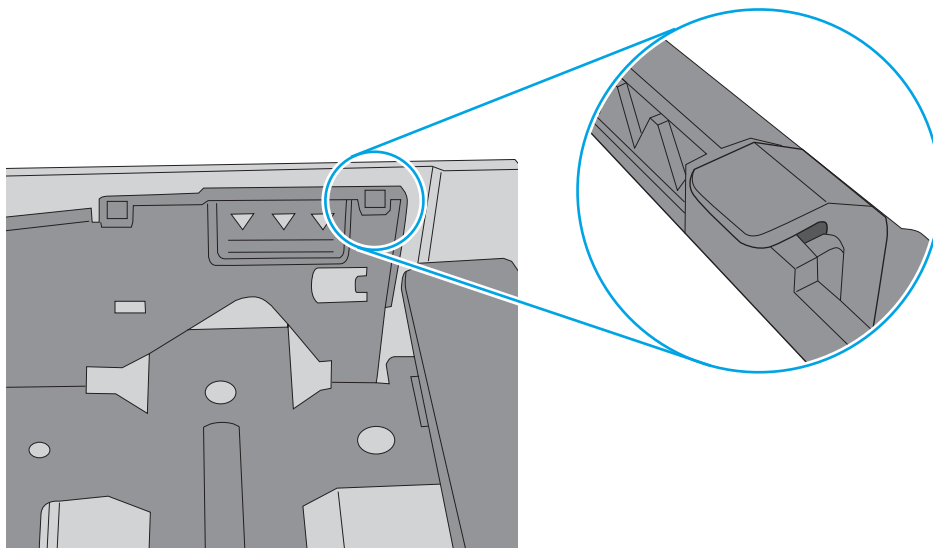
5. Đảm bảo khay không quá đầy bằng cách kiểm tra các dấu chiều cao tập giấy nằm bên trong khay. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu chiều cao tập giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này. Đồng thời kiểm tra để chắc rằng tất cả các trang giấy nằm ở dưới các vấu gần dấu chiều cao tập giấy. Các vấu này giúp giữ giấy ở đúng vị trí khi nó đi vào máy in.


**Hình 6-6** Dấu chiều cao tập giấy



**Hình 6-7** Vấu cho tập giấy

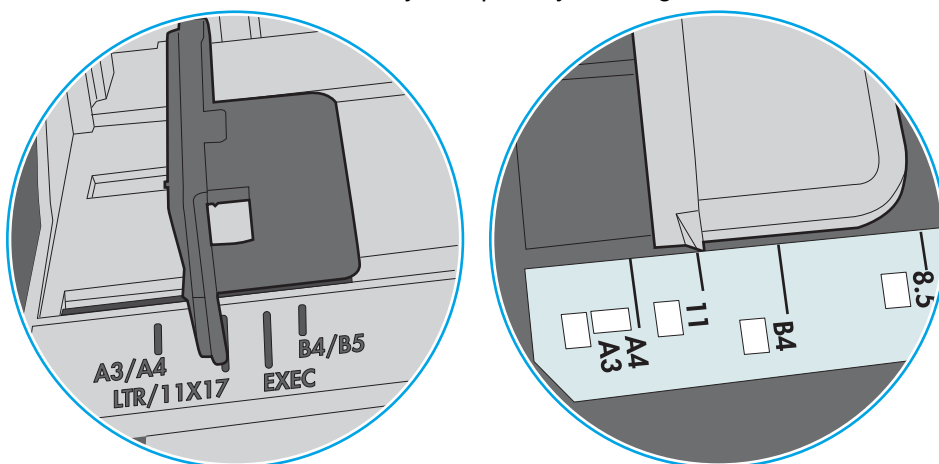


6. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

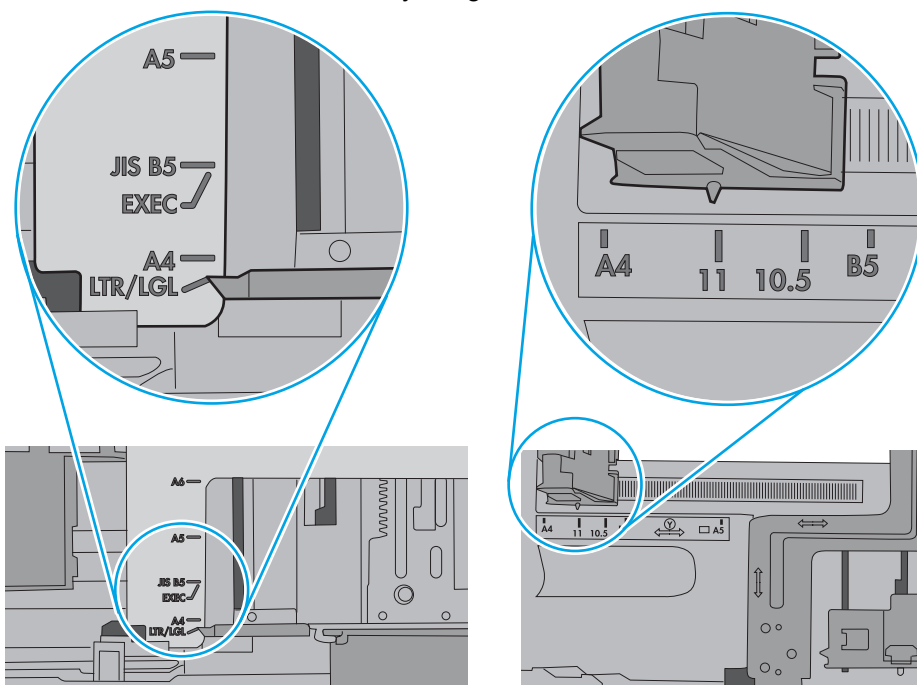
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

**Hình 6-8** Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



**Hình 6-9** Dấu kích thước cho khay băng từ



7. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

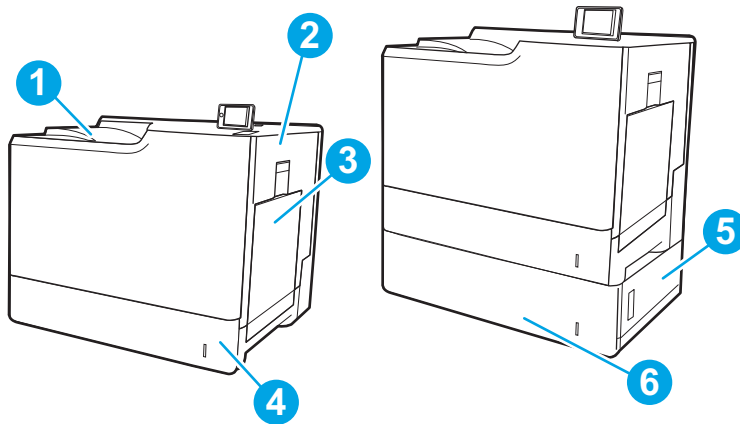
# Xử lý kẹt giấy

## Giới thiệu

Thông tin sau đây bao gồm các hướng dẫn về cách gỡ giấy kẹt khỏi máy in.

- [Vị trí giấy kẹt](#)
- [Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt](#)
- [Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?](#)
- [13.E1 Kẹt giấy ở ngăn giấy đầu ra](#)
- [13.A1 Kẹt giấy trong khay 1](#)
- [13.A2 Kẹt giấy trong khay 2](#)
- [13.A3, 13.A4, 13.A5 Kẹt giấy trong khay 3, khay 4, khay 5](#)
- [13.A Kẹt giấy trong khay 2000 tờ](#)
- [13.B9, 13.B2, 13.FF Kẹt giấy trong cuộn sấy](#)
- [13.B2 Kẹt giấy trong cửa bên phải](#)

## Vị trí giấy kẹt



1	Ngăn giấy đầu ra
2	Cửa bên phải và khu vực cuộn sấy
3	Khay 1
4	Khay 2
5	Cửa bên phải phía dưới
6	Khay 3

## Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt

Tính năng tự động điều hướng hỗ trợ bạn tháo giấy kẹt bằng cách cung cấp các hướng dẫn từng bước trên bảng điều khiển. Khi hoàn tất một bước, máy in sẽ hiển thị các hướng dẫn cho bước tiếp theo, cho đến khi bạn thực hiện xong tất cả các bước trong quy trình.

## Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?

Để giảm số lần kẹt giấy, hãy thử các giải pháp sau.

 **GHI CHÚ:** Để xem video giới thiệu cách nạp giấy giúp giảm số lượng giấy bị kẹt, nhấp vào [đây](#).

1. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
2. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.
3. Sử dụng giấy chưa được in hoặc sao chép trước đó.
4. Đảm bảo rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
5. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh các thanh dẫn để chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.
6. Đảm bảo rằng khay được lắp hoàn toàn vào máy in.
7. Nếu bạn đang in trên giấy nặng, được dập nổi, hoặc được đục lỗ, hãy sử dụng tính năng nạp giấy thủ công và nạp từng tờ một.
8. Mở menu **Trays** (Khay) trên bảng điều khiển của máy in. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được cấu hình chính xác cho loại và kích cỡ giấy.
9. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

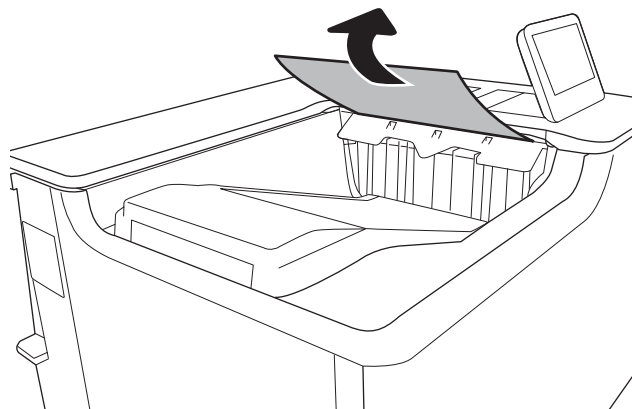
### 13.E1 Kẹt giấy ở ngăn giấy đầu ra

Dùng quy trình sau đây để xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển có thể hiển thị một thông báo và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- **13.E1.XX Jam at standard output bin (13.E1.XX Kẹt giấy ở ngăn giấy đầu ra tiêu chuẩn)**



1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, nắm lấy cạnh trên và tháo giấy ra nhẹ nhàng.

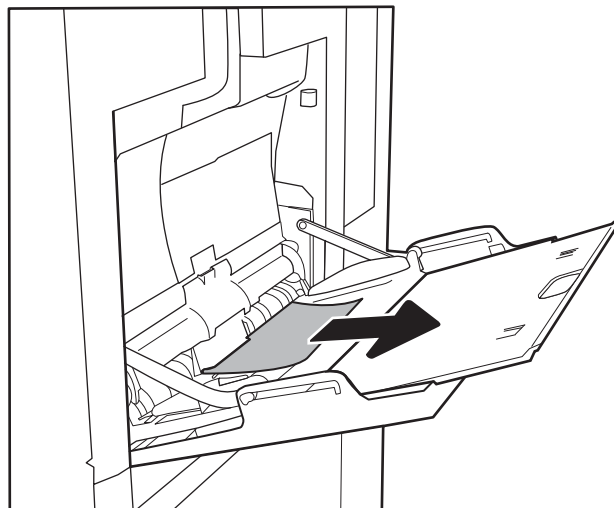


### 13.A1 Kẹt giấy trong khay 1

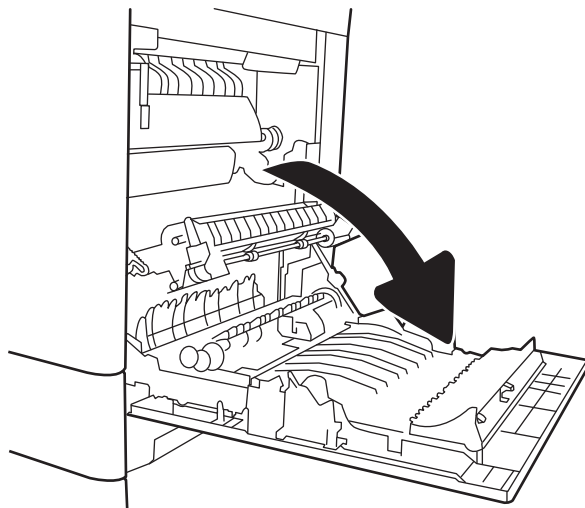
Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy trong Khay 1. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển có thể hiển thị một thông báo và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- 13.A1.XX Jam in tray 1 (13.A1.XX Kẹt giấy trong khay 1)

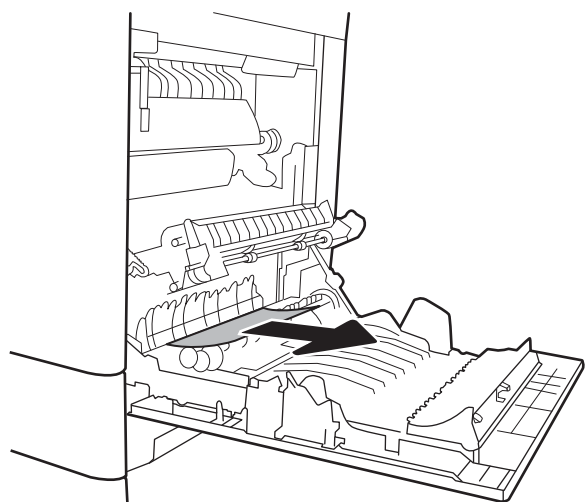
1. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong Khay 1, hãy gỡ giấy bị kẹt bằng cách nhẹ nhàng kéo giấy thẳng ra.



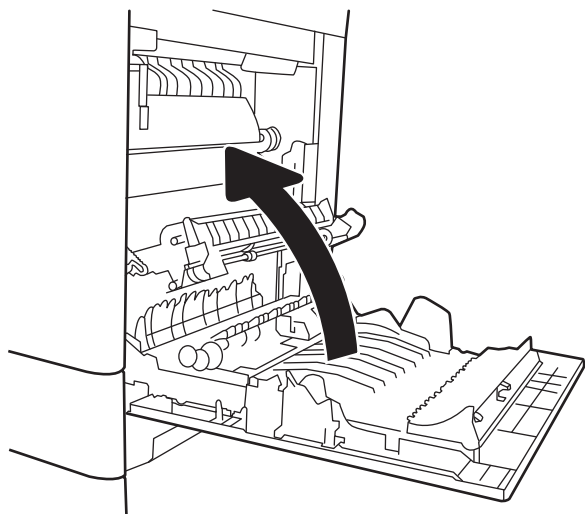
2. Nếu bạn không thể gỡ giấy ra hoặc nếu không thấy giấy kẹt trong khay 1, đóng khay 1 và mở cửa bên phải.



3. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra.



4. Đóng cửa bên phải lại.

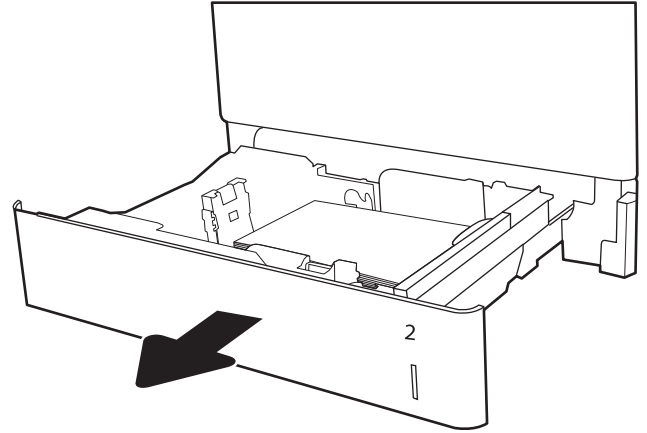


## 13.A2 Kẹt giấy trong khay 2

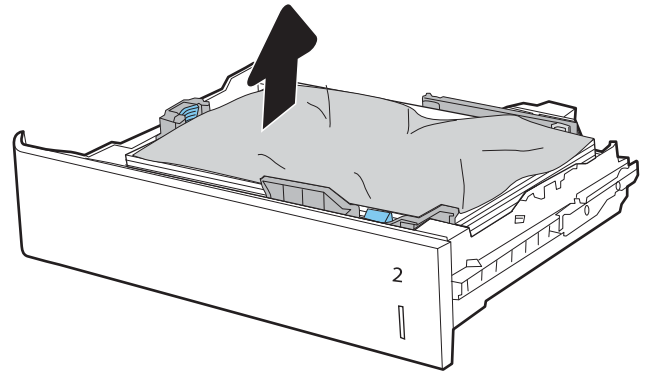
Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy trong Khay 2. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển có thể hiển thị một thông báo và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- **13.A2.XX Jam in tray 2 (13.A2.XX Kẹt giấy trong khay 2)**

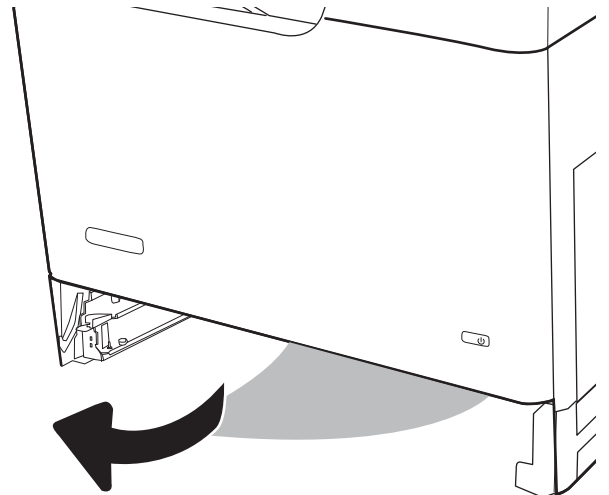
1. Kéo và nhắc khay lên nhẹ nhàng để kéo hết khay ra khỏi máy in.



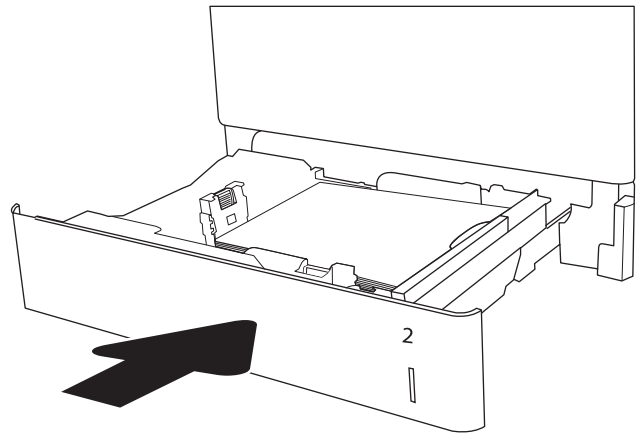
2. Gỡ giấy bị kẹt hoặc giấy bị hỏng. Xác nhận rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy và các thanh dẫn giấy được điều chỉnh chính xác.



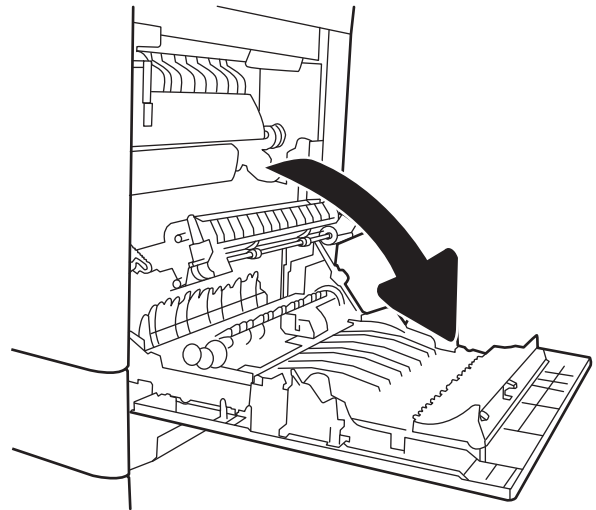
3. Nhẹ nhàng gỡ toàn bộ giấy ra khỏi các trục nạp bên trong máy in. Trước tiên kéo giấy về bên trái để nhả giấy, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



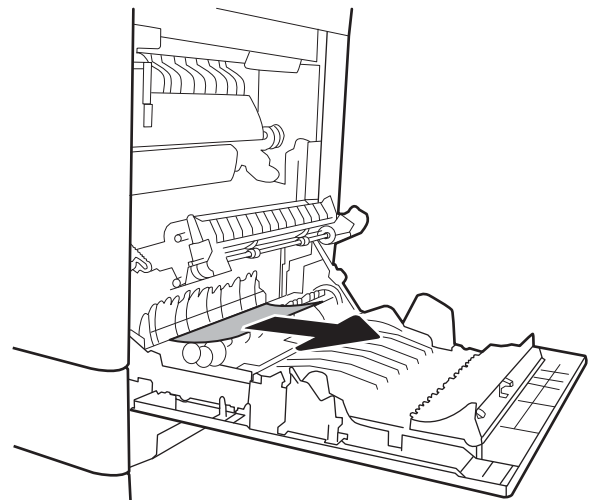
4. Lắp và đóng khay lại.



5. Mở cửa bên phải.

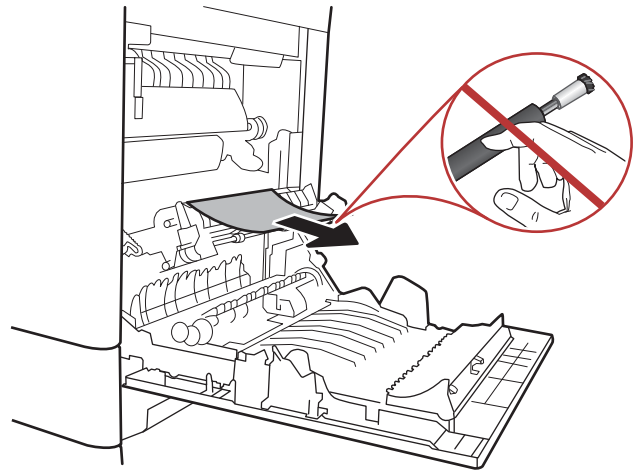


6. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra.

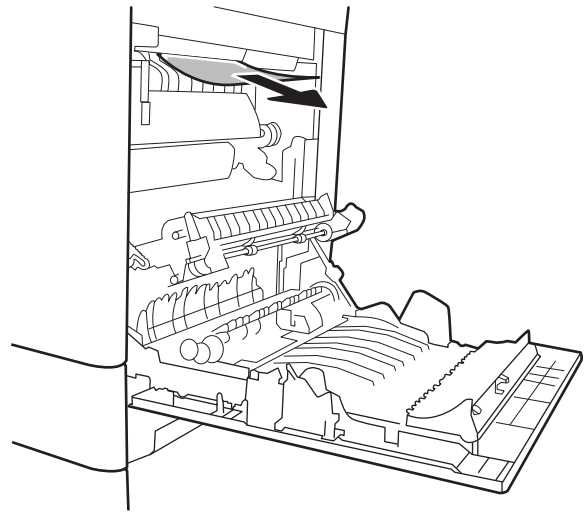


7. Nếu có thể nhìn thấy giấy đi vào dưới đáy cuộn sấy, hãy kéo nhẹ xuống dưới để gỡ giấy.

**THẬN TRỌNG:** Không chạm vào các con lăn trên trục truyền. Bụi bẩn có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.



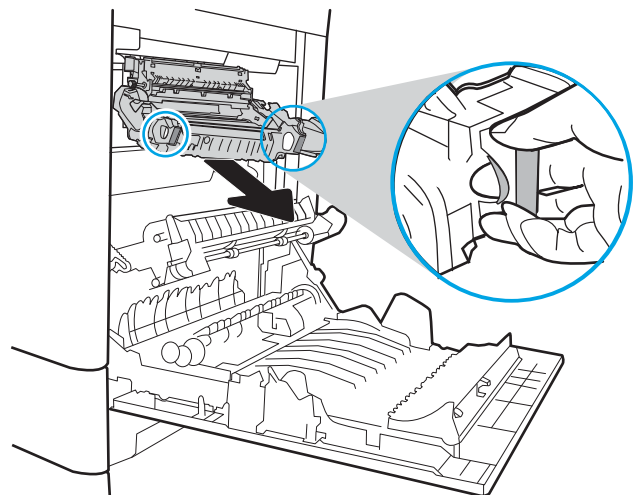
8. Nếu giấy bị kẹt khi đi vào ngăn giấy đầu ra, hãy kéo nhẹ ra để gỡ giấy.



9. Giấy có thể bị kẹt bên trong cuộn sấy, tại vị trí này bạn sẽ không nhìn thấy nó. Nắm vào các tay cầm của cuộn sấy, nhẹ nhàng nhấc nó lên và kéo thẳng ra để tháo cuộn sấy.



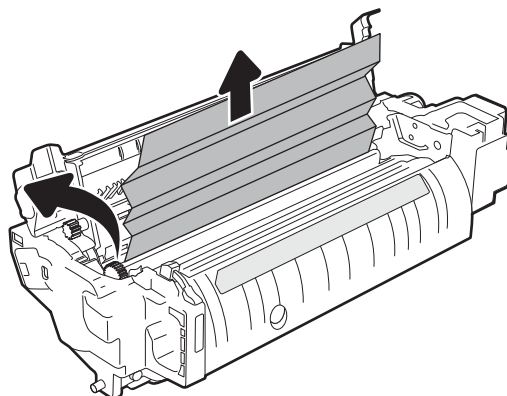
**CHÚ Ý:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.



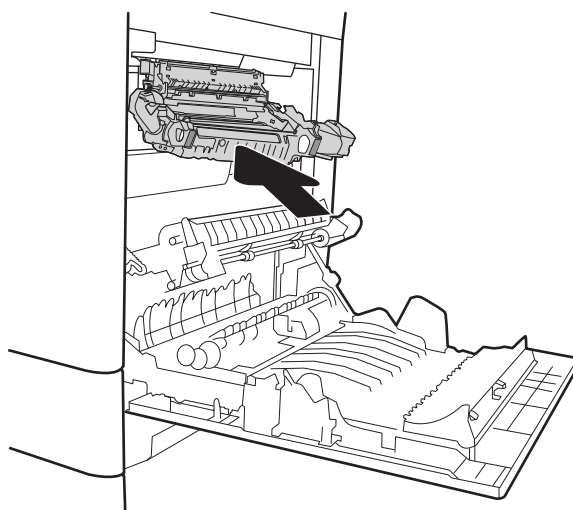
10. Mở cửa tháo kẹt giấy trên cuộn sấy. Nếu giấy bị kẹt bên trong cuộn sấy, nhẹ nhàng kéo thẳng nó lên để tháo nó. Nếu giấy rách, hãy lấy tất cả các mảnh giấy ra.



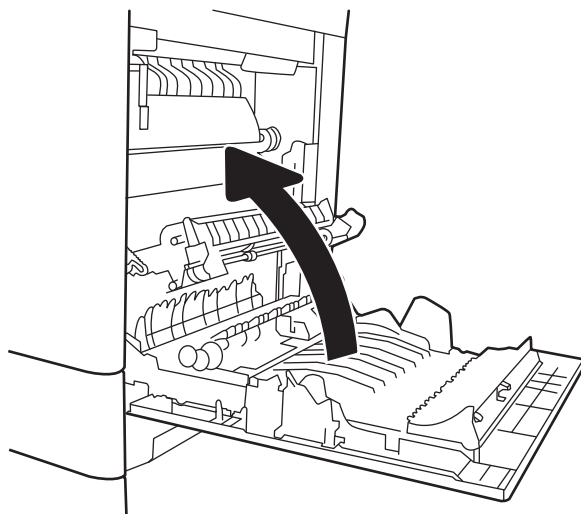
**CHÚ Ý:** Ngay cả khi phần thân của cuộn sấy đã nguội thì các con lăn bên trong có thể vẫn còn nóng. Không chạm vào các trục cuộn sấy cho tới khi chúng nguội xuống.



11. Đóng cửa tháo kẹt giấy trên cuộn sấy và ấn hết cuộn sấy vào bên trong máy in cho tới khi nó khớp vào vị trí.



12. Đóng cửa bên phải lại.

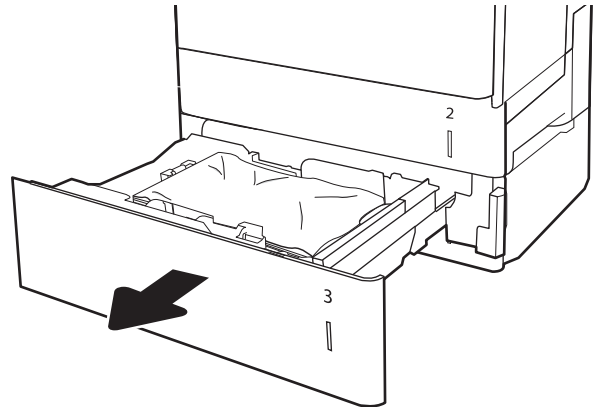


## 13.A3, 13.A4, 13.A5 Kẹt giấy trong khay 3, khay 4, khay 5

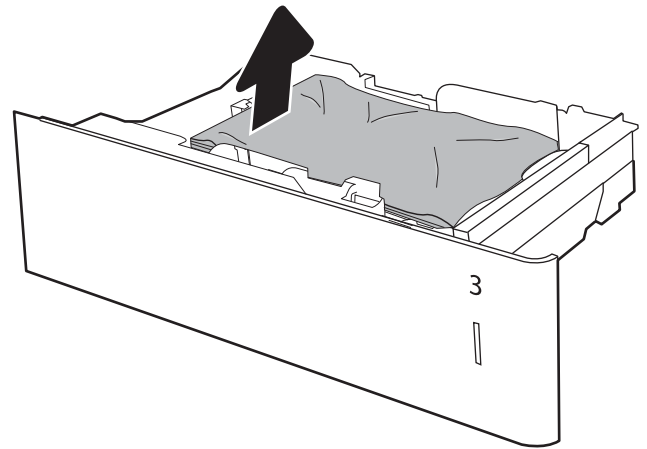
Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt liên quan đến các khay 550 tờ. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển có thể hiển thị một thông báo và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- 13.A3.XX Jam in tray 3 (13.A3.XX Kẹt giấy trong khay 3)
- 13.A4.XX Jam in tray 4 (13.A4.XX Kẹt giấy trong khay 4)
- 13.A5.XX Jam in tray 5 (13.A5.XX Kẹt giấy trong khay 5)

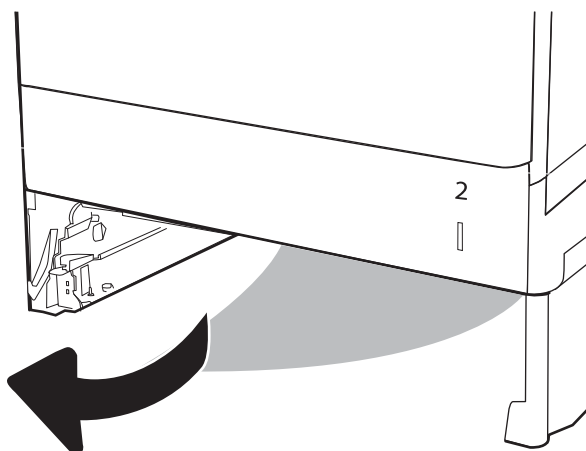
1. Kéo và nhấc khay lên nhẹ nhàng để kéo hết khay ra khỏi máy in.



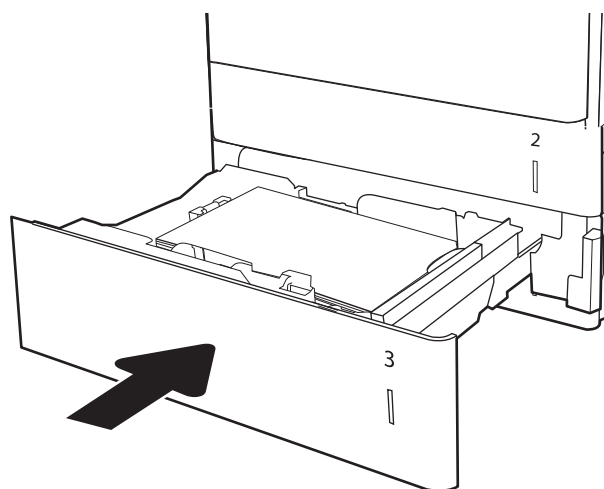
2. Gỡ giấy bị kẹt hoặc giấy bị hỏng. Xác nhận rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy và các thanh dẫn giấy được điều chỉnh chính xác.



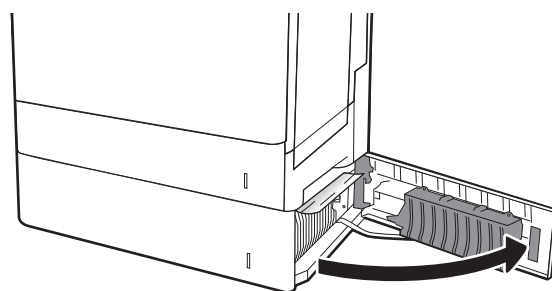
3. Gỡ toàn bộ giấy ra khỏi các trục nạp bên trong máy in. Trước tiên kéo giấy về bên trái để nhả giấy, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



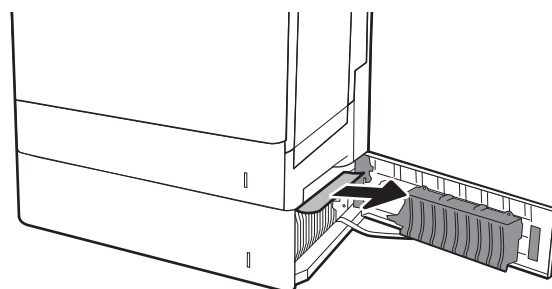
4. Lắp và đóng khay lại.



5. Mở cửa bên phải phía dưới.

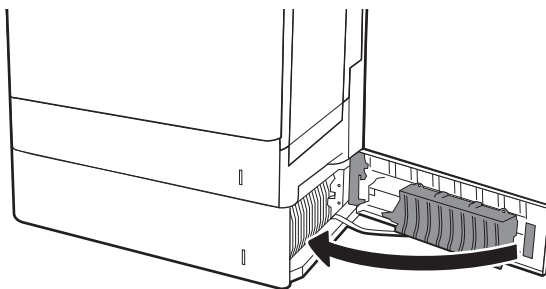


6. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra.

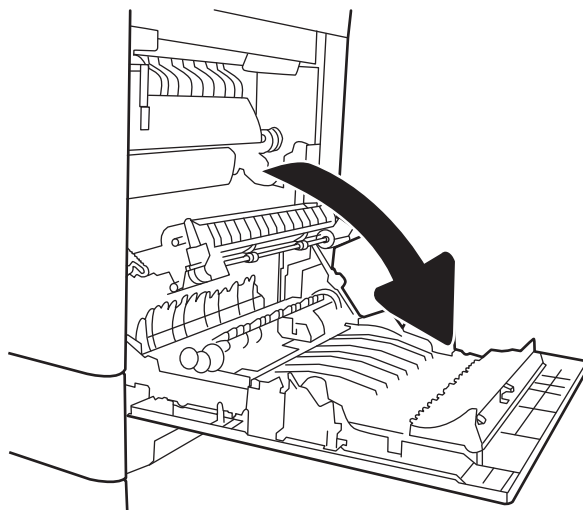




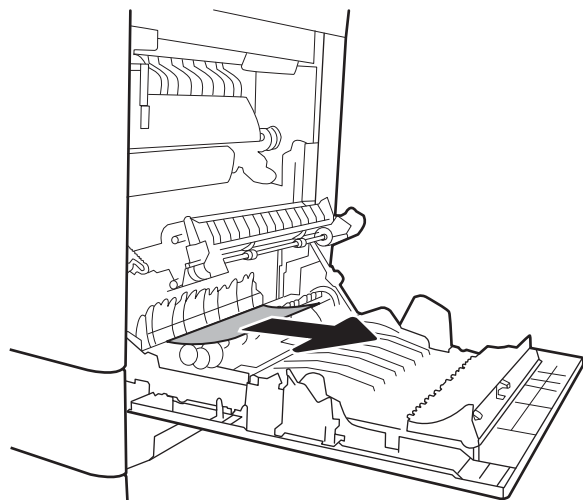
7. Đóng cửa bên phải phía dưới lại.



8. Mở cửa bên phải.

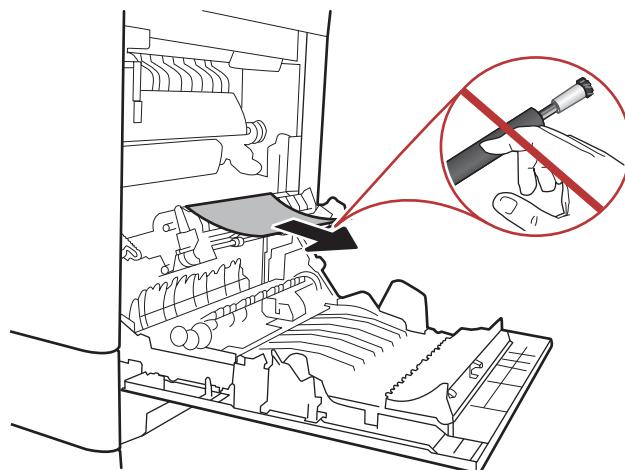


9. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra.

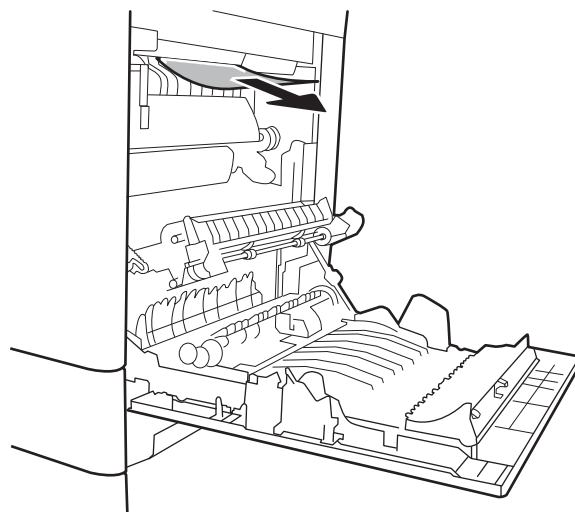


10. Nếu có thể nhìn thấy giấy đi vào dưới đáy cuộn sấy, hãy kéo nhẹ xuống dưới để gỡ giấy.

**THẬN TRỌNG:** Không chạm vào các con lăn trên trục truyền. Bụi bẩn có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.



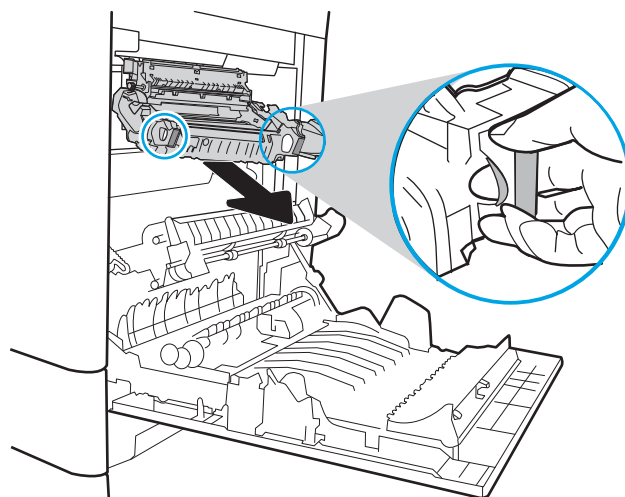
11. Nếu giấy bị kẹt khi đi vào ngăn giấy đầu ra, hãy kéo nhẹ giấy xuống để gỡ ra.



12. Giấy có thể bị kẹt bên trong cuộn sấy, tại vị trí này bạn sẽ không nhìn thấy nó. Nhắm vào các tay cầm của cuộn sấy, nhẹ nhàng nhấc nó lên và kéo thẳng ra để tháo cuộn sấy.



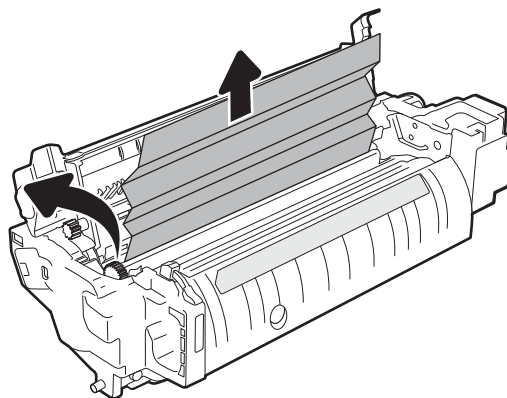
**CHÚ Ý:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.



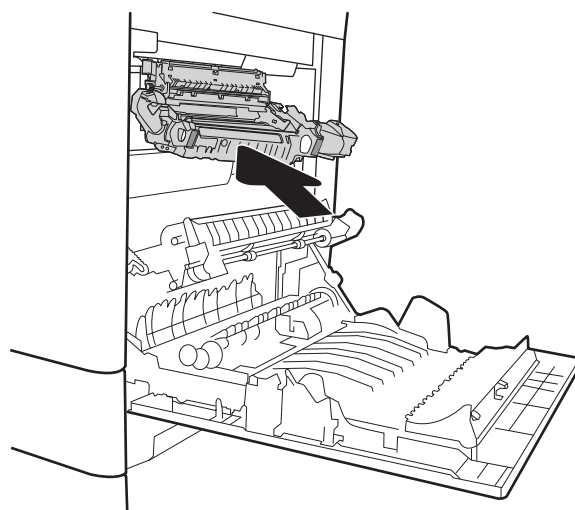
13. Mở cửa tháo kẹt giấy trên cuộn sấy. Nếu giấy bị kẹt bên trong cuộn sấy, nhẹ nhàng kéo thẳng nó lên để tháo nó. Nếu giấy rách, hãy lấy tất cả các mảnh giấy ra.



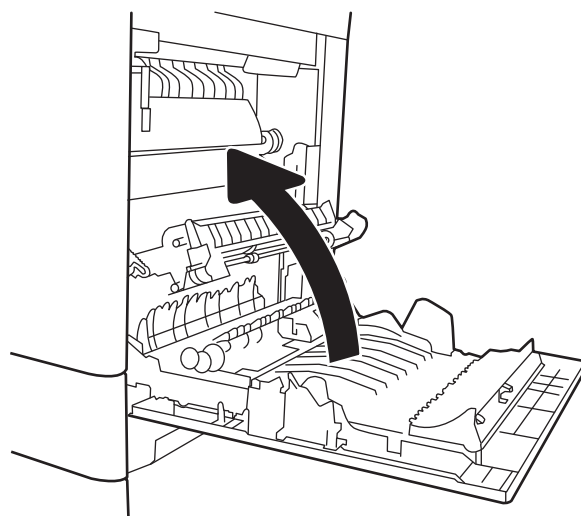
**CHÚ Ý:** Ngay cả khi phần thân của cuộn sấy đã nguội thì các con lăn bên trong có thể vẫn còn nóng. Không chạm vào các trục cuộn sấy cho tới khi chúng nguội xuống.



14. Đóng cửa tháo kẹt giấy trên cuộn sấy và ấn hết cuộn sấy vào bên trong máy in cho tới khi nó khớp vào vị trí.



15. Đóng cửa bên phải lại.

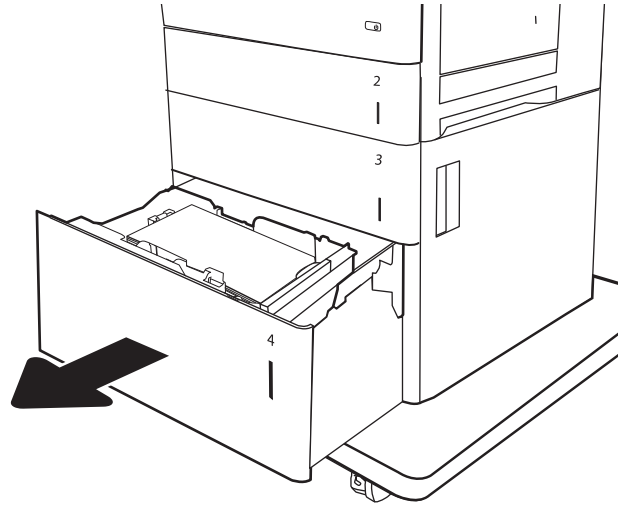


## 13.A Kẹt giấy trong khay 2000 tờ

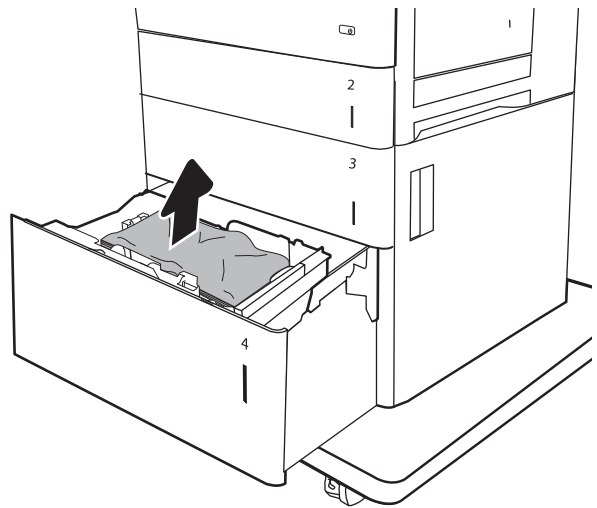
Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt trong khay dung lượng lớn 2.000 tờ. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển có thể hiển thị một thông báo và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- 13.A4.XX Jam in tray 4 (13.A4.XX Kẹt giấy trong khay 4)

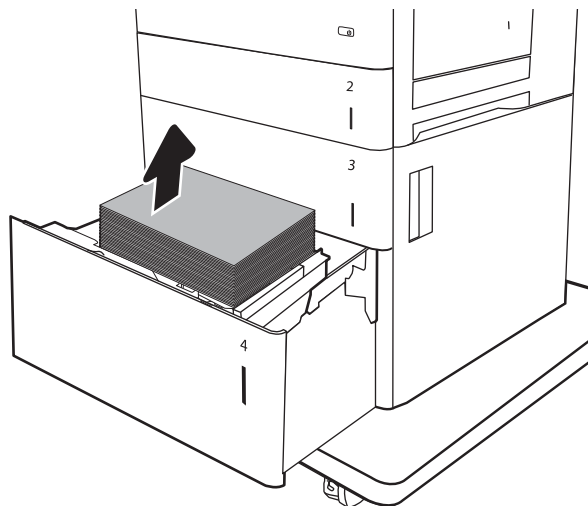
1. Mở khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 tờ.



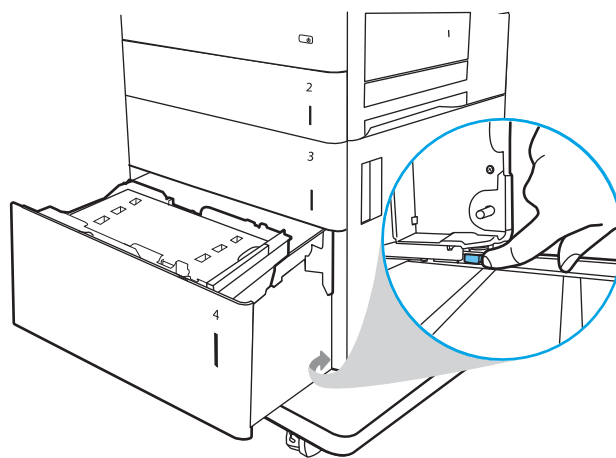
2. Gỡ giấy bị kẹt hoặc giấy bị hỏng. Xác nhận rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy và các thanh dẫn giấy được điều chỉnh chính xác.



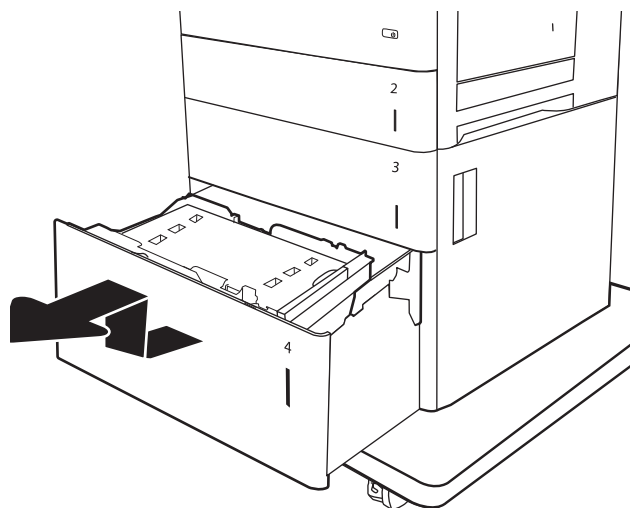
3. Lấy hết giấy khỏi khay.



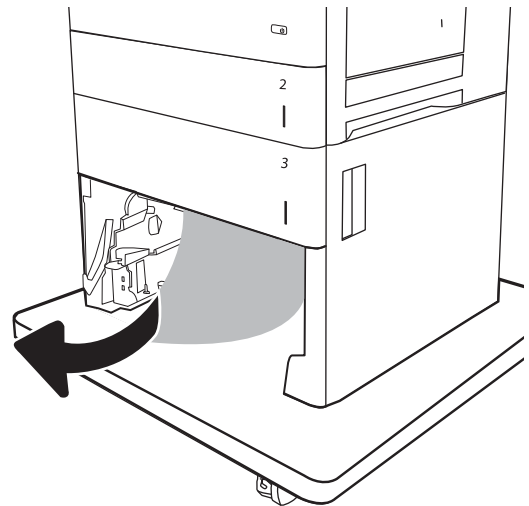
4. Nhấn chốt tháo ở mặt bên của khay để tháo khay.



5. Nâng khay lên và kéo nó ra để tháo.

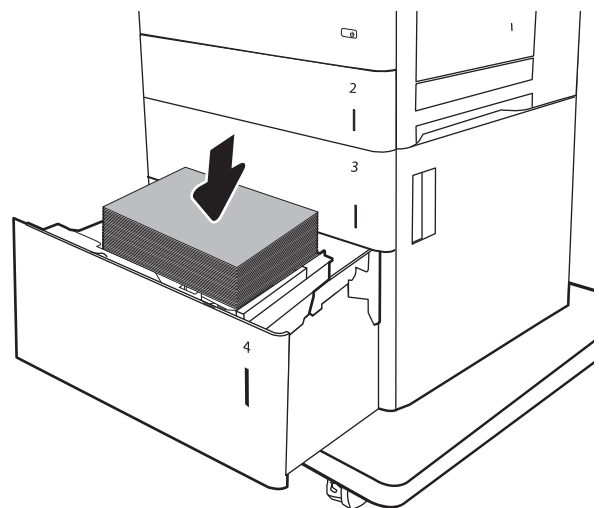


6. Nếu giấy bị kẹt bên trong khu vực nạp giấy, kéo giấy xuống để lấy ra. Trước tiên kéo giấy về bên trái để nhả giấy, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.

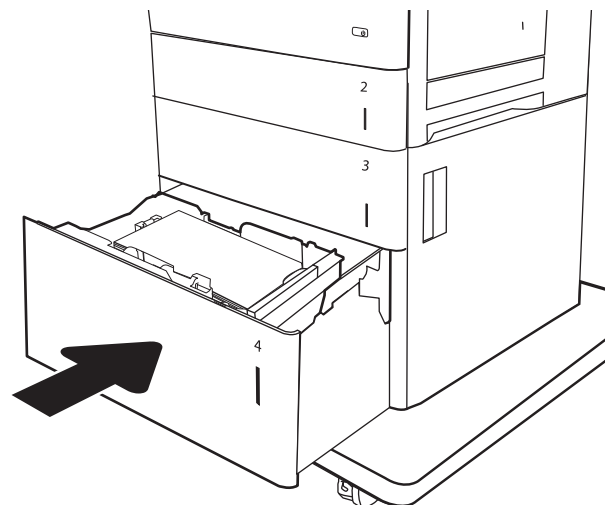


7. Lắp khay và nạp toàn bộ ram giấy vào khay. Xác nhận rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy và các thanh dẫn giấy được điều chỉnh chính xác.

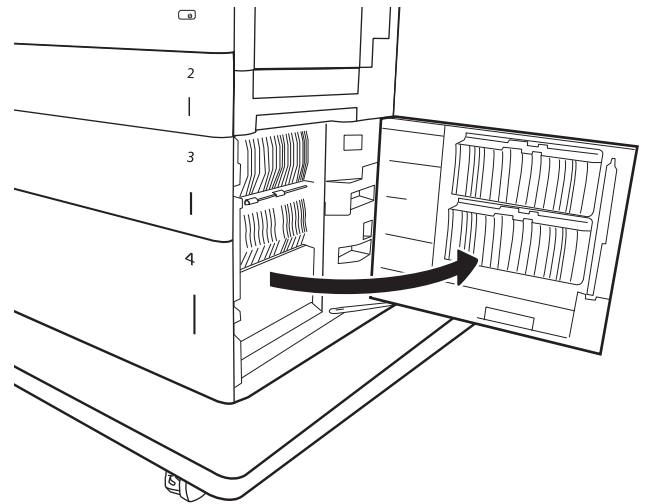
**GHI CHÚ:** Khay chứa được 2.000 tờ giấy. Để có kết quả tốt nhất, nạp toàn bộ ram giấy. Không chia các ram giấy thành nhiều phần nhỏ.



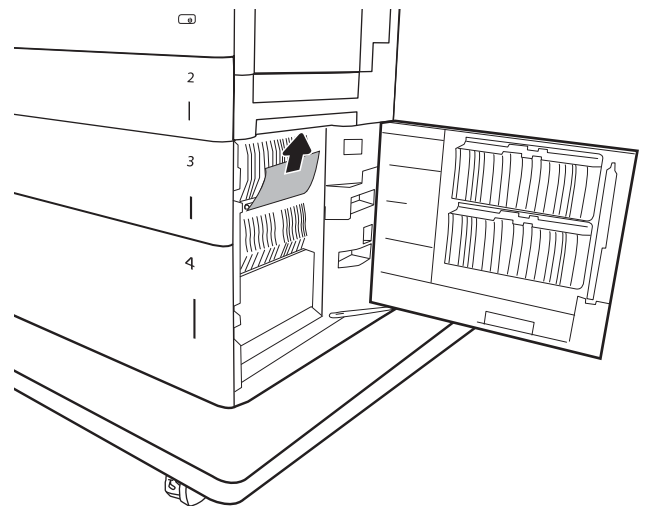
8. Đóng khay giấy.



9. Mở cửa bên phải phía dưới.

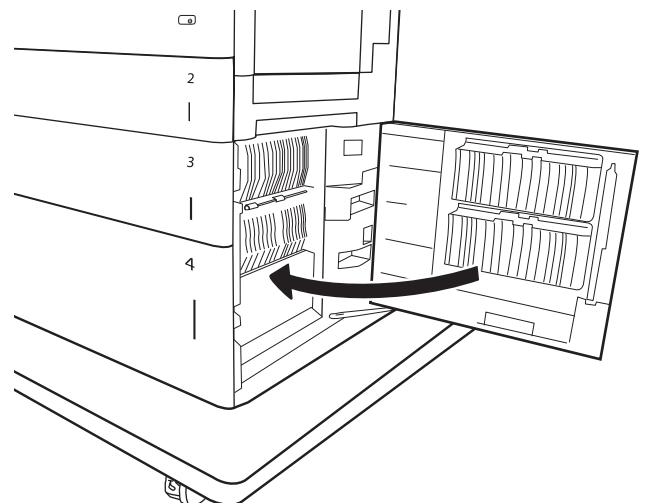


10. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



11. Đóng cửa bên phải phía dưới lại.

**GHI CHÚ:** Nếu sau khi xử lý kẹt giấy, bảng điều khiển máy in hiển thị một thông báo cho biết không có giấy trong khay hoặc khay giấy đã nạp quá nhiều, hãy tháo khay ra và tìm đằng sau khay xem còn giấy không.



## 13.B9, 13.B2, 13.FF Kẹt giấy trong cuộn sấy

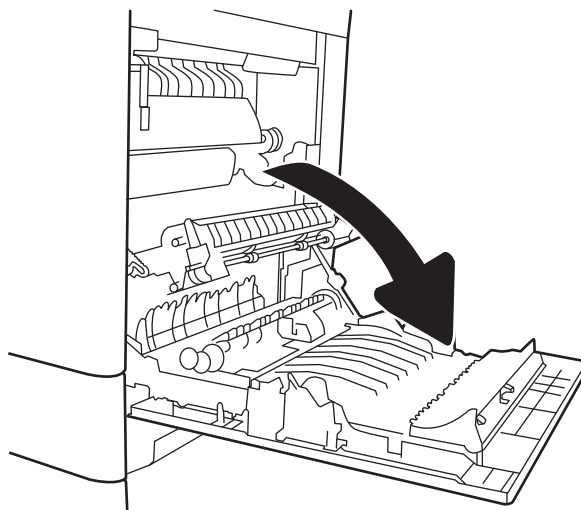
Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy bên trong cửa bên phải. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển có thể hiển thị một thông báo và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- 13.B9.XX Jam in fuser (13.B9.XX Kẹt giấy trong cuộn sấy)
- 13.B2.XX Jam in <Cover or Door> (13.B2.XX Kẹt giấy trong <Nắp hoặc Cửa>).
- 13.FF.EE Door Open Jam (13.FF.EE Mở cửa kẹt giấy)

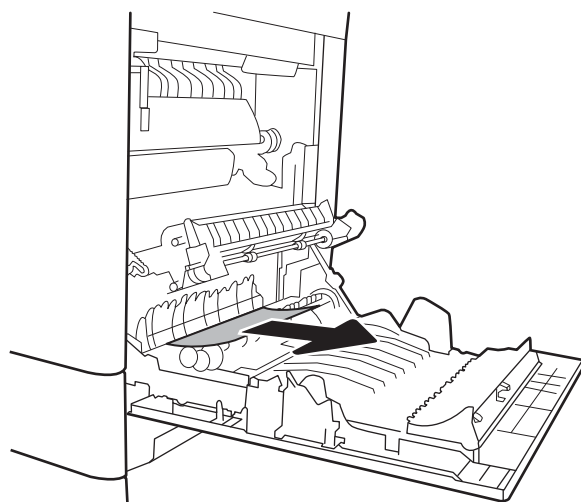


**CHÚ Ý:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.

1. Mở cửa bên phải.



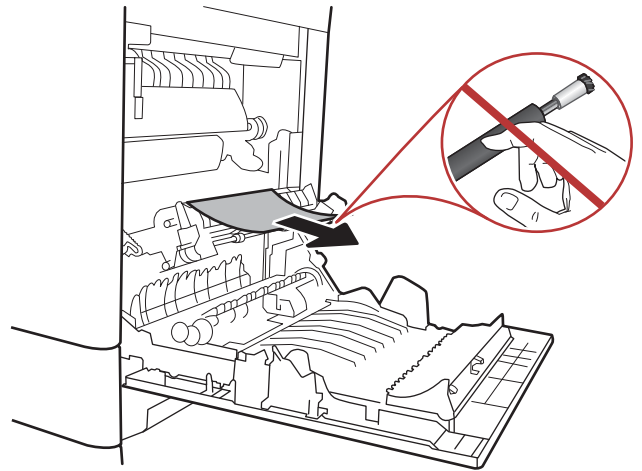
2. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra.



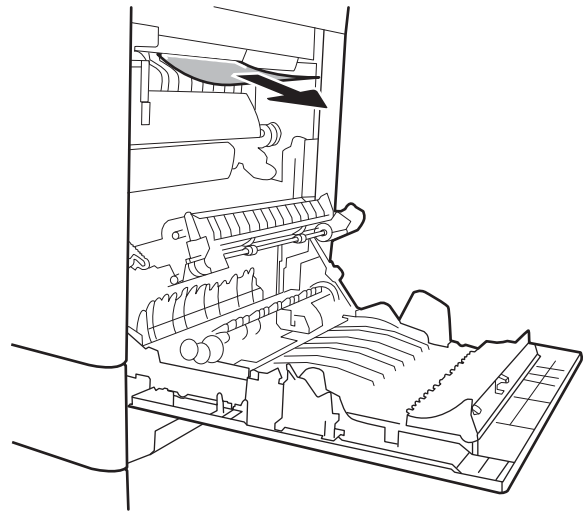


3. Nếu có thể nhìn thấy giấy đi vào dưới đáy cuộn sấy, hãy kéo nhẹ xuống dưới để gỡ giấy.

**THẬN TRỌNG:** Không chạm vào các con lăn trên trục truyền. Bụi bẩn có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.



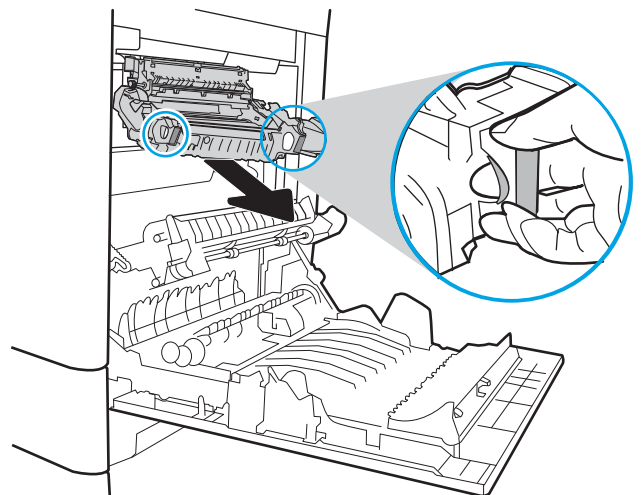
4. Nếu giấy bị kẹt khi đi vào ngăn giấy đầu ra, hãy kéo nhẹ giấy xuống để gỡ ra.



5. Giấy có thể bị kẹt bên trong cuộn sấy, tại vị trí này bạn sẽ không nhìn thấy nó. Nắm vào các tay cầm của cuộn sấy, nhẹ nhàng nhấc nó lên và kéo thẳng ra để tháo cuộn sấy.



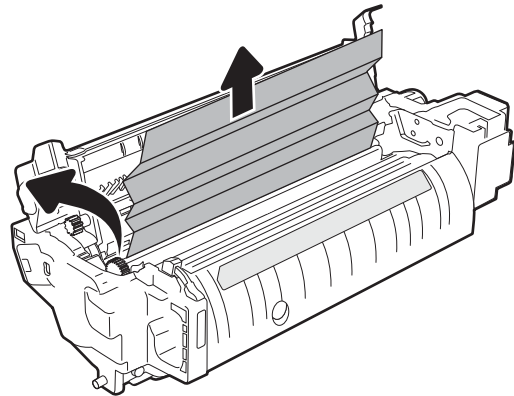
**CHÚ Ý:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.



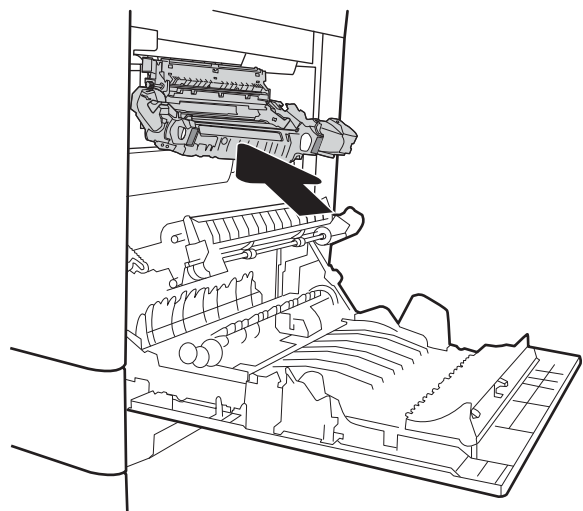
6. Mở cửa tháo kẹt giấy trên cuộn sấy. Nếu giấy bị kẹt bên trong cuộn sấy, nhẹ nhàng kéo thẳng nó lên để tháo nó. Nếu giấy rách, hãy lấy tất cả các mảnh giấy ra.



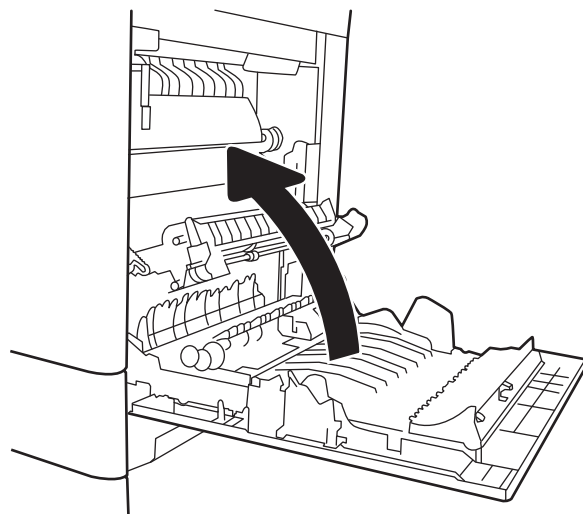
**CHÚ Ý:** Ngay cả khi phần thân của cuộn sấy đã nguội thì các con lăn bên trong có thể vẫn còn nóng. Không chạm vào các trục cuộn sấy cho tới khi chúng nguội xuống.



7. Đóng cửa tháo kẹt giấy trên cuộn sấy và ấn hết cuộn sấy vào bên trong máy in cho tới khi nó khớp vào vị trí.



8. Đóng cửa bên phải lại.

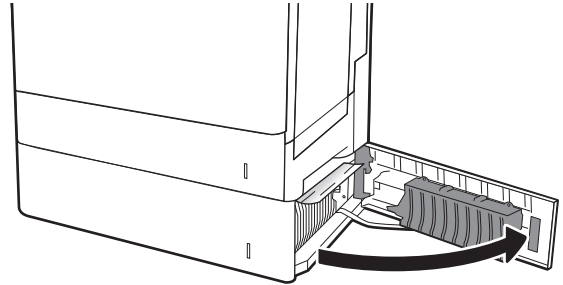


## 13.B2 Kẹt giấy trong cửa bên phải

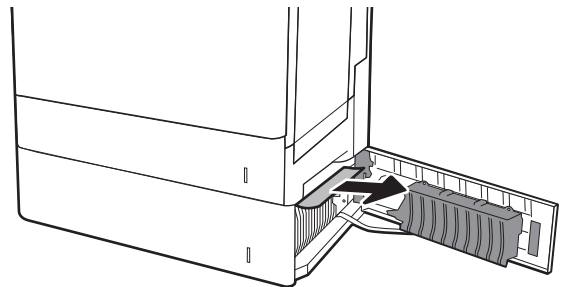
Sử dụng quy trình sau để kiểm tra giấy trong cửa bên phải phía dưới. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển có thể hiển thị một thông báo và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- 13.B2.XX Jam in <Cover or Door> (13.B2.XX Kẹt giấy trong <Nắp hoặc Cửa>).
- 13.FF.EE Door Open Jam (13.FF.EE Mở cửa kẹt giấy)

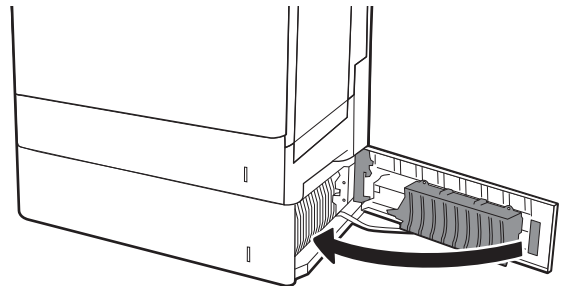
1. Mở cửa bên phải phía dưới.



2. Nhẹ nhàng lấy hết giấy bị kẹt ra.



3. Đóng cửa bên phải phía dưới lại.



# Cải thiện chất lượng in

## Giới thiệu

- [In từ một chương trình phần mềm khác](#)
- [Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in](#)
- [Kiểm tra tình trạng hộp mực in](#)
- [In một trang lau dọn](#)
- [Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường](#)
- [Kiểm tra môi trường in và giấy](#)
- [Thử trình điều khiển in khác](#)
- [Hiệu chỉnh máy in để canh màu](#)

Nếu máy in đang có vấn đề về chất lượng in, hãy thử các giải pháp sau theo thứ tự được thể hiện để giải quyết vấn đề.

## In từ một chương trình phần mềm khác

Hãy thử in từ một chương trình phần mềm khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình phần mềm bạn sử dụng để in.

## Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra cài đặt loại giấy khi in từ một chương trình phần mềm và các trang đã in có các vết bẩn, in mờ hoặc đậm, giấy bị quăn, lổm đổm bột mực, bột mực không bám dính, hoặc một số vùng nhỏ không có bột mực.

## Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper Type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng và nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

## Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.

3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách thả xuống của menu, rồi bấm vào menu **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn một loại từ danh sách **Media Type** (Loại phương tiện) thả xuống.
5. Nhấp vào nút **Print** (In).

## Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Thực hiện theo các bước sau để kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế nếu áp dụng.

### Bước một: In trang tình trạng mực in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu **Reports** (Báo cáo).
2. Chọn menu **Configuration/Status Pages** (Trang Cấu hình/Trạng thái).
3. Chọn **Supplies Status Page** (Trang trạng thái nguồn cung cấp) và chọn **Print** (In) để in trang.

### Bước hai: Kiểm tra tình trạng mực in

1. Nhìn vào báo cáo tình trạng mực in để kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế nếu áp dụng.

Các vấn đề về chất lượng in có thể xảy ra khi sử dụng hộp mực in đã hết. Trang tình trạng mực in cho biết khi nào mực in gần hết. Sau khi mực in HP đã đạt tới ngưỡng gần hết, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho mực in đó đã chấm dứt.

Không cần thay thế hộp mực in ngay trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.

Nếu bạn xác định rằng bạn cần thay thế hộp mực in hoặc các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, trang tình trạng mực in sẽ liệt kê các số bộ phận HP chính hãng.

2. Kiểm tra xem liệu bạn có đang dùng hộp mực HP chính hãng không.

Hộp mực in HP chính hãng có chữ "HP" ở trên đó, hoặc có logo HP trên đó. Để biết thêm thông tin về việc nhận diện các hộp mực HP, hãy truy cập [www.hp.com/go/learnaboutsupplies](http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies).

## In một trang lau dọn

Trong quá trình in, các hạt bụi, mực in, giấy có thể tích tụ bên trong máy in và có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in như vết hoặc đốm mực in, vết bẩn, đường hoặc các vết dấu lặp đi lặp lại.

Làm theo các bước sau để làm sạch đường dẫn giấy của máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu **Support Tools** (Công cụ hỗ trợ).
2. Chọn các menu sau:

- [Maintenance \(Bảo trì\)](#)
  - [Calibration/Cleaning \(Cân chỉnh/Lau dọn\)](#)
  - [Cleaning Page \(Trang Lau dọn\)](#)
3. Chọn **Print (In)** để in trang.
- Thông báo **Cleaning...** (Lau dọn...) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Quá trình lau dọn kéo dài khoảng vài phút. Không tắt máy in cho đến khi hoàn tất quá trình lau dọn. Khi hoàn tất, hãy hủy bỏ trang đã in.

## Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường

Làm theo các bước sau để kiểm tra từng hộp mực in.

1. Tháo hộp mực in ra khỏi máy in và kiểm tra xem băng dán đã được gỡ ra chưa.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.
3. Kiểm tra mặt trống hình màu xanh lá cây.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Không chạm vào trống hình. Dấu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dấu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Cài đặt lại hộp mực in, rồi in vài trang để xem thử sự cố đã giải quyết chưa.

## Kiểm tra môi trường in và giấy

### Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP

Một số sự cố về chất lượng in xảy ra do dùng giấy không đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP.

- Luôn dùng loại và trọng lượng giấy mà máy in này hỗ trợ.
- Dùng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lốm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quần góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quần hoặc cong cạnh.
- Dùng giấy chưa in.
- Dùng giấy không chứa vật liệu kim loại, như chất liệu lấp lánh.
- Dùng giấy dành riêng cho máy in laser. Không dùng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được dùng giấy quá thô. Dùng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.

### Bước hai: Kiểm tra môi trường

Môi trường có thể ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng in và là nguyên nhân phổ biến đối với chất lượng in hoặc các vấn đề về nạp giấy. Thử các giải pháp sau đây:

- Di chuyển máy in ra xa khỏi các vị trí có gió lùa như cửa sổ hay cửa mở hoặc các chỗ quạt thông gió điều hòa.
- Đảm bảo máy in không tiếp xúc với nhiệt độ hoặc độ ẩm nằm ngoài khoảng thông số kỹ thuật của máy in.
- Không đặt máy in trong không gian kín như tủ hộp.
- Đặt máy in trên bề mặt bằng phẳng và vững chắc.
- Loại bỏ bất cứ thứ gì chặn quạt thông gió trên máy in. Máy in cần được thông gió tốt ở tất cả các cạnh, bao gồm cả phần đỉnh của máy in.
- Bảo vệ máy in tránh các mảnh vụn trong không khí, bụi, hơi nước, dầu mỡ hoặc các yếu tố khác có thể tồn dư lại bên trong máy in.

### Bước 3: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ

Làm theo các bước sau khi văn bản hoặc ảnh không được đặt ở giữa hoặc canh chỉnh đúng trên trang in, lúc in từ các khay cố định.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu **Settings** (Cài đặt).
2. Chọn các menu sau:
  - **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
  - **Print Quality** (Chất lượng In)
  - **Image Registration** (Đăng ký Ảnh)
3. Chọn **Tray** (Khay) và chọn khay để điều chỉnh.
4. Chọn **Print Test Page** (In Trang Kiểm tra), sau đó làm theo các hướng dẫn trên các trang in ra.
5. Chọn **Print Test Page** (In Trang Kiểm tra) lần nữa để xác nhận các kết quả, sau đó điều chỉnh thêm nếu cần thiết.
6. Chọn **Done** (Xong) để lưu các cài đặt mới.

### Thử trình điều khiển in khác

Hãy thử sử dụng trình điều khiển in khác khi in từ một chương trình phần mềm và trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc phông chữ bị thay đổi.

Tải xuống bất kỳ trình điều khiển nào sau đây từ trang web của HP: [www.hp.com/support/colorljM652](http://www.hp.com/support/colorljM652) or [www.hp.com/support/colorljM653](http://www.hp.com/support/colorljM653).

<b>Trình điều khiển HP PCL.6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Được cung cấp làm trình điều khiển mặc định trên CD có trong hộp máy in. Trình điều khiển này được cài tự động nếu bạn không chọn một trình điều khiển khác.</li> </ul>
<b>Trình điều khiển HP PCL 6</b>	
<b>Trình điều khiển HP PCL-6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nên sử dụng cho tất cả các môi trường Windows</li> <li>Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng</li> <li>Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows</li> <li>Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5</li> </ul>
<b>Trình điều khiển HP UPD PS</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác</li> <li>Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhấp nhảy postscript</li> </ul>
<b>HP UPD PCL 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nên sử dụng để in trong công việc văn phòng thông dụng trong tất cả các môi trường Windows</li> <li>Tương thích với các phiên bản PCL trước đó và các máy in HP LaserJet cũ hơn</li> <li>Sự lựa chọn tốt nhất khi in từ các chương trình phần mềm của bên thứ ba hoặc chương trình phần mềm tùy chỉnh</li> <li>Sự lựa chọn tốt nhất khi hoạt động trong các môi trường hỗn hợp có yêu cầu phải cài đặt máy in theo PCL 5 (UNIX, Linux, máy tính trung ương)</li> <li>Được thiết kế để sử dụng trong các môi trường Windows trong doanh nghiệp sao cho có thể sử dụng một trình điều khiển duy nhất cho nhiều kiểu máy in</li> <li>Được ưa chuộng sử dụng khi in từ một máy tính Windows di động đến nhiều kiểu máy in</li> </ul>
<b>HP UPD PCL 6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nên sử dụng để in trong tất cả các môi trường Windows</li> <li>Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng</li> <li>Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows</li> <li>Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5</li> </ul>

## Hiệu chỉnh máy in để canh màu

Hiệu chỉnh là một chức năng của máy in giúp tối ưu hóa chất lượng in.

Làm theo các bước sau để giải quyết các sự cố về chất lượng in, như màu bị lệch, bóng màu, đồ họa bị nhòe hoặc các vấn đề khác về chất lượng in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu [Support Tools](#) (Công cụ hỗ trợ).
2. Chọn các menu sau:



- Maintenance (Bảo trì)
  - Calibration/Cleaning (Cân chỉnh/Lau dọn)
  - Full Calibration (Cân chỉnh đầy đủ)
3. Chọn **Start** (Bắt đầu) để bắt đầu quá trình cân chỉnh.  

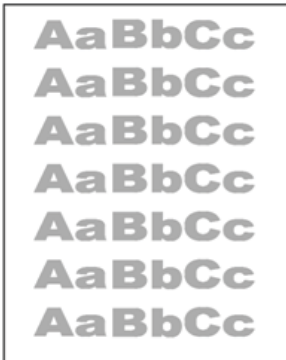
Thông báo **Calibrating** (Hiệu chỉnh) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in. Quá trình hiệu chỉnh kéo dài khoảng vài phút. Không tắt máy in cho đến khi hoàn tất quá trình hiệu chỉnh.
  4. Chờ trong khi máy in hiệu chỉnh, sau đó thử in lại.

# Bảng lỗi hình ảnh

## Bảng 6-1 Bảng tham khảo nhanh về lỗi hình ảnh

---

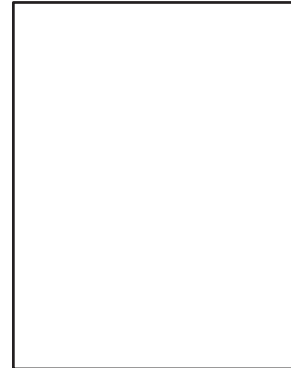
[Bảng 6-2 In nhạt thuộc trang 138](#)



[Bảng 6-3 Nền xám hoặc in đậm thuộc trang 138](#)



[Bảng 6-4 Trang trống — Không in thuộc trang 139](#)



---

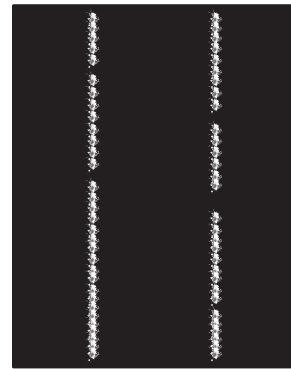
[Bảng 6-5 Trang đen thuộc trang 139](#)



[Bảng 6-6 Lỗi dải vạch thuộc trang 140](#)

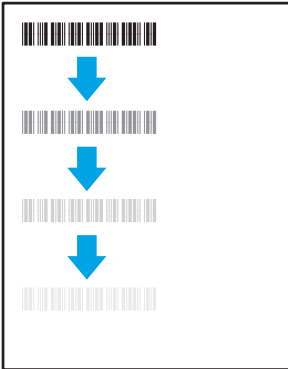


[Bảng 6-7 Lỗi đường sọc thuộc trang 140](#)



## Bảng 6-1 Bảng tham khảo nhanh về lỗi hình ảnh (còn tiếp)

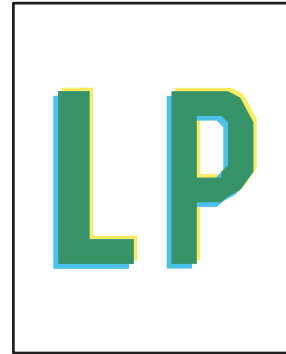
Bảng 6-8 Lỗi hãm ảnh/cuộn sậy thuộc trang 141



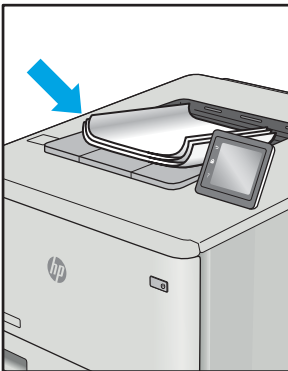
Bảng 6-9 Lỗi sắp xếp hình ảnh thuộc trang 141



Bảng 6-10 Lỗi định mặt phẳng màu (chỉ kiểu máy màu) thuộc trang 142




Bảng 6-11 Lỗi đầu ra thuộc trang 142




Có thể giải quyết các lỗi hình ảnh, bất kể nguyên nhân nào, bằng các bước giống nhau. Đầu tiên, sử dụng các bước sau đây để giải quyết các vấn đề lỗi hình ảnh.

1. In lại tài liệu. Về bản chất, lỗi chất lượng in có thể thỉnh thoảng xảy ra hoặc hoàn toàn biến mất khi thao tác in được tiếp tục.
2. Kiểm tra tình trạng của hộp mực hoặc các hộp mực. Nếu hộp mực ở tình trạng **Very Low** (Gần hết) (tức là đã qua thời gian sử dụng định mức), hãy thay hộp mực.
3. Đảm bảo các cài đặt chế độ in khay và trình điều khiển phù hợp với vật liệu in được nạp vào khay. Thử sử dụng ram giấy khác hoặc khay khác. Thử sử dụng chế độ in khác.
4. Đảm bảo máy in nằm trong phạm vi nhiệt độ/độ ẩm hoạt động được hỗ trợ.
5. Đảm bảo loại giấy, kích cỡ và trọng lượng giấy được hỗ trợ bởi máy in. Xem trang hỗ trợ máy in tại [support.hp.com](http://support.hp.com) để biết danh sách các kích cỡ giấy và loại giấy được hỗ trợ cho máy in.


 **GHI CHÚ:** Thuật ngữ "sấy nóng" liên quan đến một phần của quá trình in nơi hộp mực được thêm vào giấy.

Các ví dụ sau đây mô tả giấy Letter đã đi qua cạnh ngắn máy in trước tiên.


**Bảng 6-2 In nhạt**

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>In nhạt:</b></p> <p>Nội dung được in trên toàn bộ trang bị nhạt hoặc không rõ.</p>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. In lại tài liệu.</li><li>2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực.</li><li>3. <b>Chỉ dành cho kiểu máy in đơn sắc:</b> Đảm bảo cài đặt Chế độ tiết kiệm đã tắt trên bảng điều khiển máy in và trong trình điều khiển in.</li><li>4. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.</li><li>5. In Trang tình trạng mực in và kiểm tra thời gian và cách sử dụng hộp mực.</li><li>6. Thay hộp mực.</li><li>7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>


**Bảng 6-3 Nền xám hoặc in đậm**

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>Nền xám hoặc in đậm:</b></p> <p>Hình ảnh hoặc văn bản được in đậm hơn mong đợi.</p>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. Đảm bảo giấy trong khay chưa chạy qua máy in.</li><li>2. Sử dụng loại giấy khác.</li><li>3. In lại tài liệu.</li><li>4. <b>Chỉ dành cho kiểu máy in đơn sắc:</b> Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào menu <a href="#">Adjust Toner Density</a> (Điều chỉnh mật độ bột mực), sau đó điều chỉnh mật độ bột mực đến mức thấp hơn.</li><li>5. Đảm bảo máy in nằm trong phạm vi nhiệt độ và độ ẩm hoạt động được hỗ trợ.</li><li>6. Thay hộp mực.</li><li>7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>


**Bảng 6-4 Trang trống — Không in**

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>Trang trống — Không in:</b></p> <p>Trang để trống hoàn toàn và không có nội dung in.</p>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. Đảm bảo đang dùng hộp mực HP chính hãng.</li><li>2. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.</li><li>3. In bằng hộp mực khác.</li><li>4. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy nhẹ hơn.</li><li>5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>

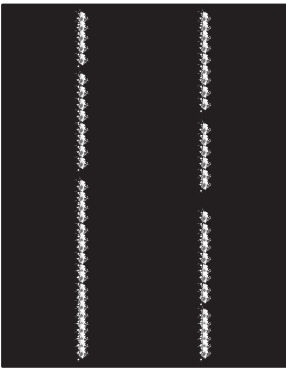
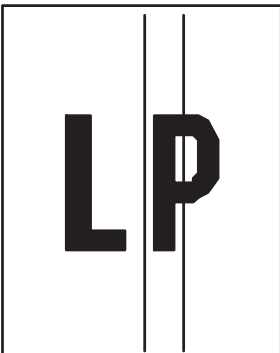
**Bảng 6-5 Trang đen**

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>Trang đen:</b></p> <p>Toàn bộ trang được in đều là màu đen.</p>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. Kiểm tra bằng mắt thường xem hộp mực có bị hỏng không.</li><li>2. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.</li><li>3. Thay hộp mực</li><li>4. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>

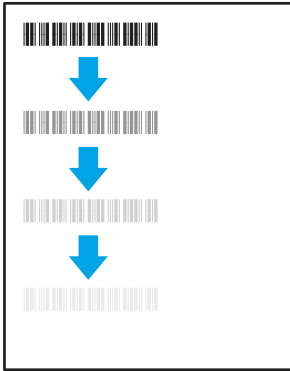
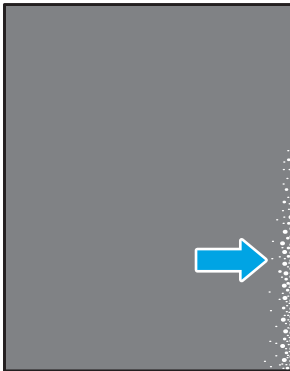
**Bảng 6-6 Lỗi dải vạch**

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>Dải vạch có độ rộng cách nhau lặp lại hoặc dải xung:</b></p> <p>Các đường đậm hoặc nhạt lặp lại dọc xuống chiều dài của giấy. Các đường này có nét đậm hoặc nhạt. Lỗi chỉ hiển thị trong khu vực tô, không hiển thị trong văn bản hoặc những vùng không có nội dung in.</p>		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. In lại tài liệu.</li> <li>2. Thử in từ một khay khác.</li> <li>3. Thay hộp mực.</li> <li>4. Sử dụng loại giấy khác.</li> <li>5. <b>Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise:</b> Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển in, hãy truy cập vào menu <a href="#">Adjust Paper Types</a> (Điều chỉnh loại giấy), sau đó chọn chế độ in được thiết kế cho một vật liệu in nặng hơn một chút so với loại bạn đang dùng. Việc này sẽ làm giảm tốc độ in và có thể cải thiện chất lượng in.</li> <li>6. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li> </ol>


**Bảng 6-7 Lỗi đường sọc**

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>Đường sọc dọc nhạt:</b></p> <p>Đường sọc nhạt thường kéo dài qua chiều dài của giấy. Lỗi chỉ hiển thị trong khu vực tô, không hiển thị trong văn bản hoặc những vùng không có nội dung in.</p>		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. In lại tài liệu.</li> <li>2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực.</li> <li>3. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li> </ol> <p><b>GHI CHÚ:</b> Cả đường sọc dọc đậm hoặc nhạt có thể xảy ra khi môi trường in nằm ngoài phạm vi nhiệt độ hoặc độ ẩm được chỉ định. Tham khảo các thông số kỹ thuật môi trường của máy in để biết các mức nhiệt độ và độ ẩm cho phép.</p>
<p><b>Đường sọc dọc đậm và đường dọc lau dọn ITB (chỉ kiểu máy in màu):</b></p> <p>Các đường đậm xuất hiện dọc xuống chiều dài của giấy. Lỗi có thể xảy ra ở bất kỳ chỗ nào trên trang, trong khu vực tô hoặc những vùng không có nội dung in.</p>		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. In lại tài liệu.</li> <li>2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực.</li> <li>3. In một trang lau dọn.</li> <li>4. Kiểm tra mức bột mực trong hộp mực.</li> <li>5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li> </ol>


**Bảng 6-8** Lỗi hãm ảnh/cuộn sấy

Mô tả	Hãm ảnh/cuộn sấy	Giải pháp khả thi
<p><b>Độ lệch cuộn sấy nóng (bóng):</b></p> <p>Độ lệch hoặc bóng mờ của hình ảnh được lặp lại dọc theo trang. Ảnh lặp lại đó có thể mờ dần theo từng lần xuất hiện.</p>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. In lại tài liệu.</li><li>2. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy nhẹ hơn.</li><li>3. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>
<p><b>Sấy nóng kém:</b></p> <p>Bột mực rải dọc theo cạnh giấy. Lỗi này thường xuất hiện nhiều ở các cạnh của tác vụ có mật độ bao phủ cao và trên loại vật liệu in nhẹ, nhưng có thể xảy ra ở bất kỳ đâu trên trang.</p>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. In lại tài liệu.</li><li>2. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy sáng hơn.</li><li>3. <b>Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise:</b> Từ bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào menu <a href="#">Edge-to-Edge</a> (Cạnh đối cạnh), sau đó chọn <a href="#">Normal</a> (Thường). In lại tài liệu.</li><li>4. <b>Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise:</b> Từ bảng điều khiển máy in, chọn <a href="#">Auto Include Margins</a> (Tự động bao gồm lề), sau đó in lại tài liệu.</li><li>5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>


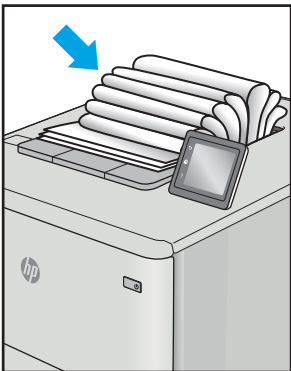
**Bảng 6-9** Lỗi sắp xếp hình ảnh

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>Lề trang và nghiêng lệch:</b></p> <p>Hình ảnh không nằm ở giữa hoặc bị nghiêng lệch trên trang. Lỗi xuất hiện do giấy không được đặt theo đúng cách khi bị kéo ra khỏi khay và đi qua đường dẫn giấy.</p>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. In lại tài liệu.</li><li>2. Lấy giấy ra và nạp lại khay. Đảm bảo tất cả các cạnh giấy xếp đồng đều nhau ở mọi bên.</li><li>3. Đảm bảo mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy. Không nạp quá nhiều giấy vào khay.</li><li>4. Đảm bảo thanh dẫn giấy đã được chỉnh đúng theo khổ giấy. Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.</li><li>5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>

**Bảng 6-10 Lỗi định mặt phẳng màu (chỉ kiểu máy màu)**

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>Định mặt phẳng màu:</b></p> <p>Một hoặc nhiều màu của mặt phẳng không được canh thẳng với các mặt phẳng màu khác. Lỗi chủ yếu thường là màu vàng.</p>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. In lại tài liệu.</li><li>2. Từ bảng điều khiển máy in, hiệu chỉnh máy in.</li><li>3. Nếu hộp mực đã đạt tới một tình trạng <b>Very Low</b> (Gần hết) hoặc đầu ra cực kỳ mờ, thay hộp mực.</li><li>4. Từ bảng điều khiển máy in, sử dụng tính năng <b>Restore Calibration</b> (Khôi phục hiệu chỉnh) để xác lập lại các cài đặt cân chỉnh của máy in về mặc định gốc.</li><li>5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>

**Bảng 6-11 Lỗi đầu ra**

Mô tả	Mẫu	Giải pháp khả thi
<p><b>Giấy ra bị quấn:</b></p> <p>Cạnh giấy in ra bị quấn. Cạnh quấn có thể dọc theo bên ngắn hay dài của giấy. Có thể có hai kiểu quấn:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Quấn vào:</b> Đường cong giấy hướng về phía được in. Lỗi xuất hiện trong các môi trường khô hoặc khi in các trang mật độ bao phủ cao.</li><li>• <b>Quấn ra:</b> Đường cong giấy hướng cách xa phía được in. Lỗi xuất hiện trong các môi trường độ ẩm cao hoặc khi in các trang mật độ bao phủ thấp.</li></ul>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. In lại tài liệu.</li><li>2. <b>Quấn vào:</b> Từ bảng điều khiển máy in, chọn loại giấy nặng hơn. Loại giấy nặng hơn tạo ra nhiệt độ cao hơn để in. <b>Quấn ra:</b> Từ bảng điều khiển máy in, chọn loại giấy nhẹ hơn. Loại giấy nhẹ hơn tạo ra nhiệt độ thấp hơn để in. Thử bảo quản giấy trong một môi trường khô trước khi dùng hoặc sử dụng giấy mới hoàn toàn.</li><li>3. In ở chế độ in hai mặt.</li><li>4. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>
<p><b>Xếp chồng giấy ra:</b></p> <p>Giấy không xếp chồng đúng trong khay giấy ra. Chồng giấy có thể không đều, bị lệch, hoặc các trang có thể bị đẩy ra khỏi khay và rơi trên sàn. Lỗi xảy ra do một các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Giấy bị quấn nhiều</li><li>• Giấy trong khay bị nhàu nát hoặc méo mó</li><li>• Không phải loại giấy tiêu chuẩn, ví dụ như phong bì</li><li>• Khay giấy ra quá đầy</li></ul>		<ol style="list-style-type: none"><li>1. In lại tài liệu.</li><li>2. Kéo dài phần mở rộng của ngăn giấy ra.</li><li>3. Nếu là lỗi do giấy bị quấn nhiều, hãy hoàn tất các bước xử lý sự cố cho giấy ra bị cong.</li><li>4. Sử dụng loại giấy khác.</li><li>5. Sử dụng giấy mới hoàn toàn.</li><li>6. Lấy giấy ra khỏi khay giấy ra trước khi khay quá đầy.</li><li>7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a>.</li></ol>



# Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây

## Giới thiệu

Một số loại vấn đề có thể cho biết có sự cố truyền tín hiệu mạng. Các vấn đề này bao gồm các sự cố sau:

- Mất khả năng giao tiếp với máy in theo chu kỳ
- Không thể tìm thấy máy in trong quá trình cài đặt trình điều khiển
- Không thể in theo chu kỳ

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo máy in hiện truyền được tín hiệu qua mạng. Trước khi bắt đầu, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển máy in và tìm địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang này.

- [Kết nối vật lý kém](#)
- [Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này](#)
- [Máy tính không thể giao tiếp với máy in](#)
- [Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này](#)
- [Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích](#)
- [Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai](#)
- [Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai](#)



**GHI CHÚ:** HP không hỗ trợ mạng ngang hàng vì tính năng là chức năng của hệ điều hành Microsoft chứ không phải của trình điều khiển in HP. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào trang web của Microsoft tại địa chỉ [www.microsoft.com](http://www.microsoft.com).

## Kết nối vật lý kém

1. Hãy kiểm tra xem máy in có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cáp có độ dài phù hợp không.
2. Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.
3. Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của máy in và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách nhấp nháy cho biết lưu lượng mạng và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng liên tục cho biết một liên kết mạng.
4. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.

## Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này

1. Mở thuộc tính máy in và nhấp vào tab **Ports** (Cổng). Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho máy in có được chọn không. Địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang cấu hình máy in.
2. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn ô **Always print to this printer, even if its IP address changes** (Luôn in vào máy in này, ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi).

3. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ thay cho địa chỉ IP.
4. Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa máy in và sau đó thêm lại.

## Máy tính không thể giao tiếp với máy in

1. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
  - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.
    - Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn **Enter**.
    - Đối với OS X, hãy đến **Applications** (Ứng dụng), sau đó là **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị cuối).
  - b. Nhập `ping` và địa chỉ IP cho máy in của bạn.
  - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
2. Nếu lệnh ping báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, sau đó kiểm tra các cài đặt mạng, máy in và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng.

## Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này

HP khuyên bạn để những cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Nếu bạn thay đổi những thông số cài đặt này, bạn cũng phải thay đổi chúng cho mạng của bạn.

## Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích

Xác minh rằng mọi chương trình phần mềm mới đều được cài đặt đúng cách và sử dụng trình điều khiển in phù hợp.

## Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai

1. Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển in và cài đặt chuyển hướng mạng.
2. Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.

## Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai


1. Xem lại trang cấu hình để kiểm tra tình trạng của giao thức mạng. Bật nó nếu cần.
2. Định cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.

# Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây

- [Giới thiệu](#)
- [Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây](#)
- [Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất](#)
- [Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba](#)
- [Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in](#)
- [Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây](#)
- [Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN](#)
- [Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây](#)
- [Mạng không dây không hoạt động](#)
- [Giảm nhiễu trên mạng không dây](#)

## Giới thiệu

Dùng thông tin xử lý sự cố để giúp giải quyết các sự cố.

 **GHI CHÚ:** Để xác định có bật in HP NFC và Wireless Print Direct trên máy in của bạn hay không, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển của máy in

## Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây

- Xác minh rằng cáp mạng không được kết nối.
- Xác minh máy in và bộ định tuyến mạng không dây đã được bật và có điện. Đồng thời đảm bảo rằng bộ thu tín hiệu mạng không dây của máy in đã được bật.
- Xác minh rằng số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) là chính xác. In trang cấu hình để biết SSID. Nếu bạn không chắc liệu SSID có chính xác hay không, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.
- Với các mạng bảo mật, hãy xác minh rằng thông tin bảo mật là chính xác. Nếu thông tin bảo mật không chính xác, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.
- Nếu mạng không dây hoạt động chính xác, hãy thử truy cập vào các máy tính khác trên mạng không dây. Nếu mạng có truy cập Internet, hãy thử kết nối với Internet qua kết nối mạng không dây.
- Xác minh rằng phương thức mã hóa (AES hoặc TKIP) của máy in giống với phương thức mã hóa dành cho điểm truy cập không dây (trên các mạng sử dụng bảo mật WPA).
- Xác minh máy in nằm trong phạm vi của mạng không dây. Đối với hầu hết các mạng, máy in phải nằm trong phạm vi 30 m của điểm truy cập không dây (bộ định tuyến mạng không dây).
- Xác minh rằng các vật cản không chặn tín hiệu của mạng không dây. Loại bỏ bất kỳ vật kim loại lớn nào giữa điểm truy cập và máy in. Đảm bảo các cột, tường hoặc các trụ chống đỡ có chứa kim loại hoặc bê tông không ngăn cách máy in và điểm truy cập không dây.

- Xác minh rằng máy in được đặt cách xa các thiết bị điện có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây. Nhiều thiết bị có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây, trong đó gồm có động cơ, điện thoại không dây, camera hệ thống an ninh, các mạng không dây khác và một số thiết bị Bluetooth.
- Xác minh rằng trình điều khiển in đã được cài đặt trên máy tính.
- Xác minh rằng bạn đã chọn đúng cổng máy in.
- Xác minh rằng máy tính và máy in kết nối với cùng một mạng không dây.
- Đối với OS X, xác nhận rằng bộ định tuyến không dây hỗ trợ Bonjour.

## Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất

1. Hãy chắc chắn là máy in đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
2. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
3. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
4. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.
5. Xác nhận bạn có thể mở Máy chủ web nhúng của HP từ một máy tính trên mạng.

## Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba

1. Cập nhật tường lửa bằng bản cập nhật mới nhất hiện có của nhà sản xuất.
2. Nếu chương trình yêu cầu truy cập tường lửa khi bạn cài đặt máy in hoặc cố gắng in, hãy đảm bảo bạn cho phép chương trình chạy.
3. Tạm thời tắt tường lửa, sau đó cài đặt máy in không dây trên máy tính. Bật tường lửa khi bạn đã kết thúc quá trình cài đặt không dây.

## Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in

1. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
2. In một trang cấu hình.
3. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên trang cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
4. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho máy in.

## Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây

1. Đảm bảo rằng các máy tính khác nằm trong phạm vi của mạng không dây và không có vật cản nào chặn tín hiệu. Đối với hầu hết các mạng, phạm vi của mạng không dây nằm trong vòng 30 m của điểm truy cập không dây.
2. Hãy chắc chắn là máy in đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
3. Đảm bảo rằng không có nhiều hơn 5 người dùng Wireless Print Direct cùng một lúc.

4. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
5. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
6. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.

## Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN

- Thông thường, bạn không thể kết nối với VPN và các mạng khác cùng một lúc.

## Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây

- Đảm bảo bộ định tuyến không dây được bật và có điện.
- Mạng có thể bị ẩn. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể kết nối với mạng bị ẩn.

## Mạng không dây không hoạt động

1. Đảm bảo rằng cáp mạng không được kết nối.
2. Để xác minh liệu mạng có mất kết nối hay không, hãy thử kết nối các thiết bị khác với mạng.
3. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
  - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.
    - Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn **Enter**.
    - Đối với OS X, hãy đến **Applications** (Ứng dụng), sau đó là **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị cuối).
  - b. Nhập `ping` theo sau là địa chỉ IP của bộ định tuyến.
  - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
4. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
  - a. In một trang cấu hình.
  - b. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên báo cáo cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
  - c. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho máy in.

## Giảm nhiễu trên mạng không dây

Các mẹo sau có thể giảm nhiễu trên mạng không dây:

- Để thiết bị không dây cách xa các vật thể kim loại lớn như tủ đựng hồ sơ và các thiết bị điện tử khác như lò vi sóng và điện thoại không dây. Những vật thể này có thể làm gián đoạn tín hiệu vô tuyến.
- Để thiết bị không dây cách xa kết cấu gạch đá lớn và các kết cấu xây dựng khác. Những vật thể này có thể hấp thụ sóng vô tuyến và làm giảm cường độ tín hiệu.
- Đặt bộ định tuyến không dây vào vị trí trung tâm trong đường ngắm của các máy in không dây trên mạng.

# Bảng chú dẫn

## A

AirPrint 71

## B

bảng điều khiển

định vị 2

bảng điều khiển

tính năng định vị 4, 6

bảng điều khiển

trợ giúp 99

bàn phím

định vị 2

bảo mật

ổ cứng được mã hóa 91

bảo vệ các hộp mực 44

bảo vệ hộp mực 44

bộ định dạng

định vị 3

bộ nhớ

đi kèm 9

bộ thu gom bột mực

số bộ phận 38

thay 52

Bảo mật IP 89

Bonjour

chỉ định 76

## C

các vấn đề về chất lượng hình ảnh  
ví dụ và giải pháp 136

cài đặt trình điều khiển máy Mac

Lưu trữ Lệnh in 66

cài đặt in

Máy chủ Web Nhúng của HP

79

cài đặt bảo mật

Máy chủ web nhúng của HP

81

cài đặt mạng

Máy chủ web nhúng của HP

81

cài đặt in hai mặt qua mạng, thay

đổi 87

cài đặt tốc độ liên kết qua mạng,

thay đổi 87

cài đặt

khôi phục cài đặt gốc 100

cấu hình chung

Máy chủ web nhúng của HP

78

công tắc nguồn

định vị 2

cổng

định vị 4

cổng giao tiếp

định vị 4

cổng nối, cài đặt mặc định 86

cổng nối mặc định, cài đặt 86

cổng USB, tùy chọn

số bộ phận 38

cuộn sấy

kẹt giấy 126

cửa bên phải

kẹt giấy 126

cửa bên phải phía dưới

xử lý kẹt giấy 129

Chăm sóc Khách hàng HP 98

Cổng in USB 2.0 Tốc độ Cao

định vị 4

Cổng LAN

định vị 4

Cổng RJ-45

định vị 4

Cổng USB

định vị 4

bật 72

## CH

chất lượng hình ảnh

kiểm tra tình trạng hộp mực

in 131

chế độ in sẵn đầu đề khác 24,

28, 32

chế độ nghỉ 92

chính sách hộp mực 41

## D

danh sách các liên kết khác

Máy chủ web nhúng của HP

83

danh sách kiểm tra

kết nối không dây 145

dụng cụ xử lý sự cố

Máy chủ web nhúng của HP 80

dùng nguồn điện

1 watt hoặc ít hơn 92

Dịch vụ web HP

bật 81

## Đ

điện

tiêu thụ 16

đặt hàng

mực in và phụ kiện 38

Địa chỉ IPv4 86

Địa chỉ IPv6 86

## E

Ethernet (RJ-45)

định vị 4

Explorer, phiên bản được hỗ trợ

Máy chủ web nhúng của HP

76

## G

giấy  
  chọn 132  
  kẹt giấy 110  
   nạp vào khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 tờ 29  
   nạp vào Khay 2 và các khay 550 tờ 25  
   nạp Khay 1 21  
giấy, đặt hàng 38  
giấy đặc biệt  
  in (Windows) 59  
giấy bóng kính  
  in (Windows) 59  
giấy kẹt  
  tự động điều hướng 110

## H

hai mặt  
  thủ công (Mac) 61  
hai mặt thủ công  
  Windows 58  
hai mặt thủ công  
  Mac 61  
hệ điều hành, được hỗ trợ 11  
hiệu chỉnh  
  màu 134  
hộp mực  
  số đặt hàng 48  
  sử dụng khi ở ngưỡng còn ít 102  
  thay thế 48  
hộp mực in  
  cài đặt ngưỡng còn ít 102  
  số đặt hàng 48  
  số bộ phận 38  
  thay thế 48  
hộp mực HP chính hãng 41  
hỗ trợ  
  trực tuyến 98  
hỗ trợ khách hàng  
  trực tuyến 98  
hỗ trợ kỹ thuật  
  trực tuyến 98  
hỗ trợ trực tuyến 98  
hướng giấy  
  Khay 1 22  
  Khay 2 và các khay 500 tờ 31  
  Khay 2 và các khay 550 tờ 27  
HP ePrint 69

HP Web Jetadmin 94

## I

in  
  lệnh in đã lưu 66  
  tử phụ kiện lưu trữ USB 72  
in di động, phần mềm được hỗ trợ 13  
in di động  
  thiết bị Android 71  
in hai mặt  
  cài đặt (Windows) 58  
  Mac 61  
  Windows 58  
in hai mặt  
  thủ công (Windows) 58  
in hai mặt (hai mặt)  
  cài đặt (Windows) 58  
in riêng 64  
in trên cả hai mặt  
  cài đặt (Windows) 58  
  Mac 61  
in trên cả hai mặt  
  thủ công, Windows 58  
  Windows 58  
Internet Explorer, phiên bản được hỗ trợ  
  Máy chủ web nhúng của HP 76  
In easy-access USB 72  
In giao tiếp cận trường 68  
In NFC 68  
In Wireless Direct 68  
In Wi-Fi Direct 13  
IPsec 89

## J

Jetadmin, HP Web 94

## K

kẹt  
  cửa bên phải phía dưới 129  
  khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 tờ 122  
  ngăn giấy ra 110  
  vị trí 109  
kẹt giấy  
  cuộn sấy 126  
  cửa bên phải 126  
  cửa bên phải phía dưới 129  
  khay 550 tờ 117

khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 tờ 122  
ngăn giấy đầu ra 110  
nguyên nhân 110  
vị trí 109  
Khay 1 111  
Khay 2 113  
kết nối nguồn  
  định vị 3  
kích thước, máy in 14  
Khay 1  
  hướng giấy 22  
  kẹt giấy 111  
   nạp phong bì 34  
Khay 2  
  kẹt giấy 113  
Khay 2 và các khay 500 tờ  
  hướng giấy 31  
Khay 2 và các khay 550 tờ  
  hướng giấy 27  
   nạp 25

## KH

khay  
  định vị 2  
  đi kèm 9  
  khả năng chứa giấy 9  
khay 3 x 550 tờ có chân đế số bộ phận 38  
khay 550 tờ  
  kẹt giấy 117  
khay 550 tờ có chân đế số bộ phận 38  
khay giấy  
  số bộ phận 38  
khay giấy 550 tờ  
  số bộ phận 38  
khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 có chân đế số bộ phận 38  
khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.000 tờ  
  gỡ giấy kẹt 122  
   nạp 29  
khóa  
  bộ định dạng 91  
khôi phục cài đặt gốc 100



## L

làm sạch  
đường dẫn giấy 131  
lệnh in, đã lưu  
tạo (Windows) 64  
in 66  
xóa 67  
lệnh in, đã lưu  
cài đặt máy Mac 66  
lệnh in đã lưu  
tạo (Windows) 64  
lệnh in đã lưu  
tạo (Mac) 66  
in 66  
xóa 67  
loại giấy  
chọn (Mac) 62  
chọn (Windows) 59  
lưu lệnh in  
bằng Windows 64  
lưu trữ, lệnh in  
cài đặt máy Mac 66  
lưu trữ lệnh in 64

## M

mạng  
được hỗ trợ 9  
địa chỉ IPv4 86  
địa chỉ IPv6 86  
cài đặt, xem 84  
cài đặt, thay đổi 84  
cổng nối mặc định 86  
mặt nạ mạng phụ 86  
tên máy in, thay đổi 85  
HP Web Jetadmin 94  
mạng không dây  
troubleshooting 145  
mạng khu vực cục bộ (LAN)  
định vị 4  
màn hình cảm ứng  
định vị tính năng 6  
màu  
hiệu chỉnh 134  
mặt nạ mạng phụ 86  
máy chủ in không dây  
số bộ phận 38  
mực in  
đặt hàng 38  
cài đặt ngưỡng còn ít 102  
số bộ phận 38

sử dụng khi ở ngưỡng còn ít  
102  
thay bộ thu gom bột mực 52  
Máy chủ web nhúng của HP  
cấu hình chung 78  
Máy chủ web nhúng (EWS)  
tính năng 76  
Máy chủ web nhúng (EWS)  
gán mật khẩu 89  
kết nối mạng 76  
Máy chủ web nhúng (EWS) của  
HP  
tính năng 76  
Máy chủ web nhúng (EWS) của  
HP  
kết nối mạng 76  
Máy chủ web nhúng của HP  
cài đặt bảo mật 81  
cài đặt mạng 81  
danh sách các liên kết khác  
83  
dụng cụ xử lý sự cố 80  
trang thông tin 78  
Máy chủ web nhúng của HP  
Dịch vụ web HP 81  
Máy chủ Web nhúng  
mở 84, 85  
thay đổi tên máy in 85  
Máy chủ Web Nhúng của HP  
cài đặt in 79  
Máy chủ Web Nhúng của HP  
thay đổi cài đặt mạng 84  
thay đổi tên máy in 85  
Máy chủ Web Nhúng của HP  
mở 84, 85  
thay đổi cài đặt mạng 84

## N

nap  
giấy trong khay tiếp giấy dung  
lượng lớn 2.000 tờ 29  
giấy vào Khay 1 21  
giấy vào Khay 2 và các khay  
550 tờ 25  
nút bật/tắt  
định vị 2  
Netscape Navigator, phiên bản  
được hỗ trợ  
Máy chủ web nhúng của HP  
76

Nút Bắt đầu sao chép  
định vị 6  
Nút Dừng  
định vị 4  
Nút Đăng nhập  
định vị 6  
Nút Đăng xuất  
định vị 6  
Nút Màn hình chính  
định vị 4, 6  
Nút Trợ giúp  
định vị 4, 6

## NG

ngăn, ra  
định vị 2  
ngăn giấy đầu ra  
định vị 2  
xử lý giấy kẹt 110  
nguồn cung cấp  
thay hộp mực in 48

## NH

nhãn  
hướng 35  
in (Windows) 59  
in trên 35  
nhãn, nạp 35  
nhiều trang trên một tờ  
chọn (Mac) 62  
chọn (Windows) 59  
in (Mac) 62  
in (Windows) 59  
nhiều trên mạng không dây 147

## Ô

ổ cứng  
được mã hóa 91  
số bộ phận 38

## P

Phần mềm HP ePrint 70

## PH

phong bì  
hướng 22  
phong bì, nạp 34  
phương tiện in  
nạp vào Khay 1 21

phụ kiện  
đặt hàng 38  
số bộ phận 38  
phụ kiện lưu trữ USB  
in từ 72  
phụ kiện thay thế  
số bộ phận 40  
phụ kiện NFC  
số bộ phận 38

**Q**  
quản lý mạng 84

**S**  
số bộ phận  
định vị 3  
bộ thu gom bột mực 38  
hộp mực in 38  
mực in 38  
phụ kiện 38  
phụ kiện thay thế 40  
số sê-ri  
định vị 3  
sự cố nạp giấy  
giải quyết 103, 105  
sử dụng năng lượng, tối ưu hóa  
92

**T**  
tình trạng máy in 4  
tốc độ, tối ưu hóa 92  
Trang web  
HP Web Jetadmin, tải xuống  
94  
TCP/IP  
định cấu hình thông số IPv4  
theo cách thủ công 86  
định cấu hình thông số IPv6  
theo cách thủ công 86

**TH**  
thay  
bộ thu gom bột mực 52  
thay thế hộp mực in 48  
thiết bị Android  
in từ 71  
thông số kỹ thuật  
điện và tiếng ồn 16  
thông số kỹ thuật về điện 16  
thông số kỹ thuật về âm thanh 16

**TR**  
trang mỗi phút 9  
trang thông tin  
Máy chủ web nhúng của HP  
78  
trang web  
hỗ trợ khách hàng 98  
trình điều khiển in, được hỗ trợ  
11  
trình điều khiển, được hỗ trợ 11  
trọng lượng, máy in 14  
trợ giúp, bảng điều khiển 99  
trợ giúp trực tuyến, bảng điều  
khiển 99

**X**  
xóa  
lệnh in đã lưu 67  
xử lý sự cố  
kẹt giấy 110  
kiểm tra tình trạng hộp mực  
in 131  
mạng có dây 143  
mạng không dây 145  
sự cố nạp giấy 103  
xử lý sự cố  
sự cố mạng 143

**Y**  
yêu cầu hệ thống  
tối thiểu 13  
Máy chủ web nhúng của HP  
76  
yêu cầu trình duyệt  
Máy chủ web nhúng của HP  
76  
yêu cầu trình duyệt web  
Máy chủ web nhúng của HP  
76